ĐỐI ĐÁP VỚI CHỨNG NHÂN GIÊ-HÔ-VA

David A.Reed

Nội dung: (Quý vị có thể “click” vào các đề mục bên dưới để chọn phần muốn đọc)  
  
A. Mở đầu  
B. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin gì?  
C. Bộ Kinh Thánh Chứng nhân Đức Giê-hô-va sử dụng.  
D. Cách đối đáp với Chứng nhân Đức Giê-hô-va.  
E. Các kỹ thuật trình bày Phúc Âm cho các Chứng nhân Đức Giê-hô-va.  
F. Lời làm chứng của tác giả.

**A. Mở đầu:**

Họ luôn luôn thu xếp để gõ cửa nhà bạn đúng vào lúc có thể là bất ngờ nhất, lúc bạn hãy còn nằm trên giường vào một sáng thứ bảy, lúc cả gia đình vừa mới ngồi vào bàn để dùng bữa cơm chiều Chúa nhật, giữa lúc bạn đang tắm cho em bé, để rồi họ sẽ cứ quay trở lại luôn với thái độ kiên trì nhẫn nhục mà chỉ có con ruồi hút máu ngựa vào một ngày hè oi bức mới có thể sánh kịp mà thôi. Nếu bạn dành thì giờ để trò chuyện với họ, họ sẽ ra về, để lại cho bạn nỗi thất vọng, bối rối và hoang mang. Họ lật nhanh các trang trong quyển Kinh Thánh của họ từ đầu đến cuối với một tốc độ đáng kinh ngạc, trích dẫn chương nầy tiếp sau câu nọ để “chứng minh” rằng Chúa Cứu Thế Jesus chỉ là một vị thiên sứ, rằng Ngài đã thọ hình trên một cây cọc thẳng dựng đứng lên chứ không phải là trên thập tự giá, rằng nhận máu do người khác truyền sang cho thì cũng có tội như tà dâm vậy, và rằng Hội Tháp Canh (The Watchtower Society) ở Brooklyn, New York, là “nhà tiên tri” hiện đại của Đức Chúa Trời, là “con kênh để truyền thông” của Ngài.

Thật là dễ nghĩ được rằng các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va chính là điều ác nhập thể, để đuổi họ đi ngay khi họ đặt chân lên ngưỡng cửa nhà bạn bằng một lời quở nắng nặng nề! Thỉnh thoảng đó cũng chính là việc đã xảy ra. Nhà tôi là Penni vốn được trưởng dưỡng trong một gia đình Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, có lần cùng đi “chứng đạo” với một thanh niên đang thụ huấn trước cửa một người tự nhận là Cơ-đốc nhân. Ngay sau khi phát giác được chúng tôi là ai, ông ta đã truyền lệnh cho chúng tôi phải ra khỏi khu đất thuộc quyền sở hữu của ông ta ngay, bằng những tiếng thét to hết cỡ: “Đồ lường gạt” và “Bọn nói dối”, vừa lớn tiếng nguyền rủa cho chúng tôi bị sa vào hỏa ngục!

Tuy nhiên, việc thường xảy ra hơn là thái độ dửng dưng chứ không phải một cơn thạnh nộ đã chào đón các chứng nhân Giê-hô-va trước cửa nhà. Câu trả lời họ nghe thường nhất là: “Xin lỗi, tôi chẳng quan tâm”, câu tiếp theo ít phổ biến hơn là “Xin lỗi, tôi đang bận” hoặc thỉnh thoảng, ít khi hơn, là “Xin lỗi, tôi là tín đồ Giám lý (hay tên của một hệ phái Cơ-đốc giáo nào khác)”. Nhiều khi Các chứng nhân của Đức Giê-hô-va cũng trả lời cho người sau cùng nầy rằng: “Tôi cũng xin lỗi vì bạn là tín đồ Giám lý” nhưng thường thường thì người ấy sẽ chỉ nói: “Chúc một ngày tốt lành” rồi đi sang nhà bên cạnh.

Tại sao họ lại cứ kiên trì đi làm chứng như thế? Về một phương diện, họ tin chắc rằng bạn sẽ bị diệt vong trong trận đánh Hạt-ma-ghê-đôn đã gần kề, nếu bạn “không đến với tổ chức mà Đức Giê-hô-va đang chuẩn bị cho sự cứu rỗi” (Tạp chí Tháp Canh, 11/15/81, tr 21). Họ đang cố sức để cứu mạng bạn đấy! nhưng còn hơn thế nữa, động lực thật sự đang thúc đẩy họ là niềm tin rằng họ sẽ không thể tồn tại sau trận Hạt-ma-ghê-đôn nếu họ không dấn thân vào công tác truyền giảng từ nhà nầy sang nhà khác dưới quyền chỉ đạo của “tổ chức của Thiên Chúa”.

Phần lớn các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đều hết sức chân thành, làm hết sức mình để phục vụ Thiên Chúa. Họ giống như những người Do Thái không tin Chúa Jesus mà Thánh Phao-lô từng viết về họ rằng: *“Tuy họ có lòng sốt sắng về Đức Chúa Trời, nhưng lòng sốt sắng đó là không phải theo trí khôn. Bởi họ không nhận biết sự công bình của Đức Chúa Trời và tìm cách lập sự công bình riêng của mình, nên không chịu phục sự công bình của Đức Chúa Trời.”* (Rô-ma 10:2,3)

Đại đa số các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va là nạn nhân của những nạn nhân, là những kẻ mù quáng đi theo các cấp lãnh đạo mù quáng. Họ cần được cứu thoát khỏi vòng bánh xe cứ quay đều thật nhàm chán của việc tư đức lập công, đang biến họ trở thành những tôi tớ sẵn sàng phục vụ cho một đế quốc tôn giáo đang sở hữu nhiều triệu Mỹ kim. Họ cần được giải phóng khỏi chiếc ách áp bức đang đè nặng xuống đôi vai họ, thế nhưng họ lại được lãnh đạo để tin rằng chính việc mang chiếc ách đó sẽ cứu rỗi họ, và rằng người nào tìm cách thuyết phục họ đừng tin như thế, là kẻ lừa dối do Sa-tan sai đến.

Nếu bạn đã từng làm thử, bạn sẽ nhận thấy muốn trò chuyện với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va là khó khăn như thế nào. Họ sẽ thử thách lòng kiên nhẫn của bạn, trắc nghiệm kiến thức về Kinh Thánh của bạn, và hút cạn lòng nhẫn nhục của bạn. Theo dấu của luận điểm đang bàn cãi với họ, cũng khó khăn như theo dõi một hạt đậu trong vũ điệu tách hạt đậu ra khỏi vỏ của nó trong vũ hội, vì họ cứ nhảy liên tục từ câu nầy sang câu kia của Kinh Thánh. Nhưng công sức bỏ ra sẽ rất xứng đáng vì họ rất cần được nghe Phúc âm của bạn.

Đa số các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vốn xuất thân từ lịch sử một đời sống hoàn toàn thiếu mất tính cách thuộc linh. Một phần lớn họ vốn là những tín đồ Công giáo rất ít khi đến nhà thờ. Một số vốn được trưởng dưỡng trong các Hội Thánh Kháng Cách, nhưng chẳng bao giờ lãnh hội được bức thông điệp trong đó. Nhiều người vốn không được sống trong môi trường đạo giáo, và từng sống theo duy vật chủ nghĩa, hoặc trong tội lỗi - hay chỉ đơn giản là bị sa vào bẫy rập của một mê hồn trận các thói quen nhàm chán cứ lặp đi lặp lại mãi mà chẳng dẫn đến đâu cả - thế rồi, đã có các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đến gõ cửa nhà họ. Lời mời tham dự “học hỏi nghiên cứu Kinh Thánh” có vẻ thật hấp dẫn. Đức Chúa Trời chính là điều họ đang cần trong đời sống. Nhưng chẳng bao lâu, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va lại chuyển việc học hỏi nghiên cứu Kinh Thánh sang việc học hỏi nghiên cứu một quyển sách của Hội Tháp Canh, và đưa các môn đệ mới của họ vào một tổ chức thờ lạy các thần tượng thay vì Đức Chúa Trời.

Ai sẽ giúp các Chứng nhân của Đức Giêhô-va để họ được nghe Phúc âm chân chính của Chúa Jesus? Mỗi tuần, họ gõ vào nhiều cửa và gặp nhiều người, kể cả các Cơ-đốc nhân. Nhưng rất ít khi họ gặp người cầm “gươm của Thánh Linh” (Ê-phê-sô 6:17) có thể xuyên thủng thành trì tinh thần của họ - là bức tường thành hầu như khó có thể xuyên thủng được do lối lý luận vặn vẹo mà tổ chức Ngọn Tháp Canh đã được dựng lên trong trí não họ. Chúng ta là Cơ-đốc nhân đang phái nhiều giáo sĩ đến những phần xa xôi hẻo lánh nhất của địa cầu, dạy họ nói các thứ tiếng khó học nhất, hầu tìm kiếm những người đang chết mất để đưa họ về với Chúa Cứu Thế. Chúng ta há không nên cố gắng chút ít để cũng có thể truyền giảng hữu hiệu cho số linh hồn đang chết mất, vẫn đến gõ cửa nhà của chính chúng ta sao?

Nhưng một Cơ-đốc nhân muốn cải giáo các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va sẽ cần được giúp đỡ. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va dành riêng nhiều giờ mỗi tuần để học hỏi nghiên cứu và thực tập cho những cuộc gặp gỡ như thế. Cho nên, ngay đến người đọc Kinh Thánh có đầy đủ kiến thức về Kinh Thánh vẫn có thể bị một vài luận cứ quái dị của họ tấn công bất ngờ. Nếu việc ấy xảy ra, bạn sẽ đi tìm sự hỗ trợ ở đâu? Quyển sách nầy đã được soạn thảo là nhằm vào cứu cánh ấy.

Trong sách nầy, tôi đã dụng công khảo sát thật kỹ những câu Kinh Thánh mà các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tỏ ra tâm đắc - những văn bản mà họ lợi dụng, viện lẽ là để truyền dạy các giáo thuyết của Hội Tháp Canh. Mỗi câu đều được tra xét từ nhiều góc cạnh, Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va hiểu câu ấy như thế nào? Nó phù hợp với cơ cấu giáo thuyết của họ như thế nào? Câu ấy có bị dịch sai trong bản dịch Kinh Thánh nhằm mục đích xuyên tạc của họ không? Họ có rút nó ra từ văn mạch của nó hay không? Câu ấy thật ra muốn nói gì? Bạn có thể tranh luận thành công nhất với một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va về khúc sách ấy như thế nào?

Nhiều câu Kinh Thánh khác được chọn để bạn đưa vào một cuộc tranh luận mà các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va không biết đến - những văn bản mà các cấp lãnh đạo của họ đã cẩn thận né tránh khi hướng dẫn những người theo họ đi rảo một vòng xuyên suốt bộ Kinh Thánh. (Tuy tôi vốn là một trưởng lão của Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va suốt tám năm, phụ trách dạy dỗ cho chính hội chúng của tôi và thường làm diễn giả thỉnh giảng của nhiều hội chúng khác, đã có nhiều khúc sách mà tôi chưa hề biết là có trong Kinh Thánh, cho đến khi những màn mây mù được cất khỏi đôi mắt tôi). Quyển sách nầy thảo luận những câu có ý nghĩa nhất trong số các câu Kinh Thánh ấy, nhằm chứng minh cho bạn phương pháp mà bạn có thể lợi dụng chúng thật kiến hiệu hầu chia xẻ Phúc Âm của Chúa Cứu Thế với mỗi Chứng nhân của Đức Giê-hô-va.

Để bạn có thể tham khảo thật nhanh chóng, các văn bản sẽ xuất hiện theo thứ tự để chúng có thể được tìm thấy ngay trong Kinh Thánh. Nhưng quyển sách nầy sẽ phục vụ bạn đắc lực nhất nếu bạn đọc trọn cả quyển trước khi sử dụng nó trong một lần gặp gỡ thật sự với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va.

**B. Các Chứng Nhân của Đức Giê-hô-va tin gì?**

Lẽ dĩ nhiên là trong một vài lãnh vực, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin nhiều điều giống với các Cơ-đốc nhân chính thống, thí dụ, họ từ chối việc liên hệ tình dục ngoài hôn nhân, xem đó là tội, họ công nhận phần ký thuật của Kinh Thánh về công cuộc sáng tạo trời đất muôn vật, chống lại thuyết tiến hóa, họ tin rằng Thánh Kinh là Lời mặc khải của Đức Chúa Trời. Nhưng trong nhiều lãnh vực khác, các giáo thuyết của họ lại biệt riêng họ ra, và đánh dấu trên họ để cho thấy họ là một đạo giả danh là Cơ-đốc giáo (a psendo Christiancult) - nhất là những lời truyền dạy của giáo phái nầy liên hệ đến các vấn đề sau đây:

**Trận Hạt-ma-ghê-đôn**: Chẳng bao lâu nữa, Thượng Đế sẽ tuyên chiến với loài người, tiêu diệt tất cả mọi người trên đất, ngoại trừ các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va. Họ bảo rằng các giáo hội thuộc Cơ-đốc giáo giới sẽ bị tiêu diệt trước nhất.

**Sinh nhật**: Kỷ niệm sinh nhật bằng bất cứ cách nào đều bị cấm tuyệt đối. Thậm chí gởi một tấm thiệp chúc mừng sinh nhật cũng có thể bị một “ủy ban xét xử” chính thức lập tức có biện pháp chống lại kẻ vi phạm. Hình phạt là “dứt phép thông công”.

**Truyền máu**: Trong thực tế, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va xem việc tiếp nhận máu của một người khác truyền sang là một tội còn nặng hơn trộm cắp hay ngoại tình nữa. Các ủy ban xét xử của Hội Tháp Canh sẽ mau tha thứ tội trộm cắp và ngoại tình hơn là các cá nhân phạm tội nhận máu. Một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va phải từ chối máu trong mọi trường hợp, cả khi làm như thế thì kết quả chắc chắn sẽ là cái chết. Tổ chức cũng đòi hỏi những người trưởng thành từ chối việc truyền máu cho các con cái còn nhỏ của họ.

**Cơ-đốc giáo**: Ngoại trừ vài người rải rác còn giữ được đức tin, Cơ-đốc giáo chân chính đã bị xóa sạch khỏi mặt đất chẳng bao lâu sau cái chết của mười hai vị sứ đồ - theo các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va. Nó vẫn chưa được phục hồi địa vị trước khi Charles Taze Russell thành lập tổ chức Tháp Canh vào những năm cuối thập niên 1870. Lúc Chúa Cứu Thế tái lâm vô hình năm 1914, Ngài nhận thấy nhóm của Russell đang thực hiện công tác của “người đầy tớ trung tín và khôn ngoan” (Ma-thi-ơ 24:45) nên chỉ định cả nhóm của họ làm người thuộc về Ngài. Họ cho rằng tất cả các giáo hội khác và những người tự xưng là Cơ-đốc nhân khác thật ra đều là công cụ của ma quỉ.

**Chúa Jesus tái lâm**: Chúa Jesus đã tái lâm vô hình hồi năm 1914 và từ đó đến nay vẫn luôn luôn hiện diện, cai trị với tư cách là Vua trên địa cầu, qua Hội Tháp Canh. Những chỗ đề cập sự tái “lâm” đều được dịch ra là “hiện diện” trong quyển Kinh Thánh của các Chứng Nhân của Đức Giê-hô-va. Thế hệ những người đã chứng kiến sự tái lâm vô hình của Chúa Cứu Thế hồi năm 1914 sẽ chẳng qua đi trước khi trận Hạt-ma-ghê-đôn diễn ra.

**Biên niên sử**: Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin rằng Đức Chúa Trời có một thời biểu chính xác cho mọi biến cố của quá khứ và tương lai, được ràng buộc vào nhau bằng một công thức toán học đơn giản và được tiết lộ (mặc khải) cho nhân loại qua Hội Tháp Canh. Bảy “ngày” của công trình sáng tạo trong phần ký thuật của Sáng thế ký - mỗi ngày như thế là bảy ngàn năm dài, tổng cộng là một “tuần lễ” gồm bốn mươi chín ngàn năm. Đức Chúa Trời đã dựng nên A-đam vào năm 4026 TC, Ngài dựng nên Ê-va một thời gian ngắn sau đó, đánh đấu cuối ngày sáng tạo thứ sáu và bắt đầu ngày thứ bảy. Do đó, chúng ta hiện đang sống vào khoảng năm 6000 bước qua năm 7000 ấy - nghĩa là trận Hạt-ma-ghê-đôn chẳng bao lâu nữa sẽ kết thúc 6000 năm lao khổ của loài người, mở đường cho một ngàn năm giống như (1000) năm Sa-bát mà Chúa Cứu Thế sẽ trị vì. Căn cứ vào biên niên sử nầy, tổ chức các Chứng Nhân của Đức Giê-hô-va ban hành một số các lời tiên tri đặc thù cho những thời kỳ sau rốt.

**Thập tự giá**: Theo các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, thập tự giá là một biểu tượng của ngoại giáo được Hội Thánh thu nạp lúc Sa-tan, là quỉ vương, cướp quyền kiểm soát công việc truyền đạo. Nó chẳng có liên quan gì với cái chết của Chúa Jesus, vì các Chứng Nhân của Đức Giê-hô-va chủ trương rằng Ngài vốn bị đóng đinh vào một chiếc cọc thẳng đứng, không có thanh gỗ ngang tạo thành hình chữ thập. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va ghê tởm thập tự giá, và những người mới ăn năn qui đạo được trông mong phải phá hủy bất cứ những thập tự giá nào họ có, chứ không phải chỉ vứt bỏ chúng đi mà thôi.

**Thần tánh**: Chỉ một mình Đức Chúa Cha mới là Đức Chúa Trời, và những người thờ phượng chân chính phải gọi Ngài bằng danh Đức Giê-hô-va. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va được dạy rằng Chúa Cứu Thế Jesus chỉ là một hiện thân của Mi-ca-ên là vị thiên sứ trưởng mặc lấy hình người - chứ không phải là Đức Chúa Trời; Chúa Jesus chỉ là một hữu thể (con người) thọ tạo mà thôi. Đức Thánh Linh được giới thiệu không phải với tư cách Đức Chúa Trời, cũng không phải như một con người mà đúng hơn là chỉ như “một năng động lực” mà thôi.

**Dứt phép thông công**: Đây là hình phạt dành cho bất kỳ một vi phạm nào đối với các qui tắc tổ chức của Hội Tháp Canh. Nó gồm có một sắc lệnh công khai, công bố trước toàn thể cử tọa của một buổi họp Đại hội Vương quốc và cấm chỉ mọi kết hợp hay giao hảo (fellowship: thông công) với kẻ phạm tội. Các Chứng nhân khác thậm chí bị cấm cả nói “chào” nếu gặp kẻ có tội ngoài đường phố. Ngoại lệ duy nhất là các thành viên trong gia đình, có thể thực hiện “những công việc cần thiết” với người bị dứt phép thông công, và các trưởng lão có thể nói chuyện với người ấy nếu người ấy đến với họ bằng thái độ ăn năn để xin được tiếp nhận trở lại.

**Thiên đàng**: Chỉ có 144.000 người được vào thiên đàng. “Bầy nhỏ” nầy bắt đầu với mười hai vị sứ đồ, và con số đã được đầy đủ vào khoảng năm 1935. Khoảng 9000 trưởng lão các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va là số người còn lại trên đất hiện nay sẽ được vào thiên đàng, cùng với số còn lại của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đang hi vọng được sống mãi mãi trên đất nầy.

**Hỏa ngục**: Theo sự lãnh đạo của người sáng lập ra nó là Charles T.Russell, Hội Tháp Canh vẫn dạy rằng hades chỉ là một phần mộ, rằng lửa của gehenna tức khắc thiêu hủy các nạn nhân của nó để biến thành hư vô, và rằng chẳng có đời sống có ý thức nào của kẻ chết cho đến khi thân thể họ được sống lại.

**Những ngày nghỉ lễ**: Với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, tổ chức “những ngày nghỉ lễ theo thế gian” tuyệt đối bị cấm. Sự cấm chỉ nầy áp dụng cho sinh nhật của các Tổng thống Hoa Kỳ, Ngày Tình yêu, Ngày Kỷ niệm, Lễ Giáng sinh, Lễ Phục sinh, Ngày Tết (đầu năm mới), Lễ Cảm tạ, Ngày thứ sáu tốt lành, vv... - thậm chí cả Ngày của mẹ và Ngày của cha nữa! Ngay đến một “nguồn gốc ngoại lai” cũng đủ làm căn cứ để xóa bỏ một nghi lễ đặc biệt phải tuân thủ nào, vì sự kiện đơn giản là “người thế gian” giữ nó đã là lý do đầy đủ để các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đừng cử hành nó.

**Đức Thánh Linh**: Đức Thánh Linh chẳng phải là Đức Chúa Trời mà cũng không phải là con người - theo lời dạy của Hội Tháp Canh. “Nó” chỉ là một “năng động lực” phi ngã (impersonal) mà Đức Chúa Trời sử dụng để thực hiện ý chỉ của Ngài.

**Hi vọng**: Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin rằng ngay từ năm 1935, Đức Chúa Trời đã ngưng, không còn kêu gọi các Cơ-đốc nhân để được hi vọng vào thiên đàng nữa. Kể từ lúc ấy, Ngài dành cho người ta cơ hội được sống mãi trên đất nầy ("nhiều triệu người hiện còn sống sẽ chẳng bao giờ chết đi!” là một câu khẩu hiệu tuyên truyền quen thuộc của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va). Thượng Đế sẽ tận diệt tất cả những người khác trên hành tinh nầy, chỉ chừa lại các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va mà thôi, và Ngài sẽ phục hồi một vườn Ê-đen địa đàng trên cả thế gian nầy cho họ.

**Chúa Cứu Thế Jesus**: Trong thần học Tháp Canh, Chúa Cứu Thế Jesus chỉ là một thiên sứ - vị thiên sứ đầu tiên Đức Chúa Trời đã tạo dựng khi bắt đầu dựng nên các thiên sứ. Các Chứng nhân đồng nhất hóa Chúa Cứu Thế với thiên sứ trưởng Mi-ca-ên, tuy họ vẫn gọi Chúa Jesus là “Con Thiên Chúa”, vì “con người có tâm linh đầu tiên mà Thiên Chúa đã dựng nên, cũng giống như con đầu lòng của Ngài vậy” (Sách nhỏ Tháp Canh 1982 nhan đề: Hãy vui hưởng mãi mãi đời sống trên đất, tr 14). Họ cũng gọi Ngài là “một vị thần” và dịch Giăng 1:1; như thế trong Kinh Thánh của họ.

**Tổ chức**: Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin rằng Đức Chúa Trời lập ra tổ chức Tháp Canh để làm con kênh truyền thông nhằm tập họp lại số người sẽ được cứu trong nhân loại. Họ tự nhận tổ chức Tháp Canh là tác nhân hữu hình (đại diện nhìn thấy được) của Nước Trời trên đất, tổ chức nầy có toàn quyền cai trị trên các tín đồ - nó ban hành các đạo luật, đưa những kẻ vi phạm ra xét xử, điều hành các trường học của Nước Trời, và vv... - y hệt như một chính quyền thế tục vậy. Nếu có xung đột giữa hai chính quyền, thì tổ chức phải chịu phục tùng, chứ không phải là chính quyền thế tục. Theo ý nghĩ của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, thì họ “phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn vâng lời loài người” (Công Vụ Các Sứ Đồ 5:19).

**Sự sống lại**: Về Chúa Jesus, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin rằng Ngài không còn hiện hữu nữa sau khi chết, và sau ba ngày, Ngài đã được khiến sống lại với tư cách “một thần linh” - một thiên sứ. Họ phủ nhận sự sống lại của thân thể Ngài. Cùng với lời dạy của họ rằng Chúa Cứu Thế đã tái lâm một cách vô hình hồi năm 1914. Các Chứng nhân tin rằng Ngài đã khiến các Cơ-đốc nhân đã chết sống lại với đời sống của thần linh chẳng bao lâu sau đó, số còn lại của nhân loại đã chết sẽ được khiến sống lại trong thân thể suốt thời gian Đức Chúa Trời cai trị Nước một ngàn năm của Ngài.

**Sự cứu rỗi**: Tuy ngoài miệng họ rao giảng sự cứu rỗi bởi đức tin vào Chúa Jesus, thật ra các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin rằng không thể có được sự cứu rỗi ngoài việc phải vâng lời trọn vẹn Hội Tháp Canh và tích cực tham gia chương trình và các công tác mà Hội ấy đề ra. Thậm chí cá nhân các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va nào không nhiệt thành đủ đối với tổ chức cũng không thể tồn tại sau trận Hạt-ma-ghê-đôn, còn những ai đang dọn đường để mình được vào cảnh địa đàng phải duy trì các công việc lành suốt thời gian trị vì một ngàn năm của Chúa Cứu Thế trước khi họ có thể được đóng ấn để được sống.

**C. Bộ Kinh Thánh Chứng Nhân Giê-hô-va sử dụng:**

Các Cơ-đốc nhân tham gia tranh luận với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, phải biết cái được gọi là Kinh Thánh mà họ sử dụng có một số thay đổi được đưa vào văn bản nhằm mục đích duy nhất là hậu thuẫn cho các giáo thuyết của Hội Tháp Canh.

Sứ đồ Phi-e-rơ từng nói về các thư tín được linh cảm của Thánh Phao-lô rằng: “Ấy là điều người (Phao-lô) đã viết trong mọi bức thư, nói về những sự đó, ở trong có mấy phần khó hiểu, mà những kẻ dốt nát và tin không quyết đem giải sai ý nghĩa, cũng như họ giải sai về các phần Kinh Thánh khác, chuốc lấy sự hư mất riêng về mình” ([II](bib:IIPhi_3_16) Phi-e-rơ 3:16). Thông thường, việc “xuyên tạc” Kinh điển như thế là ở phần lý giải - và đó là điều mà Hội Tháp Canh đã làm từ ba phần tư thế kỷ nay. Họ cho xuất bản các bản dịch Thánh Kinh King James (hay về sau là bản American Standard Version, vì trong đó có nêu danh “Đức Giê-hô-va” suốt toàn bộ Cựu Ước), kèm theo những chỉ dẫn chi tiết về cách khiến cho Kinh điển dường như truyền dạy rằng Đức Chúa Trời đặt ra ngoài vòng pháp luật việc tiêm thuốc để phòng bện (vaccinnations), rằng Áp-ra-ham và các nhà tiên tri trung tín sẽ sống lại trên đất nầy vào năm 1925, rằng Thượng Đế đã linh cảm cho Đại kim tự tháp ở Ai Cập, vv... Nhưng có nhiều giáo thuyết rất khó có thể rút ra được từ bản dịch King James và bản dịch American Standard, cho dù người ta có muốn xuyên tạc văn bản đến mức nào đi chăng nữa.

Cho nên trong những thập niên 1950, các lãnh tụ Hội Tháp Canh đã vượt qua công tác lý giải bằng cách tự thực hiện lấy bản dịch Kinh Thánh cho riêng họ, với mấy trăm câu bị thay đổi cho phù hợp với các giáo thuyết của Hội Tháp Canh. Rồi Bản Dịch Thánh Điển Mới Toàn Cầu (The New World Translation of the Holy Scriptures, viết tắt là NWT) của họ cứ tiếp tục được viết lại cách vài năm một lần, với nhiều thay đổi thêm vào, nhằm khiến cho Lời Đức Chúa Trời cứ ngày càng nhất trí nhiều hơn với những gì mà tổ chức của họ truyền dạy.  
Thí dụ như thay vì “thập tự giá”, bản NWT dùng nhóm từ “cọc hành hình” (the tortune stake) - để làm hậu thuẫn cho lời truyền dạy của các Chứng Nhân của Đức Giê-hô-va rằng Chúa Jesus vốn bị đóng đinh vào một cây cọc thẳng đứng, không có thanh gỗ nằm ngang tạo thành hình chữ thập. Thay vì “Đức Thánh Linh” chúng ta được đọc là “thánh linh” hay “năng động lực” (active, force) phù hợp với việc họ phủ nhận thần tánh và thân (ngôi) vị của Đức Thánh Linh. Chúa Cứu Thế thì không phán dạy về việc Ngài sẽ “tái lâm” mà nói về sự “hiện diện” của Ngài (mà các Chứng nhân tin là vô hình).

Bản dịch NWT âm mưu một cách có hệ thống, nhằm loại trừ chứng cứ hiển nhiên về thần tánh của Chúa Jesus. Thay vì sấp mặt dưới chân Chúa Jesus để thờ phượng Ngài, người ta chỉ “cúi đầu tỏ vẻ tôn kính phục tùng” Ngài mà thôi. Găng 1:1 không còn chép “Ngôi Lời là Đức Chúa Trời” nữa, nhưng được dịch là “Ngôi Lời là một vị thần” (the Word was a god), Chúa Jesus đã không nói “Trước khi có Áp-ra-ham đã có ta”. Trái lại, để tránh việc liên tưởng tới câu “Ta là Đấng Tự hữu Hằng hữu” ở Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14, câu nói ấy của Chúa Jesus đã bị đổi lại thành ra “Trước khi Áp-ra-ham ra đời, thì đã có ta rồi.”

Nhưng chỗ sửa đổi quan trọng nhất trong bản dịch Thánh Kinh của Hội Tháp Canh, là việc đưa danh Đức Giê-hô-va vào Tân Ước đến 237 lần. Lẽ dĩ nhiên một dịch giả có quyền chọn danh hiệu Jehovah hay Yahweh dùng chỉ Đức Chúa Trời trong Cựu Ước khi bốn mẫu tự viết tắt YHWH thật sự xuất hiện trong nguyên bản Hê-bơ-rơ. Nhưng Hội Tháp Canh đã vượt quá thông lệ đó bằng cách đưa danh Đức Giê-hô-va vào Tân Ước, nơi danh ấy không thấy có trong các bản Kinh Thánh cỗ Hy-lạp. Ta chỉ cần nhìn vào bản dịch Anh văn theo từng từ ngữ nằm dưới bản Hy văn của bản Kingdom Interlinear Translation của chính Hội Tháp Canh, để thấy rằng danh Đức Giê-hô-va đã không hề có trong bản Hy văn.

Muốn tìm các thí dụ đặc thù cho những xuyên tạc đã được phác họa trên đây, xin bạn đọc tra bản mục lục các chủ đề. Có hai trường hợp nổi bật có thể giúp chứng minh cho thiên kiến về mặt giáo lý của bộ Kinh Thánh NWT, đó là Rô-ma 14:8,9 (nơi mà việc đưa danh “Đức Giê-hô-va” vào đã tạo ra một trường hợp không có liên hệ luận lý trong bản dịch Anh văn) và Hê-bơ-rơ 1:6 (chỗ mà các ấn bản đầu tiên chép rằng các thiên sứ phải “thờ phượng” Con Đức Chúa Trời, nhưng các ấn bản về sau lại đổi động từ ấy thành ra “cúi đầu tỏ lòng tôn kính vâng phục").

Giăng 1:1*: “Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời”*

Mãi đến khoảng trước sau năm 1950, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va mang theo họ một bản dịch Kinh Thánh là bản American Standard Version (vì bản dịch ấy in danh Đức Giê-hô-va trong cả phần Cựu Ước). Nhưng họ phải đương đầu với một vấn đề rắc rối khi cố tình phủ nhận thần tánh của Chúa Jesus trong khi quyển Kinh Thánh mà họ cầm trên tay lại chép rõ ràng rằng “Ngôi Lời là Đức Chúa Trời”. Vấn đề nầy đã được giải quyết khi Hội Tháp Canh xuất bản chính bản NWT của họ.

Giờ đây, khi các Cơ-đốc nhân yêu cầu các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tham khảoGiăng 1:1, họ có thể trả lời rằng: “Câu đó không có trong quyển Kinh Thánh của tôi”. Họ có thể lật Giăng1:1 trong bản dịch của riêng mình rằng “...Ngôi Lời là một vị thần”. Bằng việc thu nhỏ Chúa Cứu Thế Jesus lại chỉ còn bằng “một vị thần”, Hội Tháp Canh đã đặt Ngài vào số “nhiều thần, nhiều chúa” của I Cô-rinh-tô 8:5, ngang hàng với Sa-tan, là “thần của đời nầy” (II Cô-rinh-tô 4:4, NWT).

Hội Tháp Canh giới thiệu bản dịch NWT là công tác của một Ủy ban Phiên dịch Kinh Thánh Toàn Cầu mới khuyết danh - và chống lại mọi nỗ lực nhằm nhận diện các thành viên của Ủy ban ấy. Họ bảo sở dĩ họ làm như thế là để dành mọi vinh dự của công tác ấy cho Thiên Chúa. Nhưng một quan sát viên không có thành kiến sẽ nhanh chóng ghi nhận rằng việc ẩn danh như thế cũng nhằm che đỡ cho các dịch giả khỏi bất kỳ một lời chê trách về những sai lầm hay xuyên tạc nào trong bản dịch của họ. Và điều đó cũng ngăn trở không cho các học giả truy nguyên các ủy nhiệm thư của họ. Thật ra, những người đã lìa bỏ bộ tham mưu đầu não của Hội Tháp Canh trong những năm gần đây đã tố giác những người được cho là thành viên của ủy ban ấy, rằng chẳng hề có ai trong đám họ là chuyên gia về Hi-bá-lai văn, Hi-lạp văn hay về ngôn ngữ A-ram - là các ngôn ngữ nguyên thủy mà từ đó, các bản Kinh Thánh đã được phiên dịch.

Suốt nhiều năm, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã quay sang nhờ sức hậu thuẫn cho việc dịch mấy chữ “một vị thần” của họ trong bộ Tân Ước (1937) do Johannes Greber dịch, vì chính Greber cũng đã dịch câu ấy là “Ngôi Lời là một vị thần”. Các nhà xuất bản sách báo của Hội Tháp Canh đều trích hay viện dẫn Greber để hậu thuẫn cho bản dịch nầy và các bản dịch khác nữa, như sau đây:

Aid to Bible Understanding (1969) p 134 and 1669. Make sure of all things - Hold Fast to What is fine (1965) p 489. The Watchtower, 15.9.62, p 554. The Watchtower, 15.10.75, p 640. .The Watchtower, 15.4.76, p 231. ."The Word - Who is He?” According to John (1962), p 5.

Tuy nhiên, sau khi các cựu Chứng nhân của Đức Giê-hô-va quảng cáo rất nhiều cho sự kiện Greber là một nhà thông linh học (spiritist), rêu rao rằng các thần linh đã chỉ cho ông ta phải dùng những chữ nào trong bản dịch của mình, tạp chí The Watchtower (1.4.83) đã viết ở trang 31: Cách dịch nầy thỉnh thoảng được dùng để hậu thuẫn cho những cách dịch Ma-thi-ơ 27:52,53 và Giăng 1;1, như trong bản The New World Translation và các bản dịch Kinh Thánh có thẩm quyền khác. Nhưng như đã chỉ ra trong một lời nói đầu cho ấn bản năm 1980 của bộ Tân Ước của Johannes Greber, dịch giả nầy đã đưa vào “thế giới thần linh của Đức Chúa Trời” (God's Spirit World) để làm sáng tỏ cho ông về cách ông phải dịch những khúc sách khó. Lời nói đầu từng nêu rõ: “Vợ ông, một đồng bóng (medium) của thế giới Thần Linh của Thiên Chúa thường là dụng cụ để đưa những câu trả lời đúng từ các sứ giả của Thiên Chúa đến cho Mục sư Greber”. Tạp chí The Watchtower cho rằng sử dụng một bản dịch có liên hệ mật thiết với thông linh học như thế là không phải lẽ (Phục Truyền 18:10-12). Giới học giả họp thành nền móng cho cách dịch các văn bản như đã kể trên trong bản dịch NWT vốn thuần chánh và vì lý do ấy, đã không hề dựa vào thẩm quyền bản dịch của Greber. Do đó, việc thôi không dùng bản Tân Ước của ông ta nữa, cũng chẳng mất mát gì”.  
Như thế, dường như chỉ đến lúc ấy, Hội Tháp Canh mới khám phá ra các mối liên hệ thông linh học của Greber, nên tức khắc ăn năn việc đã lợi dụng ông ta để hậu thuẫn cho mình. Tuy nhiên, cả đến việc nầy cũng lại là một sự lừa gạt khác nữa - vì tổ chức các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vốn đã biết thông linh học của Greber ngay từ hồi 1956 kia. Tạp chí The Watchtower số 15 tháng 2 năm 1956 có gần một trang đầy dành cho việc cảnh cáo các độc giả của mình chống lại Johannes Greber và bản dịch của ông ta. Tạp chí ấy đề cập một quyển sách của ông ta nhan đề Comminication with the Spirit-World: Its Laws and Its Purpose và nêu rõ “Điều rất rõ ràng là các thần linh mà cựu-linh-mục (ex-priest) tin tưởng đã giúp ông ta trong bản dịch của mình” (The Watchtower, 15.2.56, p 111).  
Ngoài bộ Tân Ước của Greber và bản dịch bị xuyên tạc của Hội Tháp Canh, các bản dịch Kinh Thánh ra Anh ngữ khác đều hầu như nhất trí trong việc dịch Giăng 1:1 là ”...Ngôi Lời là Đức Chúa Trời”, và điều nầy phù hợp với lời tuyên bố của sứ đồ Thô-Ma, cũng trong sách Phúc Âm Giăng, khi ông gọi Chúa Jesus là “Chúa tôi và là Đức Chúa Trời tôi” (Giăng 20:28). Bản dịch NWT của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vẫn gọi Chúa Jesus là “Đức Chúa Trời” trong Giăng 20:28 và Ê-sai 9:5. Thật vậy, bản dịch Kingdom Interlinear 1985 cho thấy nguyên bản Hi-lạp gọi Chúa Jesus là “Đức Chúa Trời” (HOTHEO'S) trong Giăng 20:28.  
Bất cứ ai tin rằng Đức Chúa Cha là Đức Chúa Trời, còn Đức Chúa Con chỉ là “một vị thần” mà thôi, thì phải đọcÊ-sai 43:1, 44:28, nơi Lời linh cảm phủ nhận một khái niệm như thế: *“Chẳng có Đức Chúa Trời nào tạo thành trước ta, và cũng chẳng có sau ta nữa. Ấy chính ta, chính ta là Đức Giê-hô-va, ngoài ta không có cứu chúa nào khác... Ngoài ta, có một thần nào khác không? Thật, chẳng có Vầng Đá nào khác, ta không biết đến!”* (Ê-sai 43:10-11, 44:8, Modern Language Bible)

Muốn có một quyển sách thảo luận chi tiết hơn, xin quí độc giả tìm đọc tác phẩm The Jehovah's Witness New Testament của Robert H.Countess (1982, Presbyterian and Reformed Publishing Co, 136 trang).

**D. Cách Đối đáp với các Chứng Nhân Giê-hô-va:**

**1. Sự truyền máu:**

Sáng Thế Ký 9:4

“Chỉ cần các ngươi đừng ăn thịt với sự sống của nó, nghĩa là với máu của nó”.

Đây là câu thứ nhất trong nhiều câu Kinh Thánh mà các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va dùng để lý luận nhằm hậu thuẫn cho việc Hội Tháp Canh chống lại việc truyền máu. Tổ chức ấy dạy rằng truyền máu cũng như ăn máu (huyết), vì nó cũng giống như việc cho ăn, nuôi dưỡng bằng cách tiêm vào tĩnh mạch. Do đó, Hội nghiêm cấm các tín đồ truyền máu. Một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va chấp nhận việc truyền máu có thể bị gọi ra trước một ủy ban xét xử để chịu xử kín vì phạm “luật của Thiên Chúa”. Nếu bị tìm thấy là có tội, hình phạt là “dứt phép thông công”, theo đó đương sự bị gia đình và bạn bè xa lánh, thậm chí còn bị cấm cả chào hỏi kẻ phạm tội nữa.

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va cảm thấy vấn đề nầy rất nghiêm trọng. Họ thà chết chứ không chịu nhận máu của người khác truyền sang cho mình hầu thay thế số máu bị mất đi trong một cuộc giải phẫu hay tai nạn. Và họ cũng hành động như thế đối với các con cái hãy còn nhỏ của họ. Phần đông các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đều mang theo một tấm thiếp có ký tên trong va-li hay túi xách của họ, vạch rõ rằng họ từ chối việc truyền máu và bảo các nhân viên cấp cứu y tế đừng thực hiện việc truyền máu, nếu đương sự lâm vào tình trạng hôn mê. Tấm thiếp ấy là một tài liệu hợp pháp, có chữ ký của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va và của hai người chứng khác nữa.

Phần đông các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va không hề biết rằng các lãnh tụ của họ từng có cả một lịch sử trong việc cấm đoán nhiều biện pháp y tế khác nữa, để rồi sau đó lại đổi ý. Thí dụ hồi năm 1967, họ cấm việc ghép các cơ quan. Các tín đồ của họ thà chọn chịu mù lòa hơn là chấp nhận việc ghép giác mạc, hay thà chết chứ không chịu ghép thận. Nhưng rồi đến năm 1980, các lãnh tụ ấy lại đảo ngược lời truyền dạy và cho phép việc tháp, ghép trở lại (xem The Watchtower 15.11.67, pp 702-704; Awake! 8.6.68, p 21 và The Watchtower 15.3.81, p 31). Thêm vào đó, giữa những năm 1931 và 1952, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã từ chối tiêm thuốc ngừa cho bản thân họ và con cái họ, vì tổ chức dạy họ rằng “Tiêm thuốc ngừa là trực tiếp vi phạm giao ước đời đời mà Thiên Chúa đã thiết lập...” (The Golden Age, 4.2.31, p 293).

Tuy các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va cố tìm cách viện dẫn Kinh Thánh để hậu thuẫn cho lập trường của họ về việc truyền máu, lý do thật sự của lập trường đó chỉ là vâng lời Hội Thánh Canh một cách mù quáng mà thôi. Nếu mai đây, tổ chức ấy hủy bỏ lệnh cấm đó, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va sẽ rất sẵn sàng tiếp nhận sự truyền máu - y như họ đã một lần quay mặt hướng về phía ngược lại khi lệnh cấm tiêm thuốc bị bãi bỏ năm 1952, và khi lệnh cấm ghép các cơ quan bị hủy bỏ năm 1980.

Lê-vi Ký 7:26,27

“Trong nơi nào các ngươi ở chẳng nên ăn huyết, hoặc của loài chim hay của loài súc vật.  
 Phàm ai ăn một thứ huyết nào sẽ bị truất khỏi dân sự mình”

Câu Kinh Thánh nầy thường được viện dẫn để hậu thuẫn cho việc Hội Tháp Canh cấm truyền máu. Tuy câu nầy đặc biệt cấm người Y-sơ-ra-ên ăn huyết các loài chim, loài thú. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va lại mở rộng ý nghĩa của nó ra để gồm luôn cách chữa bệnh bằng máu người để cứu mạng người ta - một tư tưởng rõ ràng là không có chủ định ấy lúc Môi-se chép lại lời truyền dạy của Đức Chúa Trời. Sách Lê-vi ký thảo luận dài dòng về những cách Đức Chúa Trời truyền dạy phải làm khi một thầy tế lễ Do Thái giáo dâng con thú lên làm của lễ, mà huyết giữ một vai trò quan trọng trong các của lễ ấy, chỉ bóng về huyết báu của Cứu Chúa chúng ta, Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Chúa Cứu Thế Jesus. Bất luận một cố gắng nào muốn hiểu mấy câu nầy làm một điều luật có tính cách tiên tri để thẩm định giá trị của các phương thức chữa bệnh của ngành y học hiện đại là đã cố ý bỏ qua, chẳng đếm xỉa gì đến văn mạch của khúc sách ấy.

Khi thảo luận Lê-vi Ký 7:26,27 với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, bạn có thể nêu ra sự kiện rằng những người Do Thái theo đạo chính thống của họ hiện nay không hề phản đối việc truyền máu, tuy họ vẫn còn tuân thủ nghiêm nhặt các qui tắc về việc giết mổ thú vật và làm chảy hết máu trong thịt sẽ ăn ra. Do đó, văn bản trong nguyên tác Hi-bá-lai văn thậm chí không hề ám chỉ gì đến cách lý giải mà Hội Tháp Canh đang áp đặt trên nó.

Nếu các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vẫn nằng nặc bảo rằng họ phải từ chối việc truyền máu vì phần ký thuật trong Lê-vi Ký 7:26,27, bước tiếp theo hãy chỉ cho họ xem Lê-vi Ký 3:17 chép rằng: “Mặc dầu ở nơi nào, ngươi chẳng nên ăn mỡ hay là huyết” (bản dịch NWT). Hãy bảo người ấy giải thích tại sao các cấp lãnh đạo Hội Tháp Canh dạy họ từ chối truyền máu, mà lại cho phép họ ăn mỡ. Phải chăng chỉ đơn giản là vì họ đã rút các từ ngữ ấy ra khỏi văn mạch của các luật lệ về ăn uống của Do Thái giáo?

Công Vụ Các Sứ Đồ 15:28,29

*“Chúa Thánh Linh và chúng tôi đều không đặt thêm gánh nặng gì cho anh em ngoài mấy điều cần thiết: anh em đừng ăn của cúng thần tượng, huyết, thịt thú vật chết ngạt và đừng gian dâm, anh em nên tránh những điều ấy”*.

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va dùng câu nầy cùng với các qui tắc về kiêng cữ ăn uống trong Cựu Ước để hậu thuẫn cho việc tổ chức của họ cấm truyền máu. Họ xem khúc sách trên đây là luật pháp do Đức Chúa Trời ban hành, mở rộng việc kiêng ăn huyết của Do Thái giáo sang cho hội chúng Cơ-đốc giáo suốt mọi thời đại sẽ đến. Nhưng Hội Thánh nguyên thủy có xem bức thư của các vị sứ đồ nầy như một mệnh lệnh miên viễn hay không? Rõ ràng là gian dâm thì bị cấm vĩnh viễn, nhưng về những việc khác được bức thư nầy đề cập, thì sao? Về thịt đã cúng cho các thần tượng thì thế nào? Thánh Phao-lô đã thảo luận khá dài về chủ đề nầy trong bức thư thứ nhất, ông gởi cho người Cô-rinh-tô, vạch rõ ràng “một thần tượng chẳng là gì cả” và “không ăn cũng chẳng thiệt gì, mà ăn cũng chẳng hơn gì”. Ông khuyên đừng ăn loại thịt như thế, trong những trường hợp nó có thể trở thành cớ vấp phạm cho các tín hữu mới, chỉ vừa từ bỏ việc thờ thần tượng mà thôi ( Xem I Cô-rinh-tô 8:1-13). Nhưng nói chung, thì các Cơ-đốc nhân “Đối với thức ăn bày bán tại quán thịt, anh em cứ ăn, đừng vì lương tâm mà thắc mắc” và “cứ ăn các thức ăn họ dọn lên” trong nhà một người láng giềng ngoại đạo (I Cô-rinh-tô 10:25,27).

Do đó, phần trong bức thư ở Công Vụ 15:1-41 đề cập thịt cúng cho các thần tượng đã không được xem là một mệnh lệnh miên viễn cho Hội Thánh. Thế thì, đã không có cơ sở nào để bảo rằng câu phát biểu về huyết vẫn còn hiệu lực đến tận ngày nay. Nhưng, cho dù nó có còn hiệu lực đi chăng nữa, thì Kinh Thánh vẫn đề cập việc kiêng cữ ăn uống, chứ không phải là vấn đề truyền máu. Lấy một qui tắc về kiêng ăn để mở rộng nó ra đến mức phủ nhận một phương thức y học nhằm cứu mạng cho một người đang hấp hối, nhắc người ta nhớ lại các Thầy Biệt Lập trong Do Thái giáo từng giận dữ khi Chúa Jesus chữa bệnh cho một người nhằm ngày Sa-bát (Lu-ca 6:6-11). Một bức thư đăng vào ngày 8.12.1984 của tờ The Concord Monitor (New Hampshire) kể lại việc các trưởng lão của các Chứng nhân thẩm vấn một bệnh nhân bị ung thư đến thời kỳ cuối cùng trong một bệnh viện và sau đó đã dứt phép thông công người ấy khi đang hấp hối trên giường bệnh, vì ông ta đã chấp nhận một lần truyền máu. Chúng ta có thể dễ dàng hình dung ra các Thầy Biệt Lập (Pha-ri-si) vốn cũng từng làm như thế - nhưng Chúa Jesus có hành động như thế không?

**2. Tổ chức sinh nhật:**

Sáng Thế Ký 40:20-22:

*“Đến ngày thứ ba, là ngày sanh nhật của Pha-ra-ôn, người bèn bày tiệc đãi cả quần thần... Nhưng lại hạ lịnh, đem treo quan thượng thiện...”*

Mác 6:21-25:

*”... vừa gặp dịp tiện, là ngày sinh nhật Hê-rốt, vua đãi tiệc... Tức thì, nàng vội trở vào nơi vua mà xin rằng: Tôi muốn vua lập tức cho tôi cái đầu Giăng Báp-tít để trên mâm”*

Tổ chức Tháp Canh cấm những người theo họ tổ chức lễ sinh nhật bằng cách dùng Sáng Thế Ký 40:20-22 như phần then chốt làm “nền móng theo Kinh Thánh” cho việc loại bỏ nầy. Theo ý nghĩ của họ thì từ ngữ “sanh nhật” chỉ xuất hiện trong Kinh Thánh để đề cập Pha-ra-ôn, vua Ai Cập (như trên đây) và vua Hê-rốt xứ Ga-li-lê ([Ma-thi-ơ 14:6](bib:Mat_14_6); [Mác 6:21](bib:Mac_6_21)) mà thôi. Cả hai nhân vật ấy đều là người ngoại đạo, và cả hai đều xử tử một người nhân lễ sinh nhật của mình. Vì chẳng hề có người có đạo nào được Kinh Thánh ghi lại là có tổ chức lễ sinh nhật của mình, nhưng chỉ có những người gian ác đã làm như thế mà thôi - lý luận của tổ chức Tháp Canh chắc đã diễn tiến như thế - cho nên các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va ngày nay cũng không nên tự tổ chức lễ sinh nhật cho mình nữa.

Điều đáng lưu ý là cũng như với những lời truyền dạy khác, tổ chức ấy đã không dành cho bản thân các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tự đọc Kinh Thánh để đi đến kết luận ấy. Trái lại, bộ phận cai trị bí mật của giáo phái ấy đã ban hành cách lý giải chính thức nầy, và lạm dụng các phương thức sửa trị để áp đặt chính sách ấy trên toàn thể các Chứng nhân. Thí dụ một trưởng lão các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va mà tôi quen biết từng quyết định gởi một thiếp chúc mứng sinh nhật cho người con trai ông ta không-phải-là-Chứng-nhân của Đức Giê-hô-va, nhưng vợ ông ta đã báo cáo lại việc ấy cho các trưởng lão tại địa phương. Họ đã gọi ông ra trước một ủy ban xét xử kín để xét xử ông về tội phạm đó. Ông cụ 70 tuổi khả kính ấy đã thách họ hãy chỉ cho ông một câu Kinh Thánh cấm gởi thiếp chúc mừng sinh nhật, nhưng ủy ban đã đánh phủ đầu và dứt phép thông công ông căn cứ vào quyền cai trị của Hội Tháp Canh. Bây giờ thì bà con của ông là các Chứng nhân từ chối không chịu tiếp ông vào nhà họ, còn các Chứng nhân gặp ông ngoài đường phố đều quay đi, chẳng buồn chào hỏi ông nữa.

Để đánh đổ cái gọi là cơ sở Kinh Thánh của tổ chức Tháp Canh dùng bài bác việc tổ chức lễ kỷ niệm sinh nhật, bạn có thể vạch ra rằng Pha-ra-ôn và vua Hê-rốt vốn là những nhà vua độc tài và là những con người hung bạo; những bạo chúa như thế vốn có thói quen xử tử người ta nhận đủ mọi cơ hội, chứ không phải chỉ vào lễ sinh nhật của họ mà thôi. Hơn nữa, một người gởi thiếp chúc mừng sinh nhật hay một bậc làm cha làm mẹ gởi một ổ bánh với những cây nến, nhân một ngày lễ của con mình, thì khó có thể bị tố cáo theo mẫu mực dành cho những kẻ sát nhân kia.

Tuy quả thật từ ngữ “sinh nhật” chỉ xuất hiện liên hệ với Pha-ra-ôn và Hê-rốt mà thôi, trong phần lớn các bản dịch Kinh Thánh, Kinh Thánh cũng có đề cập những lễ kỷ niệm như thế trong các gia đình tin kính.

Gióp 1:4 có viết về gia đình của trưởng tộc Gióp rằng: “Các con trai người hay đi dự tiệc, đãi thay phiên nhau trong nhà của mỗi người nhân ngày của chính mình; và sai mời ba chị em gái mình ăn uống chung với mình” (bản dịch NWT). Câu “nhân ngày của chính mình” ám chỉ sinh nhật của từng người trở thành rõ ràng khi chúng ta đọc tiếp*: “Sau việc ấy, Gióp mở miệng rủa sả ngày của mình. Gióp bèn trả lời rằng: Ngày ta đã sanh ra, khá hư mất đi..."* (Gióp 3:1,3 bản NWT). Bản dịch Livng Bible diễn ý [1:4-5](bib:Giop_1_4) nêu rõ ý nghĩ nầy: *“Hằng năm, khi mỗi người trong các con trai của Gióp tổ chức lễ sinh nhật, người ấy đều mời các anh chị em khác của mình đến nhà mình để dự lễ. Nhân các cơ hội như thế, họ đều ăn uống vui mừng hỉ hạ. Khi những ngày tiệc yến xong rồi...”.*

Ngay chính bản dịch của Hội Tháp Canh cũng tiết lộ rằng sinh nhật của Giăng Báp-tít cũng từng được kỷ niệm, khi bản dịch ấy ghi lại lời thông báo của vị thiên sứ rằng: “Ngươi sẽ vui mừng hớn hở, và nhiều người sẽ vui mừng về sự sanh ra của người” ([Lu-ca](bib:Lu_1_14) 1:14, NWT).

Nếu sự ra đời của Giăng Báp-tít là một cơ hội để vui mừng, và các con cái của nhân vật trung tín là Gióp đã cử hành lễ kỷ niệm sinh nhật của họ, thì sự kiện Pha-ra-ôn và Hê-rốt cũng cử hành lễ kỷ niệm sinh nhật của họ không thể được sử dụng một cách hợp lý để làm cơ sở bài bác các lễ sinh nhật giữa vòng những người tin Kinh Thánh ngày nay.

**3. Chúa Jesus là thiên sứ trưởng:**

Đa-ni-ên 10:13, 21; 12:1

*“Mi-ca-ên là một trong các quan trưởng đầu nhất, đã đến mà giúp đỡ ta... Mi-ca-ên là vua các ngươi... Trong kỳ đó, Mi-ca-ên, quan trưởng lớn, là đấng đứng thay mặt con cái dân ngươi...”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon, giống bản NWT).

Hội Tháp Canh dạy cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va rằng Chúa Cứu Thế Jesus chỉ là một thiên sứ được sanh ra làm người, chịu chết để làm sinh tế chuộc tội, rồi được khiến sống lại để lại trở thành thiên sứ một lần nữa. Họ nói về Ngài là “Jesus Christ mà chúng ta hiểu căn cứ theo Kinh Thánh, là thiên sứ trưởng Mi-ca-ên..."(The Watchtower, 15.2.79, p 31). Nhưng có thật là Kinh Thánh dạy như thế không? Hay trái lại, đó chỉ là một lời truyền dạy mà các lãnh tụ Hội Tháp Canh gán cho Kinh Thánh?

Lời linh cảm của Đức Chúa Trời đề cập Mi-ca-ên năm lần - với tư cách: (1)"một trong các quan trưởng (prince) đầu nhứt (Đa-ni-ên 10:13 NWT), (2) “Vua (prince) các ngươi (dân Y-sơ-ra-ên, 10:21 NWT) (3) “Quan trưởng (prince) lớn là đấng đứng thay mặt con cái dân ngươi” (Đa-ni-ên 12:1 NWT) (4) “Thiên sứ trưởng”, “chống với ma quỉ giành xác Môi-se” nhưng “chẳng dám lấy lời nhiếc móc mà đoán phạt” (Giu-đe 1:9 NWT) (5) một thành phần tham dự trận đánh nhau trên trời khi “Mi-chen và các sứ người tranh chiến cùng con rồng” (Khải Huyền 12:7 NWT). Câu nào trong số những câu ấy bảo rằng Mi-ca-ên là Chúa Cứu Thế Jesus? Chẳng có câu nào cả! Người ta phải đọc Kinh Thánh cộng thêm luận cứ rắc rối của Hội Tháp Canh mới có thể đi tới câu kết luận ấy.

Hội Tháp Canh cũng chuyển sang hậu thuẫn cho một câu khác nữa không hề dùng danh Mi-ca-ên, nhưng bảo *rằng “Vì sẽ có tiếng kêu lớn và tiếng của thiên sứ lớn cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời, thì chính mình Chúa ở trên trời giáng xuống”* (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:16, NWT). Nhưng nếu lấy tiếng (kêu) của thiên sứ lớn để bảo rằng Chúa là một thiên sứ lớn, rồi lấy tiếng kèn của Đức Chúa Trời để bảo rằng vị ấy là Đức Chúa Trời - thì cả đến các lãnh tụ của Hội Tháp Canh cũng chỉ xét có nửa phần của câu Kinh Thánh ấy mà thôi.

Có chỗ nào khác trong Kinh Thánh dạy rằng Chúa Cứu Thế Jesus chỉ là một thiên sứ, mà thôi hay không? Trái lại, cả chương thứ nhất của thư Hê-bơ-rơ đã được viết ra là nhằm chứng minh rằng Con Đức Chúa Trời vốn cao trọng hơn các thiên sứ. Câu nầy tiếp theo câu khác, đều đặt tương phản các thiên sứ với: *“... Con Ngài, là Con mà Ngài đã lập lên kế tự muốn vật, lại bởi Con mà Ngài đã dựng nên thế gian, Con là sự chói sáng của sự vinh hiển Đức Chúa Trời và hình bóng của bổn thế Ngài.” và* “...*được hưởng danh cao hơn danh thiên sứ bao nhiêu, thì trở nên cao trọng hơn thiên sứ bấy nhiêu. Vả Đức Chúa Trời há có bao giờ phán cùng thiên sứ nào rằng: Ngươi là Con ta, ngày nay ta đã sanh ngươi?... Còn khi Ngài đưa con đầu lòng mình vào thế gian thì phán rằng: Mọi thiên sứ của Đức Chúa Trời phải thờ lạy Con. Nói về thiên sứ thì Ngài phán rằng: Đức Chúa Trời làm cho thiên sứ Ngài như gió, và tôi tớ Ngài như ngọn lửa. Nhưng nói về Con thì lại phán rằng: Hỡi Đức Chúa Trời ngôi Chúa còn mãi đời nọ qua đời kia... và: Hỡi Chúa, ban đầu trước hết Chúa đã dựng nền đất...”* (Hê-bơ-rơ 1:2-8,10, Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Đức Chúa Con là “sự chói sáng (ánh sáng phản chiếu) của sự vinh hiển Đức Chúa Trời” và là hình ảnh chính xác của bản thể Ngài. Chính Ngài “lấy lời có quyền phép Ngài nâng đỡ muôn vật” một việc mà chẳng hề có một thiên sứ nào có thể làm nổi - thậm chí theo chính bản dịch NWT thư Hê-bơ-rơ 1:3 của Hội Tháp Canh.

Hơn nữa, các thiên sứ luôn luôn từ chối khi có người thờ phượng mình. Lúc sứ đồ Giăng sấp mình xuống để thờ lạy một vị thiên sứ, vị ấy đã quở trách ông, bảo rằng: *“Đừng thờ lạy tôi... hãy thờ lạy Đức Chúa Trời”* (Khải Huyền 2:8,9, NWT). Nhưng về Đức Chúa Con, thì Đức Chúa Cha truyền lệnh *“tất cả thiên sứ của Đức Chúa Trời phải thờ lạy Con”* (Hê-bơ-rơ 1:6, NWT, ấn bản 1961). Trong những ấn bản về sau, Hội Tháp Canh đả đổi chữ “thờ phượng” (worship) thành ra cúi đầu tỏ lòng tôn kính vâng phục (obeisance) mà thôi, bất chấp việc cùng một từ ngữ Hy-lạp là *proskuneo* đã được sử dụng cả ở Khải Huyền 22:8,9 lẫn ở Hê-bơ-rơ 1:6. Sự thờ lạy (proskuneo) hay cúi đầu tỏ lòng tôn kính vâng phục là điều mà các thiên sứ từ chối không chịu nhận, nhưng hội Tháp Canh dạy là chỉ nên dành cho Đức Chúa Trời mà thôi, cũng chính là sự thờ lạy (proskuneo) và cúi đầu vâng phục mà Đức Chúa Trời đã truyền phải làm đối với Đức Chúa Con ở 1:6. Thế thì, Đức Chúa Con không thể là một thiên sứ, mà phải là chính Đức Chúa Trời (xem phần thảo luận về1:6).

Những người thôi không theo Hội Tháp Canh nữa và bắt đầu noi theo Chúa Cứu Thế Jesus chẳng bao lâu sẽ nhận biết rằng Ngài không phải là một thiên sứ. Nhận thức nầy rất quan trọng, để họ có thể “tôn kính Con cũng như tôn kính Cha” (Giăng 5:23 NWT) vậy.

Hê-bơ-rơ 1:6

*“Khi Ngài đưa Con đầu lòng mình vào thế gian, thì phán rằng: Mọi thiên sứ của Đức Chúa Trời phải thờ lạy Con.”*

Khi các ấn bản Kinh Thánh của Hội Tháp Canh vừa kể trên đây được in, thì dù sao câu đề cập hãy thờ lạy Chúa Cứu Thế Jesus cùng khéo thu xếp để thoát được lưỡi kéo kiểm duyệt. Tất cả những chỗ đề cập việc thờ phượng Ngài đều bị cất khỏi bản dịch NWT - nhưng chẳng được bao lâu! Bắt đầu với lần nhuận chánh năm 1971, mọi ấn bản tương lại đều được đổi thành là “và toàn thể các thiên sứ của Đức Chúa Trời hãy cúi đầu tỏ lòng tôn kính vâng phục” (do obeisance) người”.

Văn cảnh của câu nầy mới quan trọng nhất. Cả chương đầu tiên của thư Hê-bơ-rơ được dành để đặt Chúa Jesus tương phản với các thiên sứ - chứng minh tính cách cao trọng của Con Đức Chúa Trời trên việc sáng tạo các thiên sứ. Nhưng Hội Tháp Canh dạy rằng Chúa Cứu Thế Jesus là một thiên sứ. Cho nên chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi họ đổi câu 6 để loại trừ cái tư tưởng thờ phượng Ngài đi!

Nguyên văn Hy-lạp ở đây là proskuneo, có thể dịch hoặc là “thờ phượng” hay “cúi đầu tỏ lòng tôn kính” đều đúng cả, tùy theo văn mạch, và như trường hợp ở đây, là theo thiên kiến của các dịch giả. Xin mỗi Chứng nhân của Đức Giê-hô-va lật sang Khải Huyền 22:8,9 trong bản Kingdom Interlinear Translation của chính người ấy, nơi cùng một từ ngữ proskenuo cũng được dùng trong nguyên bản Hi-lạp. Ở đó, sứ đồ Giăng nói: “Tôi liền quì dưới chân thiên sứ để thờ lạy (ngữ căn: proskenuo)... Nhưng thiên sứ bảo tôi: Đừng thờ lạy tôi!... ông hãy thờ lạy (ngữ căn: prokenuo) Đức Chúa Trời”. Hãy chỉ cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va thấy rằng sự thờ lạy mà vị thiên sứ từ chối không nhận, nhưng bảo Thánh Giăng hãy dành việc ấy cho Đức Chúa Trời, vốn cùng một chữ với từ ngữ prokenuo mà Đức Chúa Cha truyền phải dành cho Con Ngài là Chúa Jesus ở Hê-bơ-rơ 1:6, thế thì chắc chắn Đức Chúa Con không phải là một thiên sứ.

Vì thế, tôn vinh Đức Chúa Con bằng cùng một cách tôn vinh thờ phượng dành cho Đức Chúa Cha, thì có thích hợp không? Xin hãy để cho Giăng 5:23 trả lời câu hỏi nầy: “để mọi người cùng tôn kính Con cũng như tôn kính Cha. Ai không tôn kính Con cũng không tôn kính Cha, là Đấng sai Con” (Bản NWT).

Khải Huyền 3:14

*“Hãy viết cho thiên sứ của Hội Thánh Lao-đi-xê: Nầy là lời phán của Đấng A-men, Đấng làm chứng trung tín, chân thật, Đấng làm đầu cội rễ cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời”*

Câu nầy là một trong những câu được các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tâm đắc trong nỗ lực “chứng minh” rằng Chúa Cứu Thế Jesus chỉ là một loài thọ tạo, là vị thiên sứ đầu tiên mà Đức Chúa Trời đã dựng nên. Họ nói “Đây nầy, Chúa Jesus là “đầu cội rễ” (chữ nầy trong Anh văn là “the beginning” có thể có nghĩa là “Đấng đầu tiên” mà cũng có thể có nghĩa là “cái (thọ tạo) đầu tiên) trong công trình sáng tạo của Đức Chúa Trời”. Nhưng ấy là vì họ thiếu thận trọng, họ sẽ bảo với bạn rằng Đức Chúa Trời là Cha, là người phát ngôn ở Khải Huyền 21:6; 22:13, thế nhưng trong cả hai câu ấy, Ngài đều tự xưng là “Đấng đầu tiên”. Do đó, “điều đầu tiên” có thể có nghĩa khác hơn là tạo vật đầu tiên.

Thật ra trong từng trường hợp trên đây, văn bản Hi-lạp dùng từ ngữ “arche”, một chữ được liệt kê trong bộ Expository Dictionary of New Testament Words vủa Vine như có rất nhiều nghĩa, chẳng hạn “khởi điểm”, “năng lực”, “thẩm phán” và “quan trưởng. Quyển Kinh Thánh của Hội Tháp Canh dịch cùng một tự ngữ nầy theo số nhiều là “các quan chức chính quyền” ở Lu-ca 12:11. Nó là ngữ căn của các từ ngữ archbishop (Tổng giám mục) architect (kiến trúc sư, công trình sư) và nhiều chữ khác nữa ám chỉ một người lãnh đạo nhiều người khác. Như bản dịch NIV dịch Khải Huyền 3:14 là Chúa Jesus là “nhà vua (rules) của công trình sáng tạo của Đức Chúa Trời”. Vậy bảo rằng Khải Huyền 3:14 dạy rằng Chúa Cứu Thế Jesus là một loài thọ tạo là vô căn cứ.

**4. Danh xưng “Đức Giê-hô-va” đối với hội Tháp Canh:**

Xuất Ê-díp-tô Ký 3:15:

*“Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: Người sẽ nói cho dân Y-sơ-ra-ên như vầy: Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ các ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, sai ta đến cùng các ngươi. Ấy đó là danh đời đời của ta, ấy sẽ là kỷ niệm của ta trải qua các đời”* (Bản dịch Việt ngữ, Thánh Kinh Hội Saigon, giống bản NWT).

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va dùng câu nầy để lý luận rằng chính họ mới là những người duy nhất thờ phượng Đức Chúa Trời, bởi vì họ là những người duy nhất vẫn còn gọi Đức Chúa Trời bằng chính danh Ngài là Đức Giê-hô-va. Họ nhấn mạnh rằng câu trên đây là lệnh của Đức Chúa Trời truyền phải gọi Ngài bằng danh thiêng liêng “đời đời” hay từ trước vô cùng ấy. Dưới mắt các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, các Cơ-đốc nhân cầu nguyện với “Đức Chúa Trời” hay “Chúa” thật ra là cầu nguyện với một tà thần là Sa-tan. Chúa đích thực, là Đức Giê-hô-va chẳng hề nghe những lời cầu nguyện nào ngoài những lời cầu nguyện gọi đích danh Ngài là Đức Giê-hô-va. Do đó các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va luôn luôn dùng danh Đức Giê-hô-va trong những lời cầu nguyện của họ. Thật vậy, họ cứ luôn luôn nhắc đi nhắc lại danh ấy rất nhiều lần trong một bài cầu nguyện, dường như Đức Chúa Trời có thể quên mất đi rằng Ngài chính là Đấng mà họ đang khẩn cầu, hay dường như chính họ có thể quên mất Đức Chúa Trời mà họ đang cầu xin vậy.

Tuy chính họ có những sách báo xuất bản công nhận rằng “Đức Giê-hô-va” là một cách chuyển âm sai sang Việt ngữ (Anh ngữ) và không phải là cách phát âm đúng trong nguyên bản Hi-bá-lai văn của bốn mẫu tự YHWH, họ lại nhấn mạnh rằng họ chỉ dùng cách phát âm ấy mà thôi, chứ không phát âm danh ấy cho đúng hơn là Yahweh. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va chẳng bao giờ cầu nguyện với “Yahweh” cả.

Đối chiếu Xuất Ê-díp-tô Ký 3:15 với câu 14 cho thấy danh Yahweh, hay Đức Giê-hô-va có nghĩa là: Đức Chúa Trời là Đấng tự hữu hằng hữu. Ngài vốn siêu vượt trên một cái tên, và nhận biết Ngài bao hàm nhiều điều hơn là chỉ dùng một cái tên mà thôi. Chúa Jesus cũng chứng minh rằng hãy còn rất nhiều điều siêu vượt hẳn một cái tên mà thôi, khi Ngài phán: *“Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri sao? nhân danh Chúa mà trừ quỉ sao? và lại nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao? Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta!”* (Ma-thi-ơ 7:22,23), bản dịch Việt ngữ, Thánh Kinh Hội Saigon).

Hãy yêu cầu một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va cùng khảo sát với bạn những bài cầu nguyện của Chúa Jesus. Hãy vạch rõ cho người ấy thấy rằng Chúa Jesus đã chẳng hề bắt đầu các bài cầu nguyện của Ngài bằng cách nói rằng: *“(Lạy) Giê-hô-va Đức Chúa Trời...”* như các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vẫn làm. Trái lại, Chúa Jesus bắt đầu bài cầu nguyện của Ngài bằng cách nói: *“Thưa (hỡi) Cha...”* (theo bản Anh văn, xem Ma-thi-ơ 11:25, Mác 14:36; Lu-ca 10:21, [22:42](bib:Lu_22_42), [23:34](bib:Lu_23_34);Giăng 11:41). Và khi dạy các môn đệ Ngài cách cầu nguyện, Chúa Jesus đã bảo họ nói: “(Thưa) Cha...” (Ma-thi-ơ 6:9;Lu-ca 11;2). Hơn nữa, Jesus vốn *là “...danh trên hết mọi danh, hầu cho nghe đến danh Đức Chúa Jesus, mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thảy đều quì xuống, và mọi lưỡi đều xưng Jesus Christ là Chúa, mà tôn vinh Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha”* (Phi-líp 2:9-11, bản dịch Việt ngữ, TKH Saigon).

Thi Thiên 83:18

*“Hầu cho chúng nó biết rằng chỉ một mình Chúa, danh là Đức Giê-hô-va, là Đấng Chí Cao trên khắp trái đất”* (Bản dịch Việt ngữ, TKH Saigon).

Đây là một trong số rất hiếm hoi những câu mà các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va trích dẫn từ những bản dịch khác hơn Bản NWT của riêng họ. Cá biệt, họ thích trích dẫn Thi Thiên 83:13 từ bản dịch King James vì trong đó, danh Đức Giê-hô-va được in bằng chữ hoa.

Nhiều Chứng nhân của Đức Giê-hô-va có ghi phía sau quyển Kinh Thánh của họ một bảng liệt kê gồm bốn chỗ trong bản dịch King James, ở đó danh Đức Giê-hô-va được tìm thấy: Xuất Ê-díp-tô Ký 6:3;Thi Thiên 83:18; Ê-sai 12:2, 26:4). Trong công tác truyền giảng từ nhà nầy sang nhà khác, họ sẽ bất ngờ hỏi người chủ nhà: “Bạn có riêng một quyển Kinh Thánh không?” rồi lưu ý người ấy về một trong số các câu vừa kể trên. Bị bất ngờ khi tìm thấy đúng là trong quyển Kinh Thánh của mình cũng có chữ Đức Giê-hô-va như người đó nói, một số người tỏ ra ngạc nhiên về kiến thức của họ nên để cho họ vào nhà mình, dạy thêm cho mình.

Lẽ dĩ nhiên, cách các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va sử dụng Kinh Thánh như thế - nhằm chứng minh rằng họ hiểu biết nhiều về Kinh Thánh và “biết rõ về Đức Giê-hô-va - chỉ là một ngón lừa phỉnh ranh ma. Cũng có nhiều nhóm “đạo” và “đạo thần bí” khác dùng lối phiên âm các danh của Đức Chúa Trời theo tiếng Hy-bá-lai và tạo được cùng một ấn tượng như thế đối với các tín hữu mới tin Chúa. Nhưng sự thật của vấn đề nầy, là việc dùng Danh Đức Chúa Trời không hề bảo đảm được rằng kẻ sử dụng nó biết rõ về Đức Chúa Trời, và được Ngài chấp nhận, tán thưởng.

Thí dụ như lúc bà E-va sanh được người con trai đầu lòng sau khi bị đuổi ra khỏi vườn Ê-đen, bà đã reo mừng*: “Nhờ Đức Giê-hô-va giúp đỡ, tôi mới sanh được một người”* (Sáng Thế Ký 4:1, NWT). Việc bà dùng danh Thượng Đế không hề chứng minh được rằng bà đã được Ngài chấp nhận, tán thưởng.

Để chứng minh cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va thấy rằng việc họ dùng danh Đức Giê-hô-va không hề bảo đảm rằng họ thuộc về Ngài, bạn có thể trích dẫn câu của Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 7:22,23 *“Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri sao? Nhân danh Chúa mà trừ quỉ sao? Và lại nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao. Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta!”* (Bản dịch Việt ngữ, TKH Saigon).

Ma-thi-ơ 6:9

*“Vậy, các con phải cầu nguyện như sau: Lạy Cha chúng con trên các từng trời, nguyện danh Ngài được tôn thánh...”* (Bản NWT).

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va lý luận rằng vì danh Đức Chúa Trời phải được tôn thánh, do đó, họ “chứng minh” rằng chúng ta phải dùng danh Đức Giê-hô-va, thì lời cầu nguyện của chúng ta mới được Đức Chúa Trời nghe thấy. Nhưng có phải Chúa Jesus đã dạy như thế không? Ngài có bắt đầu chính những bài cầu nguyện của Ngài bằng nhóm từ “Giê-hô-va Đức Chúa Trời” như các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đang làm hay không?

Không bao giờ! Trong khi cầu nguyện, để diễn tả mối bận tâm của Ngài đối với việc danh Đức Chúa Trời phải được tôn thánh hay thánh hóa (được xem là thiêng liêng hay thánh khiết), Chúa Jesus đã dạy các môn đệ Ngài hãy cầu nguyện với “Cha chúng con”, chứ không phải là với “Giê-hô-va Đức Chúa Trời”, Ngài dạy “vậy các con phải cầu nguyện như sau: (Lạy, thưa) Cha chúng con...”

Nhiều bài cầu nguyện riêng của chính Chúa Jesus cũng đã được ghi lại trong Kinh Thánh, và trong những bài cầu nguyện ấy, Ngài cũng nêu ra cùng một tấm gương như thế.

*“Thưa Cha, Con cám ơn Cha...”* (Giăng 11:41, NWT)

*“Abba, (thưa) Cha, Cha có thể làm được mọi việc...”* (Mác 14:36, NWT)

*“(Thưa) Cha, giờ đã điểm...”* (Giăng 17:1, NWT).

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va có thể phản đối rằng: “Chúa Jesus vốn có mối liên hệ mật thiết, đặc biệt với Đức Chúa Cha. Chính vì thế mà Ngài không gọi Đức Chúa Cha là “Đức Giê-hô-va”. Chúng ta có thể nhìn nhận nói như thế cũng có phần nào đúng, nhưng chủ đích của Chúa Jesus vốn là cũng muốn đưa toàn thể các môn đệ Ngài vào một mối liên hệ mật thiết và đặc biệt với Đức Chúa Cha nữa. *“Chẳng bởi Ta thì không ai được đến với Cha”* là lời dạy của Chúa Jesus trong Giăng 14:6 (NWT). Về các Cơ-đốc nhân qua Chúa Jesus để đến với Đức Chúa Cha, Kinh Thánh chép: “Đức Thánh Linh ngự trong anh em... đưa anh em lên địa vị làm con trưởng thành, nhờ thế anh em được gọi Đức Chúa Trời bằng Cha. Chính Thánh Linh xác nhận với tâm linh chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời” (Rô-ma 8:15,16).  
Rõ ràng là những lời dạy của Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 6:9 không hề đề cập việc cần thiết phải dùng danh Đức Giê-hô-va khi cầu nguyện.

**5. Phủ nhận thần tánh của Chúa Jesus**

Ê-sai 9:5

“Vì có một con trẻ sanh cho chúng ta, tức là một con trai ban cho chúng ta, quyền cai trị sẽ nấy trên vai Ngài. Ngài sẽ được xưng là Đấng Lạ Lùng, là Đấng Mưu Luận, là Đức Chúa Trời Quyền Năng, là Cha Đời đời, là Chúa Bình An” (Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va không thắc mắc về việc câu nầy nói tiên tri về Chúa Cứu Thế Jesus, nhận diện Ngài là “Đức Chúa Trời Quyền Năng” (Bản dịch NWT). Nhưng họ tin rằng Đức Chúa Con chỉ là “một vị thần” - là một trong số “rất nhiều thần, nhiều chúa” (I Cô-rinh-tô 5:8), y như Sa-tan, là Quỉ vương, vốn được gọi là “chúa” (thần) đời nầy (II Cô-rinh-tô 4:4) vậy. Họ xem Chúa Cứu Thế Jesus chỉ như một loài thọ tạo, một vị thiên sứ mà thôi. Theo thần học Tháp Canh dứt khoát Ngài không phải là Giê-hô-va Đức Chúa Trời Toàn năng.

Thật ra, các Chứng nhân có đến hai vị thần, một lớn một nhỏ: một Giê-hô-va là “Đức Chúa Trời Toàn Năng” và “một vị thần có quyền năng” là Chúa Cứu Thế Jesus. Tuy nhiên, trong thực tế, Đấng được mọi người thờ phượng là Đức Giê-hô-va, còn Chúa Jesus chỉ được gọi là “một vị thần” cách miễn cưỡng mà thôi.

Bạn có thể bắt đầu hỏi các Chứng nhân chẳng hay họ có tin vào chỉ một Chân Thần duy nhất là Đức Chúa Trời mà thôi hay không. Họ sẽ trả lời là “Có”, hãy hỏi họ xem Ngài là ai, họ sẽ trả lời là “Đức Giê-hô-va”. Sau đó, hãy bảo cho họ đọc Ê-sai 9:5 rồi hỏi họ xem Đức Chúa Trời Quyền Năng được đề cập ở đây - là “một con trẻ sanh cho chúng ta... một con trai ban cho chúng ta” (Bản dịch NWT) là ai. Họ sẽ phải công nhận rằng Chúa Jesus là Đức Chúa Trời Quyền năng. Chừng đó, hãy hỏi họ phải chăng Chúa Jesus là Chân Thần duy nhất. Họ sẽ trả lời là “không”, rằng Chúa Jesus chỉ là “một vị thần nhỏ” mà thôi. Đến đây, hãy vạch ra cho họ thấy là nền thần học của họ dẫn tới một trong hai kết luận sau đây: (1) nếu không phải là Chân Thần, Chúa Jesus phải là một tà thần, hoặc (2) có đến hai Chân Thần.

Rồi hãy trở lại với Kinh Thánh để chứng minh cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va thấy rằng Đức Chúa Trời quyền năng và Đức Chúa Trời Toàn năng chỉ là một. Bạn có thể làm việc nầy theo hai bước: Một là, chỉ cho họ thấy Chúa Cứu Thế đã phục sinh không phải chỉ có quyền năng mà thôi, nhưng còn là Đấng Toàn Năng nữa, hai là, hãy chứng minh rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời Toàn Năng cũng từng được gọi là Đức Chúa Trời Quyền năng.

1. Chỉ cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đọc ở Hê-bơ-rơ 1:3 rằng Chúa Cứu Thế Jesus “dùng lời quyền năng bảo tồn vạn vật”. Thế có ai có thể có toàn quyền toàn năng hơn thế không? Rồi hãy lật sang Ma-thi-ơ 28:28 và chứng minh rằng Chúa Cứu Thế Jesus vốn có “tất cả uy quyền trên trời dưới đất”. Theo định nghĩa thì Toàn quyền Toàn năng chính là như thế đó. Do đó, Chúa Cứu Thế Jesus là Đấng Toàn quyền Toàn năng.

2. Hỏi các Chứng nhân rằng: “Vì Ê-sai là một người Do Thái, do đó, ông tin vào một mình Thiên Chúa - là Đức Giê-hô-va - mà thôi. Thế thì, theo ông hiểu, Đức Chúa Trời quyền năng là ai?” Chắc chắn ông Ê-sai phải hiểu Đức Chúa Trời Quyền năng chính là Đức Giê-hô-va. Tiếp theo đó, hãy yêu cầu họ đọc Ê-sai 10:20,21 trong chính quyển Kinh Thánh của Hội Tháp Canh của người ấy: “...một số dân sót của Y-sơ-ra-ên sẽ...thật lòng cậy Đức Giê-hô-va là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên. Một số dân sót, tức là dân sót của Gia-cốp, sẽ trở lại cùng Đức Chúa Trời quyền năng”. Vâng, Lời được linh cảm qua ngòi bút của Ê-sai, đã gọi Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời quyền năng.

Cuối cùng, để củng cố thêm cho luận điểm nầy, hãy yêu cầu các Chứng nhân lật sang Giê-rê-mi 32:18 trong chính bản dịch NWT của họ. Nhưng trước khi bảo người ấy đọc hãy nhắc cho người ấy rằng tổ chức Tháp Canh dạy Đức Chúa Trời Quyền năng và Đức Chúa Trời Toàn Năng vốn khác nhau - Chúa Jesus là Đấng Quyền năng, còn Đức Giê-hô-va mới là Đấng Toàn Năng. Sau đó, hãy bảo họ đọc những gì Giê-rê-mi đã viết về *“Đức Chúa Trời lớn là Đấng Quyền năng, danh Ngài là Đức Giê-hô-va vạn quân”.* Vậy, vì Chúa Jesus là Đức Chúa Trời Quyền năng, còn Đức Giê-hô-va cũng là Đức Chúa Trời Quyền năng, thế thì Chúa Jesus phải là ai đây? (Hãy để cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tự đi đến câu kết luận không thể tránh né vào đâu được rằng Chúa Jesus chính là Đức Giê-hô-va).

Cô-lô-se 1:15

*“Ấy chính Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được, là Đấng sanh ra đầu hết thảy mọi vật được dựng nên.”*

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va viện dẫn câu nầy làm “bằng cớ” chứng minh rằng Chúa Cứu Thế Jesus không phải là Đức Chúa Trời, mà đúng hơn, chỉ là vị thiên sứ đầu tiên mà Đức Chúa Trời đã dựng nên. Tuy nhiên, phải chăng từ ngữ “có trước” - “được sinh ra trước tiên” - “con trưởng” nhất thiết phải có nghĩa là con người đầu tiên đã được sanh ra hay dựng nên? Không bao giờ! Từ ngữ ấy thường được dùng trong Kinh Thánh theo nghĩa quyền ưu tiên về tính cách hay địa vị quan trọng, chứ không phải là theo thứ tự được sinh ra đời.

Thí dụ, hãy yêu cầu các Chứng nhân lật Thi Tiên 89:27, câu nầy đề cập vua Đa-vít vốn là con út, con trai của Giê-se được sinh ra sau cùng - một địa vị xa nhất để có thể được gọi là người con được sinh ra đầu tiên theo nghĩa đen. Thế nhưng hãy chú ý những gì Đức Chúa Trời đã phán về ông trong bài Thi Thiên nầy: “Lại ta cũng sẽ làm người thành con trưởng nam ta...” (NWT). Rõ ràng là Đức Chúa Trời đã không đảo ngược thứ tự về sự được sinh ra đời của Đa-vít; ở đây, Ngài không đề cập thứ tự của việc được sinh ra đời. Điều bài Thi Thiên nầy muốn nói, là vua Đa-vít sẽ được tôn cao về phương diện địa vị, cao hơn nhiều người khác, được địa vị nổi bật.

Bây giờ, để chứng minh rằng từ ngữ ở đây đã được dùng theo nghĩa nầy về Chúa Cứu Thế trong Cô-lô-se 1:15, hãy bảo các Chứng nhân đọc lại văn cảnh, nhất là hãy chỉ cho họ câu 18, là câu nhận diện Chúa Cứu Thế là “Đấng được sanh ra đầu” (Bản Việt ngữ, TKH Saigon) và bảo rằng chủ đích của việc ấy là để Ngài làm “đầu hết thảy mọi vật dựng nên”.

Khi bạn đã “có lý” tại điểm nầy trong sách Cô-lô-se rồi, hãy chuyển sang vạch rõ thần tánh của Chúa Jesus bằng cách đọc 2:9 “Chúa Jesus là hiện thân của tất cả bản chất thần linh của Đức Chúa Trời”.

Thi Thiên 110:1

*“Đức Giê-hô-va phán cùng Chúa tôi rằng: Hãy ngồi bên hữu ta, cho đến chừng ta đặt kẻ thù nghịch ngươi làm bệ chân cho ngươi”* (Bả dịch Việt ngữ, TKH Saigon).

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vào một tư gia, có thể mời chủ nhà lấy quyển Kinh Thánh của mình mở ra ở 110:1, rồi họ yêu cầu chủ nhà đọc câu ấy lên. Chủ nhà sẽ đọc rằng: “Đức Giê-hô-va phán cùng Chúa tôi rằng...” (Bản King James ghi: The Lord said unto my Lord...) và cảm thấy hoang mang. Thế là các Chứng nhân mở bản dịch NWT của họ ra và đọc cùng câu ấy rằng: “Lời của Đức Giê-hô-va phán cùng Chúa tôi là...” Rồi họ bắt đầu lý luận rằng: (1) Bản dịch NWT của họ là đúng hơn, nên dùng, vì không phải là chính Chúa đã tự phán với Ngài. (2) Chúa Jesus chỉ là một hữu thể thọ tạo, vì Thiên Chúa là Đức Giê-hô-va đang phán với một người phân biệt với chính Ngài.

Muốn trả lời cho luận cứ thứ nhất, chỉ cần đọc văn bản thật kỹ hơn mà thôi. Câu ấy không hề có nghĩa là “Chúa” đang phán với “Chúa”. Phần lớn các bản dịch Kinh Thánh đều dịch bốn mẫu tự Hi-bá-lai văn YHWH là “Chúa” (viết toàn bằng chữ hoa) đang phán với “Chúa” (chỉ có mẫu tự L (Lord) viết hoa, những mẫu tự còn lại đều viết thường, nhỏ) của tác giả Thi thiên, tức là Đấng Mết-si-a. Nếu có nhầm lẫn, thì vấn đề không phải là ở bản dịch, mà đúng hơn là do sự thiếu hiểu biết Kinh Thánh của người đọc mà thôi. Các Cơ-đốc nhân có đầy đủ kiến thức về Kinh Thánh đọc câu nầy đều hiểu rằng đây là Đức Chúa Trời là Cha, đang phán với Đức Chúa Con.

Luận cứ thứ hai của các Chứng nhân rằng Chúa Jesus không thể là Đức Chúa Trời, vì “Đức Giê-hô-va đã phán với Ngài” - cũng là sai lầm. Tân Ước chép lại nhiều cuộc đối thoại giữa Chúa Jesus với Đức Chúa Cha, mà không hề phủ nhận thần tánh của Chúa Jesus. Kinh Thánh cho thấy Đức Chúa Cha là Đức Chúa Trời (Giăng 6:27, vv) mà Đức Chúa Con cũng là Đức Chúa Trời nữa (Ê-sai 9:6;Giăng 20:28, vv) thế nhưng chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất mà thôi (I Cô-rinh-tô 8:4). Tuy điều nầy nghe như có vẻ mâu thuẫn theo cách lý luận hằng ngày của loài người, nhưng nếu chúng ta bắt buộc Đức Chúa Trời phải theo đúng khuôn phép lý luận thông thường của thế giới vây quanh chúng ta thì có phải lẽ hay không? Ngài vốn thuộc về “cõi trên”, chúng ta thuộc về “cõi dưới”. Các đường lối Ngài vốn siêu vượt trên cách hiểu biết của chúng ta.

Để giải thích cho các Chứng nhân sự kiện Thi 110 cho thấy Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha ở trên trời, đang trò chuyện với Đức Chúa Con (cũng chính là Đức Chúa Trời) dưới đất, điều có thể giúp ích cho chúng ta là hãy mời họ lật chính bản Kinh Thánh NWT của họ ở [Sáng Thế Ký 18:1](bib:Sa_18_1)-19:38. Ở đó, Kinh Thánh chép “Đức Giê-hô-va hiện ra cùng Áp-ra-ham” gồm “ba người” hay ba vị thiên sứ (18:1-2), Áp-ra-ham đã trò chuyện và gọi cả ba là “Đức Giê-hô-va” (18:3). Hai vị trong số đó đã từ giã Áp-ra-ham để đi về hướng thành phố Sô-đôm, nhưng Áp-ra-ham vẫn tiếp tục gọi vị còn lại là “Đức Giê-hô-va” (18:22,19:1). Khi hai vị kia đến Sô-đôm và trò chuyện với Lót là cháu của Áp-ra-ham, Lót cũng gọi hai vị ấy là “Đức Giê-hô-va” (19:18). Và khi thành phố Sô-đôm bị thiêu hủy, 19:24 trong bản dịch NWT chép “Đoạn Đức Giê-hô-va giáng mưa diêm sinh và lửa từ nơi Ngài trên trời rơi xuống...” (như bản Việt ngữ, TKH Saigon). Thế thì, trừ phi khi các Chứng nhân muốn bảo rằng có nhiều hơn là một Đức Giê-hô-va, họ sẽ phải công nhận rằng Đức Chúa Trời có thể hiện diện tại nhiều nơi cùng một lúc, và có thể đồng thời trò chuyện với nhiều người khác nhau tại nhiều chỗ khác nhau. Điều nầy sẽ giúp họ lãnh hội dễ dàng hơn rằng Đức Chúa Cha có thể trò chuyện với Đức Chúa Con mà chẳng cần gì phải thắc mắc đặt vấn đề về thần tánh của Chúa Jesus.

Giăng 14:28

*”...Nếu các ngươi yêu mến ta, thì sẽ vui mừng về điều ta đi đến cùng Cha, bởi vì Cha tôn trọng hơn ta”*

Đây là câu mà các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va rất tâm đắc để lý luận chống lại thần tánh của Chúa Jesus. Họ bắt đầu trích dẫn Bài Tín Điều của Athanisius: “Và trong Ba ngôi nầy, chẳng có ngôi nào là trước hay sau ngôi khác. Chẳng có ngôi nào là quan trọng (lớn) hay thua kém (nhỏ) hơn ngôi khác. Nhưng cả ba ngôi đều cùng hiện hữu vĩnh viễn và đồng đẳng”. Rồi họ sẽ đọc câu Chúa Jesus đã nói về Đức Chúa Cha vốn cao quí (quan trọng, lớn) hơn Đức Chúa Con, chứ không phải là “bình đẳng” với Đức Chúa Con, như bài tín điều ấy nói.

Xin đừng để cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đưa bạn vào chiếc bẫy nầy. Hãy nhắc họ rằng lúc Chúa Jesus phán câu nầy, là khi Ngài đang thực thi điều đã được nhấn mạnh trong Phi-líp 2:6,7 “Chúa vốn có hình thể Đức Chúa Trời nhưng không cố vị tham quyền là quyền bình đẳng với Đức Chúa Trời. Chúa tình nguyện từ bỏ tất cả, mang thân thể con người cam chịu thân phận người nô lệ”. Lẽ tự nhiên là lúc ấy, Ngài có thể nói về Đức Chúa Cha là “cao quí (quan trọng, vĩ đại) hơn ta”. Đức Chúa Con thậm chí còn trở thành “thấp (kém) hơn các thiên sứ” nữa, để hành động với tư cách Cứu Chúa của nhân loạiHê-bơ-rơ 2:9).

Giăng 4:21,23

*“Đã đến lúc người ta không thờ phượng Đức Chúa Trời trên núi nầy, cũng không phải tại thành Giê-ru-sa-lem nữa. Khi những kẻ thờ phượng thật lấy tâm thần và lẽ thật mà thờ phượng: Ấy đó là những kẻ thờ phượng Cha ưa thích vậy.”*

Các chứng nhân của Đức Giê-hô-va thường dùng câu nầy khi đi làm công tác truyền giảng từ nhà nầy sang nhà nọ. Sau khi chào hỏi chủ nhà, họ hỏi “Bạn có đạo nào không? Vị thần mà bạn đang thờ lạy là ai vậy?”. Nếu câu trả lời là “Chúa” hay “Đức Chúa Trời” các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va sẽ nói: “Đó mới chỉ là tước hiệu mà thôi. Thế tên (danh) của Đức Chúa Trời là gì? Nhiều người có thể trả lời là “Jesus” thì các Chứng nhân sẽ lập tức đọc Giăng 4:23 rồi giải thích: “Bạn chưa phải là người thờ phượng đúng cách, đúng vị thần, vì bạn đang thờ phượng Đức Chúa Con. Ở đây, Kinh Thánh dạy rằng những người thờ phượng đúng cách, đúng vị thần, phải thờ phượng Đức Chúa Cha kia. Bạn có biết tên (danh) của Đức Chúa Cha không?” Thế rồi các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va sẽ tiến hành việc trình bày phần lý luận chuẩn mực của họ về danh Đức Giê-hô-va.

Phần lớn hoạt động truyền giảng của các Chứng nhân đều noi theo cùng một luận đề: phủ nhận thần tánh của Chúa Jesus trong khi dạy rằng chỉ có Đức Chúa Cha (Đức Giê-hô-va) mới đáng cho người ta thờ phượng mà thôi. Nhằm xây dựng cho thật vững chắc giáo thuyết nầy, họ đưa các học viên của họ đi một vòng xuyên suốt bộ Kinh Thánh có người hướng dẫn hẳn hoi, cố tình tránh né những khúc sách như Ê-sai 9:5; Ma-thi-ơ 28:9; Giăng 1:1, 8:58,59, 20:28;C ô-lô-se 2:9; Hê-bơ-rơ 1:6 và vv... tất cả những câu ấy đều vạch rõ thần tánh của Chúa Jesus và đặc tính của việc thờ phượng Ngài.

Thật vậy, các dịch giả của Hội Tháp Canh, khi chuẩn bị bản dịch NWT của họ, đã thận trọng dịch từ ngữ Hi văn proskuneo (thờ phượng, tôn kính, cúi đầu tỏ lòng vâng phục) một cách rất “chọn lọc”. Khi nào từ ngữ ấy được dùng cho Đức Chúa Cha, họ dịch là “thờ phượng”, nhưng khi nào nó ám chỉ Đức Chúa Con, họ sẽ dịch ra là “cung kính cúi đầu tỏ lòng vâng phục” (do obeisance to), xin xem phần thảo luận về Hê-bơ-rơ 1:6 để có thêm chi tiết.  
Sau khi đồng ý với họ rằng Đức Chúa Cha đáng được thờ phượng, hãy nỏi các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va rằng thế họ có tôn trọng các ước muốn của Đức Chúa Cha trong các vấn đề khác nữa hay không. Lẽ tự nhiên họ sẽ bảo là “có”. Bấy giờ, hãy chỉ cho họ Giăng 5:23 trong chính quyển Kinh Thánh của họ, là câu chép rằng Đức Chúa Cha đòi hỏi “mọi người biết tôn kính Con cũng như tôn kính Cha...” Nếu các Chứng nhân không thờ phượng tôn kính Đức Chúa Con, thì việc người ấy thờ phượng tôn kính Đức Chúa Cha cũng thành ra vô ích, vì cùng một câu ấy lại tiếp tục chép: “Ai không tôn kính Con cũng không tôn kính Cha, là Đấng sai Con xuống đời”.

Giăng 17:3

*“Vả, sự sống đời đời là nhìn biết Cha, tức là Đức Chúa Trời có một và thật, cùng Jesus Christ, là Đấng Cha đã sai đến.”*

Một trong những câu mà các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đến gõ cửa nhà bạn thường trích dẫn nhất là Giăng 17:3. Họ sử dụng nó theo hai cách khác nhau.

Thứ nhất, tuy phần lớn các bản dịch Kinh Thánh đều dịch từ ngữ Hi-lạp ở đây là “nhận biết” Đức Chúa Cha, bản dịch của Hội Tháp Canh là “học biết” (taking in knowledge). Điều nầy giúp các Chứng nhân lợi dụng câu nầy để đề nghị với những người nghe họ theo “một lớp học Kinh Thánh miễn phí tại gia” để “học” cái gọi là sự hiểu biết (nhận thức, tri thức) về Đức Chúa Cha đó. Những người chấp nhận đề nghị ấy sẽ nhanh chóng được chuyển từ Kinh Thánh sang một trong số rất nhiều quyển sách đã được Hội Kinh Thánh và truyền đạo đơn Tháp Canh ấn hành.

Sau đó, những người cùng học hỏi nghiên cứu với các Chứng nhân cứ “học mãi mà chẳng bao giờ hiểu biết chân lý” (II Ti-mô-thê 3:7). Chính Chúa Jesus từng tuyên bố rằng Ngài là “con đường, chân lý và nguồn sống” và “nếu không nhờ ta, không ai được đến với Cha” (Giăng 14:6). “Sự kiện” họ cứ đổ đầy vào đầu các Chứng nhân, chẳng bao giờ bù đắp nổi cho việc họ thật sự thiếu hiểu biết về Chúa Jesus là Chân lý hằng sống.

Việc nầy cũng giống tình trạng một thanh niên ái mộ một ngôi sao điện ảnh lừng danh, đã xem tất cả các cuốn phim của minh tinh ấy, đọc tất cả các tác phẩm có các tài liệu về tiểu sử, và trang hoàng các vách tường nhà mình bằng các tranh ảnh của minh tinh ấy. Thế nhưng tất cả những hiểu biết ấy không hề thâu được chút gì cho loại mối liên hệ mà đứa con nuôi của minh tinh ấy được hưởng, vì nó vốn được sống gần gũi, mật thiết với minh tinh kia. Các Cơ-đốc nhân chân chính vốn được Đức Chúa Trời thừa nhận làm con, và thật sự được nhận biết Ngài (xem Ga-la-ti 4:5-9; Rô-ma 8:14-39). Phần tri thức, kiến thức mà Hội Tháp Canh cung cấp, chẳng bao giờ sánh kịp với loại nhận biết ấy.

Cách thứ hai mà các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va lợi dụng Giăng 17:3, là phủ nhận thần tánh của Chúa Jesus. Họ vạch ra rằng Chúa Jesus đã gọi Đức Chúa Cha là “Chân Thần duy nhất” rồi phân biệt giữa “Ngài là Chân Thần duy nhất” với “Chúa Cứu Thế Jesus, là sứ giả của Cha”. Lẽ dĩ nhiên, mối liên hệ giữa Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh trong Đức Chúa Trời Ba ngôi vốn là một vấn đề mà ngay đến các Cơ-đốc nhân chính thống giỏi nhất thì cũng chỉ “nhìn thấy như phản chiếu qua một tấm gương mờ” mà thôi, trong khi chúng ta vừa đi vừa nhìn về hướng quê hương mà một ngày nào đó, chúng ta sẽ được ở với Chúa, và chỉ đến chừng đó, chúng ta mới được nhìn thấy Ngài “mặt đối mặt” (I Cô-rinh-tô 13:12). Nhưng chúng ta vẫn có thể thấy rõ, thấy đúng vừa đủ bây giờ, để biết rằng Hội Tháp Canh đã xuyên tạcGiăng 17:3.

Nếu câu Chúa Jesus nói về Đức Chúa Cha là “Chân thần duy nhất” ngụ ý là Đức Chúa Con không có thần tánh, thì cùng một nguyên tắc lý giải ấy cũng được áp dụng cho Giu-đe 4, chỗ Chúa Cứu Thế Jesus được gọi là “Đấng chủ tể duy nhất là Chúa Cứu Thế Jesus của chúng ta” (theo bản NWT). Như thế thì Đức Chúa Cha cũng không phải là Chúa và là Đấng Chủ tể nữa. Thế nhưng, các Chứng nhân vẫn gọi Đức Chúa Cha là “Chúa Giê-hô-va”, tuy Giu-đe 4 gọi Chúa Jesus là Chúa tể “duy nhất” của chúng ta. Và Đức Thánh Linh cũng được gọi là “Chúa” ở II Cô-rinh-tô 3:17. Thế thì, rõ ràng là chẳng hề có cách dùng chữ duy nhất nào lại có tính cách độc quyền khi đề cập Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Việc Chúa Jesus được gọi là Chúa tể “duy nhất” của chúng ta không hề loại trừ quyền chủ tể của Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh, mà Đức Chúa Cha được gọi là Chân thần “duy nhất” cũng không hề loại trừ thần tánh của cá Đức Chúa Con lẫn Đức Thánh Linh.

Cô-lô-se 2:9

*“Vì sự đầy dẫy của bổn tính Đức Chúa Trời thảy đều ở trong Đấng ấy như có hình.”*

Đây là một văn bản cần được dứt khoát đưa vào khi chia xẻ với một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va về số các bằng cớ thật phong phú của Kinh Thánh chứng minh rằng Chúa Cứu Thế Jesus là Đức Chúa Trời. Nếu đọc câu nầy theo được càng nhiều bản dịch sẽ rất hữu ích: *“Vì sự đầy dẫy của bổn tánh Đức Chúa Trời thảy đều ở trong Đấng ấy như có hình”, “vì sự đầy đủ của thể yếu Đức Chúa Trời thảy đều ở trong Ngài cách có hình thể”* (Bản Nhuận chánh), *“vì trong Chúa Cứu Thế có đầy đủ tất cả những gì là thần tánh, cư trú trong một thân thể”* (The Bible in Living English do Steven T Byington dịch, Hội Tháp Canh xuất bản năm 1972).

Bản dịch NWT của Hội Tháp Canh cố “pha loãng” bức thông điệp ở đây bằng cách dịch câu nầy là “Vì trong Ngài có đầy đủ tất cả phẩm chất thiên thượng (divine quality) ở trong một thân thể”. Nhưng ấn bản có tham chiếu và bản dịch từng chữ từng tiếng theo nguyên bản Hi –lạp của họ đều thừa nhận rằng từ ngữ Hi-lạp mà họ dịch là “phẩm chất thiên thượng” có nghĩa đen là “thần tánh” (Godship).

**6. Chúa Jesus đã tái lâm rồi, cách vô hình vào năm 1914:**

Ma-thi-ơ 24:14:

*“Tin Mừng về Nước Trời sẽ được truyền giảng khắp trên mặt đất có người ở để làm chứng cho mọi dân tộc, rồi mới đến ngày tận thế”* (Bản NWT).

Câu nầy luôn luôn được các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tâm đắc. Nhưng họ hiểu nó với một số tư tưởng vượt hẳn những lời lẽ trong câu ấy muốn nói. Họ tin rằng Chúa Cứu Thế Jesus đã trở lại một cách vô hình hồi năm 1914 SC rồi, và đã lập “Nước Trời” ở trên trời từ lúc ấy, mà Hội Tháp Canh là đại diện hữu hình của Ngài dưới đất nầy. Cho nên, muốn được sự sống vĩnh hằng, người ta phải đến với tổ chức của Đức Giê-hô-va để được cứu rỗi” (The Watchtower, 5.11.81, p 21).

Khi các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va truyền giảng “tin mừng” hay “tin vui” về Nước Trời, thì thật ra, không phải là họ giảng giáo thuyết về sự trở lại vô hình của Chúa Cứu Thế hồi năm 1914. Họ hoàn toàn thừa nhận “tin mừng” của họ không giống với Phúc âm hay Tin Lành mà các Cơ-đốc nhân truyền giảng suốt nhiều thế kỷ rồi. Nhưng họ vô cùng hân hoan khi họ lại có một tin mừng khác hẳn.

...Nước Trời mà các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va làm chứng từ 1914 đến nay có một cái gì đó khác xa những gì các giáo sĩ của Cơ-đốc giáo giới công bố cả trước và từ 1914 trở về sau, “khác” như thế nào?...Điều mà các Chứng nhân đã truyền giảng khắp thế giới từ 1918 đến nay vốn có một không hai ... việc truyền giảng tin mừng về Vương quốc của Đấng Mết-si-a đã được thiết lập trên thiên đàng hồi năm 1914... (The Watchtower, 1.10.80, pp 28,29).

Nhưng Kinh Thánh cảnh cáo bằng lời lẽ hết sức rõ ràng, chống lại việc truyền giảng một Phúc âm (Tin Lành) khác: “Dù chính chúng tôi, dù thiên sứ từ trời hiện xuống, nếu ai truyền giảng một “phúc âm” nào khác với Phúc âm chúng tôi đã công bố cho anh em, cũng đáng bị Đức Chúa Trời lên án. Tôi xin nhắc lại: nếu ai truyền giảng cho anh em một “phúc âm” nào khác với Phúc âm anh em đã tin nhận, người ấy đáng bị Đức Chúa Trời lên án” (Ga-la-ti 1:8,9, bản NWT).

Hãy hỏi các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va: “Thánh Phao-lô có dạy cho các môn đệ Chúa tại Ga-la-ti rằng Chúa Cứu Thế sẽ trở lại vào năm 1914 để lập một tổ chức hữu hình có trụ sở tại Brooklyn, New York hay không?” Nếu không, thì “tin mừng” của các lãnh tụ Tháp Canh là “một điều gì đó vượt khỏi” điều mà người Ga-la-ti từng tin nhận - khiến họ bị Đức Chúa Trời nguyền rủa, vì đang truyền dạy một Phúc âm (Tin Lành) khác.

Ma-thi-ơ 24:3,4

*“Khi Đức Chúa Jesus ngồi trên sườn núi Ô-liu, các môn đệ đến hỏi riêng: Xin thầy cho chúng con biết khi nào việc ấy xảy ra, và có dấu hiệu gì báo trước ngày Chúa trở lại và thời kỳ tận thế. Chúa Jesus đáp: Phải thận trọng để các con khỏi bị lừa gạt”.*

Tai hại thay, có một ai đó đã lừa gạt các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, và chúng ta phải thận trọng, chớ để cho họ lừa gạt lại chúng ta. Hội Tháp Canh thay chữ “tái lâm” bằng chữ “hiện diện” (presence) trong bản dịch Kinh Thánh của họ, rồi dùng nó làm nền tảng để dạy các tín đồ của họ rằng Chúa Jesus đã tái lâm vô hình hồi năm 1914 rồi và từ đó trở đi, Ngài vẫn luôn luôn hiện diện. Để làm gì? Coi, lẽ tự nhiên là để điều khiển tổ chức Tháp Canh!

Trong cùng một văn cảnh ấy, Chúa Jesus đã cảnh cáo phải cẩn thận đối với một sự lừa gạt: *“Nhiều tiên tri giả sẽ nổi lên quyến rũ nhiều người vào con đường lầm lạc... Khi ấy, nếu ai bảo các con: Chúa Cứu Thế vừa đến nơi kia! các con đừng tin. Vì nhiều người sẽ mạo nhận là Chúa Cứu Thế, hay tiên tri, làm phép lạ để lừa gạt nhiều người, có thể đánh lừa cả con dân Chúa. Ta nói trước để các con đề phòng. Nếu có người bảo: Chúa Cứu Thế ở ngoài sa mạc! các con đừng đi tìm, hoặc họ nói: Chúa đang ẩn nơi kia! cũng đừng tin”* (câu 11, 23-26).

Thật thế, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tuyên bố rằng Chúa Cứu Thế Jesus đang “ngự trong các phòng kín (inner rooms)” của tổ chức họ. Bạn cần phải đến với họ để tiếp nhận những lời giáo huấn của Ngài. Tuy thế, may thay, cũng có nhiều chứng cứ hiển nhiên giúp cá nhân các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va thấy rõ sự lừa gạt ấy.

Trước hết, có vấn đề lời tiên tri. Hội Tháp Canh đã có cả một lịch sử lâu dài về những lời tiên tri không ứng nghiệm, khiến nó bị dán cho nhãn hiệu “tiên tri giả” rất nhiều lần rồi, (xin xem phần thảo luận của chúng tôi về Phục Truyền Luật Lệ Ký 18:20-22, đã có các thí dụ đặc thù về những gì tổ chức ấy đã nói tiên tri cho những năm 1914, 1925, 1975).

Rồi còn có sự kiện chính câu chuyện của họ lại bị thay đổi. Bảo rằng Chúa Cứu Thế đã trở lại một cách vô hình hồi năm 1914 là một chuyện, nhưng tuyên bố như thế sau khi bạn đã dành ra 50 năm để tuyên bố với thiên hạ rằng Ngài đã trở lại một cách vô hình hồi năm 1874 rồi, để rồi bạn lại đổi ý - thì lại là một chuyện khác. Thế nhưng tổ chức các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã làm đúng như thế đấy. Lúc tạp chí The Watchtower bắt đầu xuất bản ngay từ năm 1879, nhan đề nguyên thủy của nó là “Tháp canh của Si-ôn và diễn đàn của sự hiện diện của Chúa Cứu Thế”. Rồi 50 năm sau đó, trong quyển sách nhan đề “Lời tiên tri” của J.F.Rutherford, sự “hiện diện” của năm 1874 nầy vẫn còn được rao giảng: “Chứng cứ trong Kinh Thánh là lần hiện diện thứ hai của Chúa Cứu Thế Jesus đã bắt đầu vào năm 1874 SC” (tr 65). Bây giờ, Hội lại bảo rằng Ngài đã trở lại hồi năm 1914. Như thế, chính họ nhìn nhận rằng họ đã rao giảng sai, thông báo về sự hiện diện của Chúa Cứu Thế từ 1874-1914, nhưng Ngài thì không hề có mặt.

Bằng cách tuyên bố rằng Chúa Jesus đã hiện diện một cách vô hình và cầm quyền cai trị trên đất nầy qua trung gian của họ, các lãnh tụ của Chứng nhân của Đức Giê-hô-va bảo với những người theo họ: “Hồi thế kỷ thứ nhất, Giê-ru-sa-lem là điểm để quyền điều khiển được ban ra cho tổ chức Cơ-đốc giáo (Công Vụ Các Sứ Đồ 15:1,2), nhưng ngày nay, quyền điều khiển ấy được cung cấp từ Brooklyn, New York” (The Watchtower, 1.12.1982, p 23). Vậy, đứng về phương diện chứng cứ hiển nhiên mà nói, thì cá nhân các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va có thể cứ sợ sệt để vâng theo lời những con người như thế nữa hay không? Xin hãy để cho Kinh điển trả lời: “Khi kẻ tiên tri nhân danh Đức Giê-hô-va nói, vì bằng lời ngươi nói không xảy đến và không ứng nghiệm, ấy là lời mà Đức Giê-hô-va chẳng có phán. Kẻ tiên tri đó bởi sự kiêu ngạo mà nói ra: chớ sợ người” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 18:22).

Ma-thi-ơ 24:34

*“Ta quả quyết, thời đại (thế hệ) nầy chưa chấm dứt, các biến cố ấy đã xảy ra rồi”*

Thời đại (generation: thế hệ) nào? Chủ đề nầy là một vấn đề còn được tranh luận giữa các Cơ-đốc nhân đọc Kinh Thánh - nhưng không phải là đối với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, vì tổ chức của họ đã bảo cụ thể với họ rằng “rõ ràng thế hệ mà Chúa Jesus ám chỉ là thế hệ năm 1914. Như thế, thế hệ nầy chưa chấm dứt, các biến cố ấy (kể các các biến cố của sách Khải thị) đã xảy ra rồi” (The Watchtower, 15.2.86, p 5).

Từ nhiều năm rồi, mỗi ấn bản của tạp chí Awake! (Tỉnh thức) của họ đều in câu phát biểu nêu rõ chủ đích của họ trên trang 2: “Điều quan trọng hơn hết, tạp chí nầy đặt lòng tin quyết vào lời hứa của Đấng Tạo Hóa về một trật tự mới của hòa bình và an ninh trước khi thế hệ đã thấy các biến cố của năm 1914 qua đi”. Số báo Awake! ra ngày 8.10.1986 định nghĩa chữ “thế hệ” còn chính xác hơn nữa bằng cách bảo rằng “rõ ràng là Chúa Jesus đề cập những người đã lớn tuổi (old) đủ để chứng kiến với sự hiểu biết những gì xảy ra”, gợi ý rằng số người nầy sẽ là “các thiếu niên 15 tuổi” (tr 13). Họ còn nói thật dứt khoát rằng “về mặt luận lý học, thì thế hệ không áp dụng cho các trẻ mới ra đời trong Đệ nhất thế chiến” (The Watchtower. 1.10.78, p 31).

Ta chỉ cần tính xem một người nào đó được 15 tuổi hồi năm 1914, sẽ là 25 tuổi năm 1924, 35 tuổi năm 1934 - và 85 tuổi năm 1984 - để nhận thấy rằng cái “thế hệ chưa chấm dứt” của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va hầu như đều đã ra đi cả rồi vào giữa các năm cuối của thập niên 1980. Lời tiên tri ấy sắp được chứng minh là sai lầm, nhưng thay vì thay đổi lời tiên tri, các lãnh tụ các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va chỉ kéo dài thế hệ ấy thêm mà thôi. Thay vì những người mười-lăm-tuổi, đã có thể chứng kiến “với sự hiểu biết” những gì đã xảy ra hồi 1914, họ bắt đầu bảo thay vào đó, là thế hê ấy gồm “những người đã được sinh ra trước sau (around) thời gian ấy” (nghĩa là các em bé mà trước kia họ từng loại ra). Họ bảo “Nếu Chúa Jesus dùng từ ngữ “thế hệ” theo nghĩa ấy, và chúng ta áp dụng cho năm 1914, thì các em bé sơ sinh của thế hệ ấy đến nay đã được 70 tuổi hoặc cao hơn” (The Watchtower, 15.5.84, p 5).

Các Cơ-đốc nhân chân chính vẫn đang nhiệt thành cầu nguyện để Chúa sẽ tái lâm. Và chúng ta chờ đợi, thức canh vì sự tái lâm của Ngài. Nhưng những kẻ đưa ra những lời tiên tri giả bị liệt vào hạng người mà Chúa từng cảnh cáo chúng ta phải coi chừng: “Vì nhiều người sẽ mạo nhận là Chúa Cứu Thế, hay tiên tri, làm phép lạ để lừa gạt nhiều người có thể đánh lừa cả con dân Chúa” (Ma-thi-ơ 24:24).

**7. Phủ nhận Ba Ngôi Đức Chúa Trời:**

Mác 12:29

*“Đức Chúa Jesus đáp rằng: Nầy là điều đầu nhất: Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe, Chúa, Đức Chúa Trời chúng ta, là Chúa có một”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Đây là phần Kinh Thánh mà các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va viện dẫn khi trình bày trường hợp chống lại giáo lý về Đức Chúa Trời Ba Ngôi của họ. Họ chú trọng vào lời khẳng định rằng Đức Chúa Trời chỉ có một mà thôi. Nhưng điều mà họ không hiểu là Tân Ước mặc khải về một sự hợp nhất của nhiều thành phần kết hợp lại.

Đây là một lý do khá hợp lý khiến những người Do Thái sống trước thời của Chúa Cứu Thế (tiền Cơ-đốc giáo) không lãnh hội được tính cách hợp nhất do nhiều thành phần kết hợp lại của Đức Chúa Trời: Điều đó vẫn chưa hề được mặc khải. Nhưng trong trường hợp các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va thì chân lý mặc khải của Kinh Thánh đã bị các lãnh tụ của họ che giấu khỏi mắt họ.

Hãy cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va biết rằng bạn nhất trí với người ấy về vấn đề Đức Chúa Trời vốn là Đức Chúa Trời chỉ có một mà thôi. Hãy nói cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va biết rằng bạn không hề tin là có đến ba Đức Chúa Trời. Rồi hãy đặt vài câu hỏi để kích thích các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va ấy lý luận về vấn đề đó. Đức Chúa Trời chân chính duy nhất có thể nghe được nhiều người khác nhau cầu nguyện với Ngài đồng thời với nhau, vào cùng một lúc hay không? Ngài có thể phán dạy nhiều người đồng thời với nhau, vào cùng một lúc hay không? Nếu Ngài muốn, Đức Chúa Trời có thể làm nhiều việc đồng thời với nhau, tại nhiều nơi khác nhau hay không?

Hãy bảo với các Chứng nhân rằng bạn muốn người ấy hãy xét một vấn đề được giả thiết mà thôi: “Giả sử Đức Chúa Trời quyết định đích thân đến viếng địa cầu, Ngài có phải từ bỏ thiên đàng để làm việc ấy hay không? Hay Ngài có thể thăm viếng địa cầu, nhưng đồng thời vẫn còn ở lại trên thiên đàng để điều hành toàn thể vũ trụ?” (Chắc các Chứng nhân sẽ không chịu trả lời đâu). Hãy tiếp tục nói: “Tôi không yêu cầu bạn nhất trí rằng Đức Chúa Trời đã làm một việc như thế. Nhưng bạn có nghĩ rằng nếu Ngài muốn, thì Ngài có thể làm như thế hay không? Ta chẳng cần gì phải cố gắng để mô tả hoặc định nghĩa thật chính xác về Đức Chúa Trời Ba Ngôi, mà chỉ cần mở tâm trí cho các Chứng nhân để người ấy thấy rằng tính cách hợp nhất của Đức Chúa Trời có thể gồm nhiều thành phần.

Tiếp theo đó, hãy cùng xem và đọc các khúc sách sau đây với người ấy: Sáng Thế Ký 18:1,2;I Cô-rinh-tô 6:19; Giu-đe 20,21; I Phi-e-rơ 1:2; Ma-thi-ơ 28:19; Khải Huyền 1:7,8.

**8. Chứng Nhân Giê-hô-va tự nhận là tiên tri của Đức Chúa Trời:**

Phục Truyền Luật Lệ Ký 18:20-22

*“Còn kẻ tiên tri có lòng kiêu ngạo, nhân danh ta nói điều chi ta không biểu người nói, hay là nhân danh các thần khác mà nói, thì kẻ tiên tri ấy phải chết. Nếu ngươi nói trong lòng rằng: Làm sao chúng ta nhìn biết được lời nào là lời Đức Giê-hô-va không có phán? Khi kẻ tiên tri nhân danh Đức Giê-hô-va nói, ví bằng lời người nói không xảy đến và không ứng nghiệm, ấy là lời mà Đức Giê-hô-va chẳng có phán. Kẻ tiên tri đó bởi sự kiêu ngạo mà nói ra: Chớ sợ người”.*

Tổ chức Tháp Canh tự nhận mình là “nhà tiên tri” nói: “Nhà tiên tri nầy không phải là một người, nhưng là một tổ chức (a body) gồm nhiều người nam và nữ; đó là nhóm người đã theo gót Chúa Cứu Thế Jesus, vào thời bấy giờ, được mọi người biết bằng cái tên là các sinh viên Kinh Thánh quốc tế. Ngày nay, người ta biết họ là các Cơ-đốc nhân làm các chứng nhân cho Đức Giê-hô-va. Họ vẫn đang rao truyền một lời cảnh cáo...” (The Watchtower, 1.4.72, p 197). Lời tuyên bố tiếp sau đó là: “Trừ phi chúng ta tiếp xúc với con kênh giao thông mà Đức Chúa Trời đang sử dụng, chúng ta sẽ không thể tiến bộ được trên con đường sự sống, bất chấp chúng ta có đọc Kinh Thánh nhiều đến đâu đi chăng nữa” (The Watchtower, 1.12.81, p 27).

Những lời rêu rao đó có đúng không? Tổ chức Tháp Canh, có đúng là nhà tiên tri, là con kênh thông thương của Đức Chúa Trời không? Hay đó chỉ là một tiên tri giả, phù hợp với phần mô tả trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 18:20-22? Cách trắc nghiệm thật đơn giản: (1) Chúng ta hãy tìm hiểu tổ chức “đã nhân danh Đức Giê-hô-va mà nói” ấy. (2) Chúng ta hãy xác định xem các lời tiên tri có thật sự ứng nghiệm hay trở thành sự thật hay không. Xin chúng ta khảo xét các sự kiện:

Suốt lịch sử nửa thế kỷ của mình, Hội Tháp Canh đã truyền dạy niềm tin của nhà sáng lập và chủ tịch Hội là Charles Taze Russell, rằng Đại Kim tự tháp Ai Cập được Đức Chúa Trời linh cảm y như Thánh Kinh vậy (xem quyển sách của Hội Tháp Canh nhan đề Thy Kingdom Come ấn bản năm 1903, p 362). Các sách báo được Hội xuất bản chuyển các tấc Anh (inches) đo được trong Kim tự tháp ấy thành các niên lịch trong nỗ lực nhằm báo trước các biến cố tương lai. Như họ tiên báo rằng trận Hạt-ma-ghê-đôn “sẽ kết thúc năm 1914 SC với chính quyền cai trị trên đất hiện tại hoàn toàn bị lật đổ” (The Time is at Hand, 1904 edition, p 101). Rõ ràng là điều nầy đã không xảy ra, hay ứng nghiệm.

Vẫn nhằm quyết định hành động như một nhà tiên tri, Hội Tháp Canh tiếp tục tiên báo một sự sống lại trên đất cho năm 1925: “Họ phải sống lại như những con người trọn vẹn và họp thành các vua hay người cai trị trên đất, theo lời hứa của Ngài... Do đó, chúng ta có thể lấy lòng tin quyết để trông mong năm 1925 sẽ đánh đấu sự trở lại của Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp và các nhà tiên tri trung tín đời xưa” (Sách Millions Now Living Will Never Die, 1920, p 89-90, của Hội Tháp Canh). Việc nầy có xảy ra hay ứng nghiệm không? Không!

Gần đây, tổ chức ấy đã hướng dẫn sai, khiến hàng triệu người tin rằng “ngày tận thế” sẽ đến năm 1975. Họ hỏi: “Tại sao bạn trông mong đến năm 1975?” (tựa một bài đăng trong The Watchtower, 15.8.68, p 494).

Phải chăng căn cứ vào công trình nghiên cứu nầy, chúng ta (có thể) khẳng định rằng trận Hạt-ma-ghê-đôn sẽ kết thúc vào mùa thu năm 1975, là một-ngàn-năm trị vì của Chúa Cứu Thế được trông đợi từ lâu sẽ bắt đầu lúc ấy? Rất có thể, nhưng chúng ta chờ xem giai đoạn một ngàn năm thứ bảy mà loài người còn tồn tại sẽ khớp đúng như thế nào với một-ngàn-năm trị vì giống như (1000) sa-bát của Chúa Cứu Thế. Nếu hai giai đoạn nấy chạy song song với nhau cũng như với niên lịch, thì đó không phải chỉ là do may rủi mà là đúng theo tình yêu thương của Đức Giê-hô-va và của các ý định đúng kỳ của Ngài... Việc nầy chỉ có thể có sai biệt về các tuần lễ hay các tháng mà thôi, chứ không thể có sai biệt về các năm (tr 499). Điều chắc chắn là cho đến hôm nay, đã quá đủ số tuần, tháng và cả các năm nữa đều qua cả rồi để chứng minh rằng lời tiên tri về năm 1975 nầy đã không xảy ra hay ứng nghiệm.

Một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va có thể bào chữa cho Hội Tháp Canh bằng cách bảo rằng tất cả các lời tiên tri giả dối ấy đều là những “nhầm lẫn” và nhờ các nhầm lẫn ấy mà tổ chức đã học tập được là không nên đưa ra những lời tiên tri khẳng định khi nào thì tận thế nữa. Gặp trường hợp ấy, hãy bảo người đó đem ra một số báo Awake! mới nhất của họ. Phía trong bìa trước, nơi trang liệt kê nội dung tờ tạp chí lại có đăng một lời phát biểu chủ đích tại sao tờ Awake! đã được xuất bản. Hãy yêu cầu người đó đọc lời phát biểu đó. Về bài ấy (1968) mỗi số báo vẫn còn viết là: “Điều quan trọng nhất, là tạp chí nầy đặt lòng tin quyết vào lời hứa của Đấng Tạo Hóa về một trật tự mới của hòa bình và an ninh trước khi thế hệ từng thấy các biến cố của năm 1914 qua đi”. Lại là một lời tiên tri khác nữa!

Các sự kiện xảy ra đã không tài nào tránh né vào đâu được: Hội Tháp Canh đã nhân danh Đức Chúa Trời để phát ngôn với tư cách một nhà tiên tri, và những gì được nói tiên tri đã không ứng nghiệm. Điều nầy có ý nghĩa gì đối với cá nhân Chứng nhân của Đức Giê-hô-va? Hãy mời một người đọc những gì Lời Đức Chúa Trời đã viết về các tiên tri giả - rồi hỏi xem Đức Chúa Trời muốn cho người ấy phải làm gì? Kinh Thánh có những lời cảnh cáo nầy do chính Chúa Cứu Thế Jesus truyền phán: “Phải đề phòng các giáo sư giả đội lốt chiên hiền lành trà trộn vào hàng ngũ các con, kỳ thực chỉ là muông sói hay cắn xé”, “vì nhiều người sẽ mạo nhận là Chúa Cứu Thế, hay tiên tri...” (Ma-thi-ơ 7:15 và 24:24) Và những lời nặng nề trích dẫn trên đây từ Phục Truyền Luật Lệ Ký 18:20-22, ngoài việc nói lên sự phán xét của Đức Chúa Trời rằng nhà tiên tri giả sẽ “phải chết”, còn bảo với những người nghe rằng: “Chớ sợ người”. Thay vì cứ trung tín, sợ hãi mà vâng lời các lãnh tụ Hội Tháp Canh cá nhân mỗi Chứng nhân của Đức Giê-hô-va nào nhận ra tổ chức ấy chỉ là một tiên tri giả phải tức khắc thôi không theo họ nữa, để bắt đầu đi theo nhà tiên tri chân chính, là Chúa Cứu Thế Jesus.

Ê-sai 43:10

*“Đức Giê-hô-va phán: Các ngươi là kẻ làm chứng ta..."(*Bản Việt ngữ, TKH Saigon, giống bản NWT

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin rằng trong toàn thể các nhóm tôn giáo trên đất nầy, chỉ có một mình họ mới là dân của Đức Chúa Trời, đã được Ngài tuyển chọn và đặt tên là các Chứng nhân của Ngài mà thôi. Họ thích chỉ thẳng vào các hệ phái Cơ-đốc giáo theo Luther, Menno và các hệ phái khác để tố cáo là số người nầy chỉ theo những người tên là Luther, Menno, vv... - trong khi chỉ riêng có các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va mới theo Đức Chúa Trời là Đức Giê-hô-va mà thôi.

Tuy nhiên, thật ra, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vốn được mọi người biết khá phổ biến là “Russellites” (nghĩa là theo người sáng lập Hội Tháp Canh, là Charles Taze Russell) ngay từ lúc phong trào ấy bắt đầu trong những thập niên 1870 cho đến năm 1931. Cái tên mới, Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, chỉ mới được chính thức áp dụng do một nghị quyết được thông qua tại hội nghị của họ họp ở Columbus, Ohio, năm 1931 - trước hết là để phân biệt họ với nhiều nhóm khác cũng theo ông Russell. Nhưng cái ý niệm quá ngây thơ cho rằng Đức Chúa Trời chỉ chọn các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va giữa toàn thể các nhóm người tự xưng là Cơ-đốc nhân, và chỉ xem có họ mà thôi mới là dân thuộc về Ngài vì họ dùng cái tên Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, vốn cũng vô lý y như quan điểm cho rằng bất cứ nhóm người nào tự xưng là “Hội Thánh Chúa Jesus” hay “Hội Thánh của Đức Chúa Trời” thật ra đều đúng như cái tên ấy ngụ ý muốn nói - để loại trừ tất cả các nhóm khác.

Chúa Jesus từng chứng minh rằng Ngài còn đòi hỏi nhiều hơn là chỉ cái tên mà thôi, khi Ngài phán: Chẳng phải hễ những kẻ nói cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa thì đều được vào nước thiên đàng đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha ta ở trên trời mà thôi. Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri sao? nhân danh Chúa mà trừ quỉ sao? nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao? Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta (Ma-thi-ơ 7:21-23).

Bằng cách tự xưng theo danh Đức Chúa Trời của Hi-bá-lai ngữ đời xưa, chứ không phải bằng danh Chúa Cứu Thế Jesus, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã vô tình tự bộc lộ như những người theo Do Thái giáo hiện đại. Chúa Jesus phán “Các con...sẽ làm chứng cho ta” (Công Vụ 1:8). Và sử ký chép rằng “tín đồ được gọi là “người của Chúa Jesus” (Công Vụ 11:26).

**9. Sự thành lập thiên đàng trên trái đất:**

Thi Thiên 37:9,11,29:

*“Vì những kẻ làm ác sẽ bị diệt, còn kẻ nào trông đợi Đức Giê-hô-va sẽ được đất làm cơ nghiệp... Song người hiền từ sẽ được đất làm cơ nghiệp... Người công bình sẽ nhận được đất, và ở tại đó đời đời”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon, giống như bản NWT).

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va thường nhờ đến mấy câu nầy trong công tác đi truyền giảng từ nhà nầy sang nhà khác của họ, để giới thiệu với những người nghe niềm hi vọng về đời sống trong một địa đàng ngay trên đất nầy, thay vì được lên thiên đàng. Theo Hội Tháp Canh, cơ hội để lên thiên đàng đã chấm dứt vào năm 1935 rồi. Thay vào đó, các Chứng nhân phải trông mong được tồn tại qua trận hủy diệt số nhân loại còn lại tại Hạt-ma-ghê-đôn để được sống mãi trên đất nầy.

Tuy nhiên, khi được đọc trong văn mạch của nó, mấy câu trích từ Thi thiên 37 trên đây, Hội Tháp Canh lại vẽ ra một bức tranh khác. Thi thiên nầy không hề nói tiên tri về một tương lai, khi Đức Chúa Trời sẽ cất hết những kẻ làm ác đi và giao quyền cai trị đất nầy cho những người thánh thiện. Trái lại, tác giả Thi thiên đã được linh cảm để nói với đồng bào người Y-sơ-ra-ên của ông về những gì họ có thể trông mong được thấy ngay trong chính đời sống của họ - những người hiền lành sẽ được Đức Chúa Trời ban phước, khiến nên thịnh vượng, trong khi những kẻ ác sẽ phải sinh sống khổ sở. Thí dụ trong câu 25, vua Đa-vít viết*: “Trước tôi trẻ, rày đã già, nhưng chẳng hề thấy người công bình bị bỏ, hay là dòng dõi người đi ăn mày”* (cũng như bản NWT). Ông đang đề cập các biến cố xảy ra ngay trong đời sống của ông. Rồi trong câu 37, ông viết thêm*: “Hãy chăm chú (theo dõi) người trọn vẹn, và nhìn xem người ngay thẳng, vì tương lai người ấy sẽ là bình an”*. Một lần nữa, văn mạch chú trọng vào các lợi lộc cận tiếp của con người có hạnh kiểm tốt. Thi thiên nầy không có dấu chỉ nào cho thấy nó phải được hiểu là một lời tiên tri đề cập giai đoạn tận thế cả.

Còn nhiều câu khác nữa đã được các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vận dụng để dạy về một hi vọng ngay trên đất nầy, chứ không phải là về thiên đàng, trong số đó cóThị Thiên 115:16;Giăng 10:16;Khải Huyền 7:9.

Thi Thiên 115:16

*“Các từng trời thuộc về Đức Giê-hô-va; nhưng Ngài đã ban đất cho con cái loài người”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va thường viện dẫn câu nầy để “chứng minh” rằng số phận loài người là phải sống dưới đất nầy, chứ không phải là trên thiên đàng. Hội Tháp Canh dạy rằng chỉ có một con số hạn chế là 144.000 người mới được hưởng đời sống trên thiên đàng, và rằng con số ấy đã đầy đủ từ năm 1939 rồi. Từ đó trở đi, giáo phái ấy dạy rằng những người mới ăn năn qui đạo chỉ còn trông mong được sống mãi mãi trên đất nầy, khi nó sẽ được tái tạo để có được các điều kiện của một địa đàng (Xem phần thảo luận về Khải Huyền 7:9 để có nhận xét về niên đại 1935).

Đây là một trong nhiều trường hợp mà Hội Tháp Canh chủ yếu quay về với Cựu Ước nhằm hướng dẫn các thành viên của họ trở về với một hình thức Do Thái giáo bị xuyên tạc, phủ nhận các nét đặc trưng thiết yếu của giao ước mới mà Chúa Cứu Thế Jesus đứng trung gian (các thí dụ khác về vấn đề “Do Thái giáo hóa” gồm có việc chú trọng vào danh Đức Giê-hô-va theo tiếng Hi-bá-lai, phủ nhận thần tánh của Chúa Cứu Thế, đưa vào tinh thần tu đức lập công để được cứu rỗi, tuân thủ nghiêm ngặt luật pháp chủ nghĩa, và vv...). Cách tốt nhất để trả lời cho các Chứng nhân về điểm nầy, là đưa họ quay sang với Tân Ước và chỉ cho họ thấy “ơn trên trời gọi” (Hê-bơ-rơ 3:1), mà Cứu Chúa dành cho tất cả những ai bằng lòng theo Ngài.

Thí dụ như Chúa Jesus từng bảo với chúng ta*: “Trong nhà Cha ta có nhiều chỗ ở, nếu không, ta đã nói cho các con rồi, ta đi chuẩn bị chỗ ở cho các con. Khi chuẩn bị xong, ta sẽ trở lại đón các con về với ta để các con ở cùng ta mãi mãi”* (Giăng 14:2,3). Lúc Chúa Jesus cầu nguyện với Đức Chúa Cha *“không những con cầu xin cho họ, con còn cầu xin cho những người sẽ tin con nhờ lời chứng của họ”* để hễ *“con ở đâu, những người Cha giao cho con cũng ở đó”* (Giăng 17:20,24) thì không phải Ngài chỉ cầu xin cho các môn đệ nguyên thủy mà thôi, nhưng là cho tất cả những ai sẽ tin Ngài sau nầy nữa. Hãy hỏi các Chứng nhân phải chăng họ đã tin nhận Chúa Cứu Thế là qua lời giảng của các sứ đồ. Nếu họ có thể trả lời hết sức chân thành là “Phải” thì họ được gồm luôn vào số người đã được Chúa Cứu Thế cầu thay cho, nghĩa là toàn thể các tín hữu sẽ có trong tương lai, cuối cùng rồi cũng đều được ở với Ngài trên thiên đàng.

Khải Huyền 19:1

*“Sau đó tôi nghe có tiếng lớn như tiếng của một đám đông trên trời”*

Phương pháp tẩy não của Hội Tháp Canh rất mãnh liệt đến độ khi nghe họ nói, những người nhìn vào màu đen lại thấy đó là màu trắng - nếu Hội ấy bảo màu đen là màu trắng. Chúng tôi xin chứng minh không hề nói thêm bằng cách kể lại một cuộc gặp gỡ giữa tôi với một bà là Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, đã gõ cửa nhà tôi vào mùa hè năm 1983 (Bà ấy không biết tôi vốn là một cựu thành viên. Nếu biết, chắc bà ta đã chẳng nói một lời nào với tôi cả đâu). Cuộc tranh luận đã xảy ra như sau:

David Reed: Tôi nghe người của bà tin rằng các bạn thuộc về “một đám người rất đông” sẽ được sống mãi trên đất nầy thay vì được lên thiên đàng. Có quả đúng như thế không? Bà có thể chỉ cho tôi về “đám đông người” đó trong Kinh Thánh không?

Bà Chứng nhân: Vâng! Đó chính là điều Kinh Thánh dạy, hãy xem đây, Khải Huyền 7:9 (bà đọc câu Kinh Thánh đã được thảo luận ở phần trên). Tôi mong được dự phần vào “đám đông người” sẽ sống mãi trên đất nầy.

David Reed: Nhưng Khải Huyền 7:15 đặt “đám đông người” nầy trước ngai Đức Chúa Trời trên trời kia mà, có phải thế không?

Bà Chứng nhân: À, ngai Đức Chúa Trời thì ở trên trời, nhưng đám đông người ở dưới đất. Toàn thể các loài thọ tạo đều đứng trước ngai Đức Chúa Trời.

David Reed: Tôi không nghĩ là câu ấy chép về vị trí của họ trước ngai nếu chỉ muốn nói theo nghĩa tổng quát như thế. Nhưng còn một chỗ khác nữa trong sách Khải thị đề cập “đám đông người” nầy. Xin bà lật Khải Huyền 19:1 trong quyển Kinh Thánh của bà, xem “đám đông người” ấy đang ở đâu?

Bà Chứng nhân: Chắc chắn rồi! Câu ấy chép: *“Sau đó, tôi nghe có tiếng lớn như tiếng của một đám đông người trên trời”*.

David Reed: “Một đám đông” người ở đâu?

Bà Chứng nhân: “Đám đông người” đang ở dưới đất!

David Reed: Có thật câu ấy chép như thế không? Hãy đọc lại xem.

Bà Chứng nhân: Câu ấy chép “trên trời”, nhưng “đám đông người” thì ờ dưới đất.

David Reed: Làm sao bà có thể nói đám đông người ở dưới đất, trong khi Kinh Thánh chép rõ ràng “một đám đông người ở trên trời”?

Bà Chứng nhân: Ông không hiểu đâu. Chúng tôi có người tại trụ sở ở Brooklyn, New York, giải nghĩa Kinh Thánh cho chúng tôi. Và họ có thể chứng minh rằng “đám đông người” nầy đang ở dưới đất; chỉ có điều là tôi không thể giải thích điều đó cho rành mạch được. Xin chờ một chút.

Nói xong, bà ta chạy vội ra đường phố và gọi ta một bà chứng nhân khác đang ở cách xa đó mấy nhà, bảo bà kia hãy đến để giúp mình. Bà nầy nhận ra tôi là một cựu Chứng nhân, thế là cuộc đối thoại được kết thúc. Nhưng vấn đề đã được minh họa: một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va có thể nhìn vào chữ “trên trời” trong Kinh Thánh nhưng lại thấy đó là chữ “dưới đất”, nếu tổ chức Tháp Canh bảo như thế.

Lúc hai bà nọ rời khỏi các bậc cửa nhà tôi để đi ra, tôi bỗng nhớ lại quyển tiểu thuyết “Một chín tám mươi tư” của George Orwell. Tôi nhớ lại bức chân dung đáng sợ của một nhà nước độc tài, trong đó mọi người đều biết rằng “anh Cả đang chờ bạn đấy!” và “Bất cứ điều gì Đảng bảo đúng là đúng” và “Hai cộng hai là năm thay vì là bốn, nếu Đảng bảo như thế”. Quả thật, Hội Tháp Canh đã áp đặt cùng một cách “tư tưởng nước đôi” như thế trên các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va.

**10. Hai hạng Cơ-đốc nhân**

Giăng 10:16

*“Ta còn nhiều chiên khác không thuộc chuồng nầy, ta phải dẫn chúng về, chúng sẽ nghe theo tiếng ta. Rồi chỉ có một đàn chiên, với một người chăn duy nhất”.*

Nếu ở đây, Chúa Jesus gọi các tín hữu người ngoại quốc trong tương lai là “chiên khác” như điều vốn được hiểu một cách phổ biến như thế, tức là Ngài muốn nói bóng gió với các môn đệ là người Do Thái của Ngài về thời kỳ mà bầy chiên của Ngài sẽ bao gồm cả một tổ chức rộng khắp thế giới, với các tín hữu thuộc mọi quốc tịch. Nhưng Hội Tháp Canh lại gán cho văn bản nầy một ý nghĩa khác. Họ đặt “chiên khác” ở đây tương phản với “bầy chiên nhỏ” được đề cập ở Lu-ca 12:32 là chỗ Chúa Jesus phán: “Hỡi bầy chiên nhỏ, đừng sợ chi, vì Cha các ngươi đã bằng lòng cho các ngươi nước thiên đàng”. Các Chứng nhân bảo “bầy chiên nhỏ” là 144.000 tín hữu được xức dầu thuộc linh, họp thành thân thể Chúa Cứu Thế và sẽ được lên thiên đàng, trong khi “nhiều chiên khác” bao gồm toàn thể các tín hữu khác - những người sẽ nhận được sự sống vĩnh hằng ngay trên đất nầy. Cơ hội được liệt vào “bầy chiên nhỏ” đã chấm dứt từ năm 1935 rồi, đó là theo cách kể chuyện cho họ; cho nên có hơn 99% các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va ngày nay tự xem là họ thuộc về hạng “chiên khác” đó.

Vấn đề nầy hầu như có vẻ bác học, ngoại trừ sự kiện số người tự xem họ là “chiên khác” cũng bởi đó mà tự loại mình, chẳng những chỉ ra khỏi thiên đàng, mà khỏi cả Giao Ước Mới do Chúa Jesus đứng trung gian, và khỏi toàn thể những lời hứa mà Kinh Thánh dành cho các thành viên (chi thể) của thân thể Chúa Cứu Thế Jesus.

Muốn đánh đổ giáo thuyết về các Cơ-đốc nhân bị chia thành hai hạng, một hạng được lên thiên đàng, còn một hạng khác phải ở lại dưới đất nầy, xin xem các phần thảo luận về Hải Huyền 7:4 (về bầy chiên nhỏ gồm 144.000 người) và Khải Huyền 7:9 (về đám đông vô số của “những chiên khác").

Ngoài một đại đa số các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, Hội Tháp Canh còn liệt toàn thể các tín hữu tiền-Cơ-đốc giáo vào hạng “các chiên khác”, để họ chỉ còn hi vọng vào mặt đất nầy mà thôi. Chẳng hạn như các Chứng nhân tin rằng Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp, các nhà tiên tri, và vv... đều không được lên thiên đàng. Cách trả lời hay nhất cho vấn đề nầy là đọc chương 7 thư Hê-bơ-rơ, đề cập nhiều người cả nam lẫn nữ trung tín thuộc thời kỳ tiền-Cơ-đốc giáo (gồm cả các vị tộc trưởng và các nhà tiên tri) và sau đó bảo rằng các vị ấy vốn là “kiều dân và lữ khách trên mặt đất...tha thiết mong mỏi một quê hương tốt đẹp hơn, là quê hương trên trời. Do đó... Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho họ một thành phố vĩnh cửu” (Hê-bơ-rơ 11:13,16). Đó là thành phố nào trên thiên đàng vậy? Hiển nhiên, đó là “thành phố của Đức Chúa Trời hằng sống, là Giê-ru-sa-lem trên trời” (Hê-bơ-rơ 12:12).

Giăng 3:3,7

*“Chúa Jesus đáp: Đây là sự thật: nếu không tái sinh, không ai thấy được nước Chúa... Con người phải tái sinh”* (Bản Diễn Ý, như bản NWT).

Tuy mấy câu nầy xuất hiện ngay trong chính quyển Kinh Thánh của họ, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va không tin rằng họ phải được tái sinh. “Điều đó không áp dụng cho tôi. Nó chỉ dành riêng cho số 144.000 người được xức dầu mà thôi. Tôi thuộc vào số “quần chúng đông đảo” sẽ được sống trên đất nầy dưới thời trị vì Nước (1000)” là câu trả lời tiêu biểu mà một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va sẽ đưa ra khi được hỏi chẳng hay họ đã được tái sinh chưa. Tổ chức Tháp Canh đã dạy họ hết sức rành mạch rằng: “Loại “chiên khác” chẳng cần chi đến sự tái sinh như thế, vì mục tiêu của họ là sự sống vĩnh hằng trong địa đàng được phục hồi ngay trên đất nầy, với tư cách thần dân của Nước Trời” (The Watchtower, 15,2,86, p 14).  
Bước đầu tiên cần làm là yêu cầu các Chứng nhân cùng đọc với bạn trong chính bản dịch của Hội Tháp Canh, xem Kinh Thánh thật sự nói gì về vấn đề tái sinh trong Giăng 3:3-15. Nhấn mạnh rằng Chúa Jesus không cho phép có ngoại lệ khi Ngài phán: “Nếu không tái sinh, không ai thấy được Nước Chúa” (c 3). Rồi hãy lật I Giăng 5:1, chỗ bản dịch NWT chép “Ai tin Đức Chúa Jesus là Đấng Christ thì sanh bởi Đức Chúa Trời...” (Bản Việt ngữ, TKH Saigon, như bản NWT). Hãy hỏi các Chứng nhân xem mấy chữ “ai tin” có loại một người nào ra ngoài không. Tiếp theo đó, hãy bảo các Chứng nhân lật Ga-la-ti 4:5,6, chỗ Kinh Thánh giải thích rằng Chúa Cứu Thế sở dĩ đến thế gian là “để giải phóng những người làm nô lệ của luật pháp và cho họ quyền làm con Đức Chúa Trời. Vì chúng ta là con Đức Chúa Trời nên Ngài đã sai Thánh Linh của Chúa Jesus ngự vào lòng chúng ta, giúp chúng ta gọi Đức Chúa Trời bằng Cha” (theo bản NWT). Hỏi họ xem chẳng hay người ấy có được Đức Chúa Trời nhận làm con bằng việc bản thân người ấy nhận được Thánh Linh của Con Đức Chúa Trời, là Chúa Cứu Thế Jesus vào lòng, như đã được mô tả ở đây hay không. Theo giáo thuyết của Hội Tháp Canh, người ấy sẽ trả lời “không”.

Cuối cùng, hãy lật sang Rô-ma chương 8. Trước hết, hãy chỉ cho các Chứng nhân mấy câu 14-16, chứng minh cho người ấy rằng chương sách nầy đang bàn về cùng một chủ đề: tiếp nhận “Thánh Linh của Đức Chúa Trời” để được nhận làm con Ngài, để “gọi Đức Chúa Trời bằng Cha” - mà các Chứng nhân bảo là không được áp dụng cho người ấy. Sau đó, hãy trở lại với phần đầu của Rô-ma 8 và cùng đọc với người ấy các câu 1-7, giải thích cho người ấy về nét tương phản giữa bước đi (sống) theo xác thịt với bước đi “trong Thánh Linh”. Bây giờ thì bạn đã sẵn sàng để đi thẳng vào điểm tối quan trọng của hai câu 8 và 9. Người sống theo xác thịt không thể nào làm Đức Chúa Trời vui lòng. Tuy nhiên, anh em không sống theo xác thịt, nhưng sống theo Thánh Linh vì Thánh Linh của Đức Chúa Trời đang ngự trong lòng anh em. Người không có Thánh Linh của Chúa Cứu Thế dĩ nhiên không thuộc về Chúa Cứu Thế” (bản NWT).

Hãy nhắc lại cho các Chứng nhân là chính người ấy đã nhận rằng mình chưa tiếp nhận Thánh Linh của Chúa Cứu Thế để Ngài ngự trong lòng mình nhờ mình đã được tái sinh để được Đức Chúa Trời nhận làm con. Do đó, dưới sự soi sáng của hai câu 8 và 9, làm sao người ấy có thể kết luận gì khác hơn là mình không thể nào làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và không thuộc về Chúa Cứu Thế?

Đến đây, có lẽ bạn sẽ cần phải cùng đọc lại Lam 8 với người ấy. Vì khúc sách nầy là một trong những khúc sách rất ít khi được đá động đến trong các lớp học Kinh Thánh của Hội Tháp Canh, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va trung bình sẽ không hiểu rõ ý nghĩa của nó. Nhưng khi cuối cùng một Chứng nhân đã lãnh hội được ý nghĩa của nó, nó có thể tạo ra một tác dụng tai hại. Vì cuối cùng, chính tôi đã gặp được mấy câu nầy sau 13 năm ở trong Hội Tháp Canh, tôi biết ngay từ đầu, là hầu như chúng đã khiến tôi lảo đảo, không còn đứng trên chân mình nổi nữa. Chỉ trong một thời gian ngắn, tôi đã phải thú nhận nhu cầu về Cứu Chúa của mình và cầu nguyện xin được tiếp nhận Thánh Linh của Chúa Cứu Thế vào lòng tôi. Và tạ ơn Đức Chúa Trời, Ngài đã nhậm lời cầu nguyện của tôi!

Nhưng xin đừng thất vọng nếu các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đang trò chuyện với bạn đáp lại bằng một luận cứ thay vì bằng một lời cầu nguyện. Trong trường hợp của mình, tôi đã đọc Rô-ma 8 sau nhiều tuần lễ miệt mài đọc Kinh Thánh và hết lòng tra xét tìm cầu, nếu chương sách ấy đã hướng dẫn cho tôi để tôi giã từ tổ chức Tháp Canh. Thường thường thì cần phải trải qua một thời gian dài - có lẽ thậm chí là nhiều tháng, nhiều năm - để có đủ số thông tin cần thiết cho một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va trầm mình vào đó và tạo ra sự đổi thay. Hãy trồng thật thận trọng và tưới thật kiên trì - thì Đức Chúa Trời sẽ khiến nó mọc lên (I Cô-rinh-tô 3:6).

Khải Huyền 7:4

*“Tôi nghe số người được đóng ấn thuộc các đại tộc dân Y-sơ-ra-ên là một trăm bốn mươi bốn ngàn người”*

Hội Tháp Canh dạy rằng Hội Thánh Cơ-đốc hay thân thể Chúa Cứu Thế bị hạn chế trong con số 144.000 cá nhân theo nghĩa đen. Con số nầy bao gồm 144.000 người bắt đầu từ ngày lễ Ngũ Tuần hồi thế kỷ thứ nhất và tiếp tục cho đến năm 1935 - là lúc con số ấy đã đầy đủ và cánh cửa bị đóng lại. Các tín hữu mới từ 1935 trở đi không còn thuộc về hội chúng 144.000 người ấy nữa, mà họp thành một giai cấp thứ hai được gọi là “đám quần chúng đông vô số” hay “những chiên khác” (Xin xem phần thảo luận về Khải Huyền 7:9 để có thêm thông tin về đám quần chúng đông vô số” và niên đại 1935). Từ 1935 trở về sau, phần lớn những người trong số 144.000 người còn lại kia đều đã qua đời, chỉ để lại khoảng 9.000 người còn sống trên đất hiện nay - tất cả họ đều là các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va. Trong số hàng triệu các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, chỉ có số còn lại của 144.000 người kia là có hi vọng lên thiên đàng, và chỉ có họ mới được dự phần Tiệc Thánh có bánh và chén.

Về con số rất nhiều biểu tượng được tả vẽ bằng ngôn từ trong sách Khải thị, đã có một số những cuộc thảo luận ngay giữa các Cơ-đốc nhân chân chính về con số 144.000 người nầy đúng ra có thể là những ai. Nhưng khi trình bày cho các Chứng nhân, chúng ta có thể nói thẳng với họ rằng cách lý giải của Hội Tháp Canh rõ ràng là sai.

Khải Huyền 7:4 bảo rằng số 144.000 người nầy thuộc “các đại tộc (con cái) dân Y-sơ-ra-ên” nhưng Hội Tháp Canh lại dạy rằng họ là hội chúng các Cơ-đốc nhân đã được hình dung ra ở đây bằng biểu tượng là dân Y-sơ-ra-ên thuộc linh”. Do đó, số 144.000 người được lấy ra từ tất cả các dân các nước. Chúng ta chỉ cần đọc vài câu tiếp theo đó để không tin cách lý giải của họ: “Đại tộc Giu-đa 12.000 người, đại tộc Ru-bên 12.000 người, đại tộc Gát 12.000 người, đại tộc A-se 12.000 người, đại tộc Nép-ta-li 12.000 người, đại tộc Ma-na-se 12.000 người; đại tộc Si-mê-ôn 12.000 người, đại tộc Lê-vi 12.000 người, đại tộc Y-sa-ca 12.000 người, đại tộc Sa-bu-lôn 12.000 người, đại tộc Giô-sép 12.000 người; đại tộc Bên-gia-min 12.000 người” (Khải Huyền 7:5-8, NWT). Có cách nảo để có thể kiểm tra dân số của dân Y-sơ-ra-ên rõ ràng hơn cách liệt kê mười hai đại tộc họp thành dân tộc ấy không?

Các Chứng nhân có thể trả lời bằng cách nhấn mạnh rằng con số 12.000 chỉ từng chi phái như thế là hoàn toàn có ý nghĩa biểu tượng. Nhưng nếu quả đúng như vậy thì mười hai con số biểu tượng (12.000 x 12) phải thành một tổng số có ý nghĩa biểu tượng. Thế nhưng các Chứng nhân lại tin rằng 144.000 phải là một con số theo nghĩa đen. Thế là một lần nữa, cách lý giải của họ đã đưa đến một mâu thuẫn.

Khải Huyền 7:9

*“Sau đó, tôi thấy một đám người rất đông, không ai đếm xuể, từ mọi quốc gia, dòng giống, dân tộc và ngôn ngữ, đứng trước ngai và trước Chiên Con, mặc áo dài trắng, tay cầm cành chà là”* (NWT).

Hội Tháp Canh dạy rằng hồi năm 1935, Thượng Đế đã ngưng kêu gọi người ta về niềm hi vọng có thể được lên thiên đàng để đoàn tụ với Chúa Cứu Thế. Họ bảo rằng trong năm ấy, Ngài bắt đầu tập họp một giai cấp các tín hữu thứ hai ngoài thân thể Chúa Cứu Thế, mà hi vọng của họ là được sống mãi mãi trên đất nầy trong xác thịt. Họ tuyên bố rằng hạng người nầy là “đám người rất đông” của Khải Huyền 7:9-17.

Đây là một giáo thuyết có ý nghĩa nhất trong số các giáo thuyết mà Hội Tháp Canh đã truyền dạy. Nó là nền móng để thuyết phục hàng triệu Chứng nhân của Đức Giê-hô-va rằng:

1/ Họ không thể trở thành thành viên (chi thể) của thân thể Chúa Cứu Thế (I Cô-rinh-tô 12:27), 2/ Họ không thể được tái sinh (Giăng 3:3), 3/ Họ không thể dự phần Nước thiên đàng của Chúa Jesus (II Ti-mô-thê 4:8), 4/ Họ không thể tiếp nhận phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh (I Cô-rinh-tô 12:13), 5/ Họ không đủ điều kiện để dự Tiệc Thánh bằng bánh và chén (I Cô-rinh-tô 10:16,17), 6/ Họ không nằm trong Giao Ước Mới do Chúa Jesus đứng trung gian (Hê-bơ-rơ 12:24), 7/ Họ không thể được kể là người công chính trọn vẹn nhờ có đức tin vào Chúa Cứu Thế Jesus (Rô-ma 3:26).

Như thế Hội Tháp Canh dùng “giáo thuyết về 1935” để tước đoạt quyền được giao hảo (thông công) của những người theo họ với Đức Chúa Trời, đã được Tân Ước phác họa là dành cho toàn thể các tín hữu.

Chỗ nào trong Kinh Thánh dạy rằng việc hội chúng Cơ-đốc nhân vào thiên đàng sẽ kết thúc vào năm 1935, rồi một “đám người rất đông” thứ hai được tập họp sau đó? Chẳng có chỗ nào cả! Các lãnh tụ Hội Tháp Canh tuyên bố rằng “tia chớp lóe lên” mà vị Chủ tịch J.F.Rutherford của Hội Tháp Canh đã nhận được đó, là một “mặc khải đặc biệt của chân lý Thiên Chúa” - để thực hiện việc thay đổi hồi năm 1935 nầy, họ không thể đưa ra một hậu thuẫn từ Kinh điển nào cả cho niên đại 1935. Thay vì quay lại với Kinh Thánh, họ nói:

“Những tia chớp tiên tri lóe lên đó dọn đường cho bài thuyết giảng lịch sử về 'Đám người rất đông' được vị Chủ tịch của Hội Tháp Canh, J.F.Rutherford đưa ra trước kỳ đại hội của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va ngày 31.5.1935 tại Washington DC, đây quả thật là một mặc khải của chân lý Thiên Chúa (The Watchtower 1.3.85, p 14, (?) 12).

”...Niềm hi vọng được lên thiên đàng đã bị đình chỉ, đã đạt tuyệt đỉnh và nhấn mạnh đến khoảng năm 1935. Rồi khi 'tia chớp lóe lên' để mặc khải rõ ràng lý lịch của 'đám người rất đông' củaKhải Huyền 7:9, điểm nhấn mạnh bắt đầu được đặt vào niềm hi vọng ngay trên đất nầy” (The Watchtower 1.2.82, p 28, (?) 16).

Đã chẳng hề có cơ sở Kinh Thánh nào cho lời truyền dạy nầy cả. Kinh Thánh thảo luận thật chi tiết về Giao Ước Cũ cho dân Do Thái và về Giao Ước Mới cho các Cơ-đốc nhân. Nhưng nó chẳng đá động gì đến một sự thu xếp thứ ba nào cả nhằm tập họp một “đám người rất đông” với niềm hi vọng ngay trên đất nầy sau năm 1935.

Hơn nữa, mấy câu mà các Chứng nhân viện dẫn trong Khải Huyền thật ra đã định vị trí cho “đám người rất đông” ấy là *“trước ngai Chiên Con”* (7:9 NWT), trước *“ngai Đức Chúa Trời”* (7:15) và “trong đền thờ” (7:15 NWT), tất cả đều là các nơi ở trên trời, chứ không phải là ở dưới đất như Hội Tháp Canh dạy.

Thật vậy, câu đề *cập “vô số người... lớn tiếng tung hô: Ân cứu rỗi chúng ta là do Đức Chúa Trời...”* (7:9-10) rất giống với lời lẽ của một lần đề cập duy nhất khác về một đám người rất đông trong bản dịch NWT của Hội Tháp Canh về sách Khải thị 19, chỗ lời mời gọi “Tất cả các tôi tớ của Đức Chúa Trời - là những người kính sợ Ngài, dù lớn hay nhỏ - hãy ca ngợi Ngài” đã được “tiếng của vô số người” đáp lại (19:5,6). Thế nhưng, Kinh Thánh đã viết rõ đó là *“tiếng lớn như tiếng của vô số người trên trời”* (c 1).

Một khi cách lý giải của Hội Tháp Canh đã được chứng minh là sai, thiết tưởng chẳng cần (hoặc khuyên) ai tham gia tranh luận với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va về lý lịch thật sự của “đám người rất đông” ấy. Trái lại, sự kiện Hội Tháp Canh đã dạy họ sai về điểm quan trọng nầy cần phải được dùng để mở tai họ ra với phần trình bày về Phúc Âm thật của Chúa Cứu Thế.

Việc nầy có thể bắt đầu bằng cách đọc bài cầu nguyện của Chúa Jesus với Đức Chúa Cha trong Giăng 17:20-24 *“Không những Con cầu xin cho họ, Con còn cầu xin cho những người sẽ tin Con nhờ lời chứng của họ... Thưa Cha, Con muốn Con ở đâu, những người Cha giao cho Con cũng ở đó để họ chiêm ngưỡng vinh quang Cha đã cho Con...”* (NWT). Chúa Jesus cầu xin cho toàn thể các môn đệ của Ngài trong hiện tại cũng như trong tương lai, cuối cùng đều được ở với Ngài bất cứ Ngài ở đâu, để chiêm ngưỡng vinh quang Ngài. Hãy chỉ cho các Chứng nhân thấy rằng bài cầu nguyện nầy áp dụng cho toàn thể các môn đệ Chúa trong tương lai, là những người đặt đức tin vào Chúa Cứu Thế qua các văn phẩm được các môn đệ nguyên thủy để lại (c 20). Hãy bảo với họ rằng nếu họ đặt đức tin nơi Ngài, Chúa Jesus muốn rằng, cuối cùng, họ sẽ được ở với Ngài trên nước thiên đàng, bất chấp họ đã trở thành tín hữu trước hay sau năm 1935.

**11. Đức Thánh Linh không phải là Đức Chúa Trời**

Sáng Thế Ký 1:1,2

“Ban đầu Thiên Chúa sáng tạo (các từng) trời và đất. Bấy giờ, rõ ràng là đất vốn vô hình và trống không và có bóng tối trên mặt vực nước sâu, và năng động lực của Thiên Chúa di chuyển tới lui trên mặt các vực nước” (dịch ra tiếng Việt theo bản NWT Anh ngữ của Hội Tháp Canh).

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va dùng câu nầy để công kích niềm tin của Cơ-đốc giáo vào thân vị của Đức Thánh Linh. Phần lớn các bản dịch câu 2 đều vạch rõ rằng “Thần (Linh) của Đức Chúa Trời vận hành trên mặt (các vực) nước”. Nhưng tổ chức Tháp Canh lại dạy những người theo họ rằng Đức Thánh Linh chỉ là một lực lượng phi ngã đặt dưới quyền sai khiến của Đức Chúa Trời. Để chứng minh luận điểm nầy cho người nào chịu nghe họ, các Chứng nhân trích dẫn câu trên theo cách dịch của họ trong bản dịch NWT. Đây là một tình hình trong đó cá nhân người theo các Chứng Nhân của Đức Giê-hô-va không cần phải xuyên tạc Kinh Thánh cho phù hợp với các giáo thuyết mà họ đã được dạy cho - câu ấy đã bị xuyên tạc sẵn trước rồi ngay trong bộ Kinh Thánh riêng của họ. (xin xem lại chương ba). Trong nhiều văn bản khác, bản dịch NWT viết về “thánh linh” (holy spirit) không phải bằng chữ hoa, và không có định quán từ “the” (theo ngữ pháp Anh văn).

Để trả lời cho việc rêu rao của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va rằng Đức Thánh Linh chỉ là một lực lượng phi ngã suông mà thôi, cần nhấn mạnh với họ rằng Kinh Thánh luôn luôn đề cập Đức Thánh Linh vốn có các thuộc tính của một thân vị. Thí dụ ngay trong chính bản dịch NWT của họ, Đức Thánh Linh cũng phán dạy (Công Vụ 13:2), làm chứng (Giăng 15:26), truyền lại những gì Ngài đã nghe (Giăng 16:13), cảm thấy bị thương tổn (Ê-sai 63:10) và vv...

Giăng 16:13

*“Khi Thần Chân lý đến, Ngài sẽ dạy cho các con biết chân lý toàn diện. Ngài không nói theo ý mình, nhưng truyền lại những điều Ngài đã nghe và báo cho các con biết những việc tương lai”.*

Cả loạt những câu trong Giăng 16:7-15 là một khúc sách tuyệt vời để tìm đến khi cần thảo luận về Đức Thánh Linh với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va. Họ phủ nhận cả thần tánh lẫn thân vị (personality: ngôi vị) của Đức Thánh Linh, và thay vào đó, bảo rằng “nó” (he) chỉ đơn giản là một “năng động lực” phi ngã (an impersonal active force) mà thôi. Nhưng ở đây, rõ ràng là Chúa Jesus đã đề cập Đức Thánh Linh là “Ngài” (một nhân xưng đại danh từ) và mô tả Đức Thánh Linh nói, dạy, nghe, bảo, và vv... là những hoạt động của một người (a person) rõ ràng là có thân vị (ngôi vị).

Công Vụ Các Sứ Đồ 2:4

*“Tất cả đều đầy dẫy Đức Thánh Linh...”* (Bản Diễn ý, giống bản NWT).

Quyển sách nhan đề “You can live forever in Paradise on Earth” (Bạn có thể sống vĩnh cửu trong địa đàng trên đất) của Hội Tháp Canh năm 1982 viết: “Tất cả đều được đổ đầy Thánh Linh” (Công Vụ 2:4). Phải chăng họ được đổ đầy bằng một con người (a person), không phải, nhưng họ được đổ đầy bằng lực lượng năng động của Thiên Chúa. Như thế, các sự kiện làm sáng tỏ rằng Đức Chúa Trời Ba ngôi không phải là một lời truyền dạy của Kinh Thánh... Làm thế nào Thánh Linh lại là một người cho được, khi nó làm đầy khoảng 120 môn đệ cùng một lúc? (tt 40-41). Rồi, câu hỏi để nghiên cứu được nêu ra ở cuối trang 41 là: “Việc đổ Thánh Linh xuống trên những người theo Chúa Jesus chứng minh rằng nó không phải là một người như thế nào?”

Các luận cứ của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đó, đã chẳng chứng minh được gì thuộc loại ấy cả. Nếu việc đổ Đức Thánh Linh xuống (2:33, 10:45 và vv...) là chứng cứ hiển nhiên chống lại nhân cách (personality) chắc sứ đồ Phao-lô cũng không phải là một người nữa, vì chính Phao-lô đã tự viết về mình rằng: “...*tôi bị đổ ra*...” (Phi-líp 2:17 bản Nhuận Chánh,bản NWT) và ”...*ta đã bị đổ ra*...” (II Ti-mô-thê 4:6, bản NWT). Vì rõ ràng Phao-lô vốn là một con người thật sự, đã được Kinh Thánh bảo là “bị đổ ra”, thế thì việc dùng cùng một nhóm từ như thế liên hệ với Đức Thánh Linh rất khó có thể được dùng làm bằng chứng để chống lại nhân cách của Đức Thánh Linh.

Cũng vậy, lời tiên tri Cựu Ước từng đề cập Chúa Cứu Thế Jesus “*bị đổ ra như nước*” (Thi Thiên 22:14, bản NWT). Do đó, áp dụng luận cứ của Hội Tháp Canh cũng sẽ biến Ngài thành một năng động lực phi ngã nữa. Cho nên, cách lý luận ấy rõ ràng là sai lầm.

Nhưng về vấn đề các môn đệ Chúa được “(đổ) đầy dẫy” Đức Thánh Linh, thì thế nào? Thay vì hậu thuẫn cho những gì các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin, câu nầy thật ra lại chứng minh điều ngược lại, tức là: Đức Thánh Linh chính là Chúa và là Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng “đầy dẫy khắp vạn vật” (Ê-phê-sô 1:23). Ngay cả bản dịch NWT của chính họ, cũng đề cập Ngài là “Đấng (Him) đổ đầy mọi sự cho tất cả” trong Ê-phê-sô 1:23. Hãy hỏi họ xem chữ “Đấng” đổ đầy cho toàn thể các môn đệ Chúa đó là ai, nếu không phải là Đức Chúa Trời có thân vị?

Cuối cùng hãy yêu cầu các Chứng nhân đọc II Cô-rinh-tô 3:17. Phần lớn các bản dịch câu nầy đều viết là: “Chúa là Thánh Linh”, Kinh Thánh của Hội Tháp Canh dịch là: “Đức Giê-hô-va là Thánh Linh”. Rõ ràng Kinh Thánh dạy rằng Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời có thân vị - là chính Đức Chúa Trời chứ không thể là ai khác.

Công Vụ Các Sứ Đồ 5:3,4

*“Nhưng Phi-e-rơ hỏi: Hỡi A-na-nia, sao anh để Sa-tan xâm chiếm tâm hồn, xui anh dối Đức Thánh Linh, giữ lại một phần tiền bán đất?... Đây không phải anh dối loài người, nhưng dối Đức Chúa Trời”.*

Hãy mời các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đọc khúc sách nầy, rồi hỏi người ấy xem A-na-nia đã nói dối với ai. Thánh Phi-e-rơ đã nói đến hai lần: Ông ta nói dối với Đức Thánh Linh, ông ta nói dối với Đức Chúa Trời. Điều nầy cho thấy Đức Thánh Linh là một thân vị (một người - làm thế nào lại có ai nói dối với một “lực lượng” cho được?) mà thân vị ấy là Đức Chúa Trời.

Rô-ma 8:26,27

*“Cũng một lẽ ấy, Đức Thánh Linh giúp cho sự yếu đuối chúng ta. Vì chúng ta chẳng biết sự mình phải xin đặng cầu nguyện cho xứng đáng; Nhưng chính Đức Thánh Linh lấy sự thở than không thể nói ra được mà cầu khẩn thay cho chúng ta. Đấng dò xét lòng người hiểu biết ý tưởng của Thánh Linh thể nào, vì ấy là theo ý Đức Chúa Trời mà Ngài cầu thế cho các thánh đồ vậy.”*

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va ít khi gặp khúc sách nầy trong các “lớp học Kinh Thánh” do Hội Tháp Canh tổ chức, vì các lãnh tụ của họ thích bỏ qua hoặc làm ngơ đối với nó. Chỉ vì nó không phù hợp với quan niệm của họ về Đức Thánh Linh với tư cách là “nó” - một “năng động lực” phi ngã.

Hãy mời một Chứng nhân cùng đọc mấy câu nầy với bạn, hãy hỏi người ấy vài câu có phần gắt gao như: Một “động lực” có thể nào cầu thay cho chúng ta không? Một “đông lực” có tâm trí không? Chính bản dịch NWT của họ cũng chép rằng “Đức Chúa Trời cầu thay cho chúng ta” (c 26). Một động lực phi ngã thì có thể nào cầu thay, biện hộ, bênh vực cho ai không?

I Cô-rinh-tô 6:19

*“Anh em há chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong anh em là Đấng mà anh em đã nhận từ Đức Chúa Trời...sao?”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Đây là một chuỗi lý luận để dùng với một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, nhằm trình bày về thần tánh của Đức Thánh Linh. Ngoài đền thờ của Đức Chúa Trời Chân chính tại Giê-ru-sa-lem đời xưa, Kinh Thánh còn đề cập nhiều đền miếu khác nữa - như đền thờ Đa-gôn (I Sa-mu-ên 5:2), đền thờ thần Zeus (Công Vụ 14:13), đền thờ nữ thần Đi-anh (Artemis –Công Vụ 19:35) và vv... Mỗi ngôi đền thờ như thế đều là đền thờ của một vị thần nào đó, dù là Đức Chúa Trời là Chân Thần hay một tà thần. Nhưng Kinh Thánh còn vạch rõ rằng thân thể của từng cá nhân Cơ-đốc nhân đã trở thành một đền thờ. Đền thờ của ai? Một “đền thờ của Đức Thánh Linh”.

Vì không công nhận Đức Thánh Linh là một thân vị tức là chính Đức Chúa Trời, nên những người theo Hội Tháp Canh cảm thấy rất khó lãnh hội lời truyền dạy của Kinh Thánh rằng Đức Chúa Trời đích thân hiện diện bên trong mỗi cá nhân tín hữu. Thế nhưng chính bộ Kingdom Interlinear Translation của họ lại dịch 6:19 theo từng từ ngữ Hi văn như sau: “thân thể của anh em chỗ ở của Thiên Chúa trong Thánh Linh anh em là...” Rõ ràng câu nầy chỉ ra rằng Đức Thánh Linh là Thiên Chúa và Ngài cư trú trong các Cơ-đốc nhân. Lời hứa về mối liên hệ mật thiết ấy với Đức Chúa Trời đã được Chúa Jesus ban cho khi Ngài phán: “Ta sẽ cầu xin Cha ban cho các con Đấng An ủi khác để sống với các con mãi mãi, đó là Đức Thánh Linh, Thần Chân lý... Các con biết Ngài vì Ngài vẫn sống với các con và sẽ ở trong các con” (Giăng 14:16,17). Hãy cầu nguyện để các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va có thể nhận biết Đức Chúa Trời thật mật thiết như thế.

Ma-thi-ơ 3:11

*“Đấng ấy sẽ làm phép báp-tem cho các ngươi bằng Đức Thánh Linh”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Theo quyển sách nhan đề “You can live forewer in Paradise on Earth” p 60, 1982 của Hội Tháp Canh, thì “Giăng Báp-tít bảo rằng Chúa Jesus sẽ làm phép báp-tem bằng Thánh Linh, dù chính ông đang làm phép báp-tem bằng nước. Do đó mà như nước không phải là một người (a person: một thân vị, nhân vị, ngôi vị) thể nào, thì Thánh Linh cũng không phải là một người (person: thân, nhân, ngôi vị) giống như thế (Ma-thi-ơ 3:11).

Cách lý luận của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va nhằm chống lại nhân cách của Đức Thánh Linh nầy có đúng hay không? Chẳng đúng chút nào cả! Vì cùng một luận cứ về phép báp-tem nầy cũng có thể dùng để chống lại nhân cách của Chúa Cứu Thế Jesus, Đấng rõ ràng là đã bước đi trên đất nầy y như một con người vậy. Thí dụ Rô-ma 6:3 chép “Anh em không biết khi chúng ta chịu báp-tem trong Chúa Cứu Thế Jesus, là chịu chết với Ngài sao?”. Cách lý luận giống như trên sẽ là nói thế nầy: “Do đó, cũng giống như thế, sự chết không phải là một con người, cho nên Chúa Cứu Thế Jesus cũng không phải là một con người”. Nhưng Ga-la-ti 3:27 lại chép “Vì tất cả những người đã chịu báp-tem liên hiệp với Chúa Jesus đều được Ngài bảo bọc (bản Việt ngữ, TKH chép đều mặc lấy Đấng Christ)”. Cách lý luận ở đây cũng sẽ là: “Vì mọi người có thể chịu phép báp-tem trong Chúa Cứu Thế và được mặc lấy Ngài, nên họ không thể là những con người được”. Phải chăng những cách đối chiếu như thế phủ nhận nhân cách của Chúa Cứu Thế Jesus? Không phải! Thế thì, cả “lý luận về phép báp-tem” cũng không hề phủ nhận nhân cách của Đức Thánh Linh.

Giăng 16:13 *“Khi Thần Chân lý đến, Ngài sẽ dạy cho các con biết chân lý toàn diện. Ngài không nói theo ý mình, nhưng truyền lại những điều Ngài đã nghe và báo cho các con biết những việc tương lai”*. Cả loạt những câu trong 16:7-15 là một khúc sách tuyệt vời để tìm đến khi cần thảo luận về Đức Thánh Linh với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va. Họ phủ nhận cả thần tánh lẫn thân vị (personality: ngôi vị) của Đức Thánh Linh, và thay vào đó, bảo rằng “nó” chỉ đơn giản là một “năng động lực” phi ngã (an impersonal active force) mà thôi. Nhưng ở đây, rõ ràng là Chúa Jesus đã đề cập Đức Thánh Linh là “Ngài” (một nhân xưng đại danh từ) và mô tả Đức Thánh Linh nói, dạy, nghe, bảo, và vv... là những hoạt động của một người (a person) rõ ràng là có thân vị (ngôi vị).

**12. Cuộc sống không còn tồn tại sau cái chết**

Thi Thiên 146:3,4

*“Chớ nhờ cậy nơi các vua chúa, cũng đừng nhờ cậy nơi con loài người, là nơi không có sự tiếp trợ. Hơi thở tắt đi, loài người bèn trở về bụi đất mình, trong chánh ngày đó, các mưu mô nó liền mất đi”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Trong bản King James, câu 4 chấm dứt bằng *“trong chính ngày đó, các tư tưởng của nó liền mất đi”* mà bản dịch NWT của Hội Tháp Canh cũng dịch tương tự như thế: *“Trong ngày đó, các tư tưởng của nó cũng tiêu mất”*. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đọc trong cả hai bản dịch đều căn cứ vào đó để lý luận rằng, sau khi người ta chết đi, sẽ không còn có đời sống có ý thức nữa, họ nhấn mạnh rằng các “tư tưởng” của con người đều tiêu tan mất cả.

Tuy nhiên, phải chăng đó chính là bức thông điệp mà tác giả Thi 146 muốn truyền thông? Phải chăng mấy câu ấy sở dĩ được viết ra là nhằm giáo huấn cho các độc giả về tình trạng của người đã chết? Hay các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã rút từ đó ra một ý niệm vượt xa điều mà tác giả (và cả tác giả là Đức Chúa Trời nữa) chẳng bao giờ nghĩ đến?

Bài học của Thi Thiên 146:1-10, ấy là chúng ta phải đặt lòng tin cậy vào Đức Chúa Trời, chứ không phải là vào các lãnh tụ là loài người. Hãy chỉ cho các Chứng nhân cùng đọc những câu khác với bạn để xác lập văn mạch đích thực. Phải ca ngợi tán tụng Đức Chúa Trời (c 1-2). Trái với loài người, Đức Chúa Trời là Đấng Trợ Giúp cho chúng ta có hi vọng (c 5), Ngài là Đấng Tạo Hóa trời và đất (c 6) đem lẽ công bình đến cho kẻ bị áp bức (c 7), chữa lành cho những người bệnh tật (c 8) chăm sóc cho người thấp hèn (c 9) và là Nhà Vua đời đời (c 10). Mặt khác, loài người không đem được sự cứu rỗi thật sự đến (c 3) vì bản thân họ vốn phải chết, và mọi ý định của họ phải cùng chết với họ (c 4).

Cái chết của Tổng thống John F.Kennedy là một sự thật có thể dùng làm bài học minh họa choThi Thiên 146: 1-10. Ông vốn là một “vua” được nhiều người tin cậy sẽ giúp họ cải thiện số phận cuộc đời mình. Thế nhưng, ông ta đã chết, “mọi tư tưởng của ông ta đều tiêu tan” - và cùng với ông ta, mọi kế hoạch, mọi mưu đồ của ông ta chẳng bao lâu đều bị sụp đổ cả. Những ai từng đặt hết lòng tin cậy vào ông ta đều bị thất vọng. Đáng lẽ họ phải đặt lòng tin cậy trước hết là vào Đức Chúa Trời, Đấng ban cho người ta hi vọng, lẽ công bằng, phép lạ chữa bệnh và sự cứu rỗi đích thực - và Ngài vẫn là Vua mãi mãi. Khi cả bài Thi Thiên 146:1-10 được đọc trong văn cảnh của nó, thì rõ ràng câu 4 không hề phủ nhận đời sống có ý thức sau khi người ta đã chết. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã sử dụng sai lầm câu ấy, khi tách rời nó khỏi văn mạch của nó.

Truyền Đạo 9:5

*“Kẻ sống biết mình sẽ chết, nhưng kẻ chết chẳng biết chi hết, chẳng được phần thưởng gì hết, vì sự kỷ niệm họ đã bị quên đi”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Câu nầy thường được các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va dùng để lý luận rằng chết là hết - là hoàn toàn không tồn tại. Nhằm hậu thuẫn dứt khoát hơn cho ý nầy, Hội Tháp Canh dịch nó như sau: “Người sống biết mình sẽ chết, nhưng về người chết, thì họ chẳng biết chi cả...” (Bản NWT). Vậy, nếu câu nầy bị tách rời thật đơn giản như thế khỏi văn mạch của nó, và được viện dẫn như có thẩm quyền, thì có vẻ như nó chứng minh rằng các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va nói đúng. Nhưng tách rời một câu như thế khỏi văn cảnh, có thể sẽ vô cùng nguy hiểm.

Một thí dụ minh họa thật hoàn toàn, là trường hợp một nhà phẫu thuật ghép cơ quan, khi nói với các phóng viên về phương thức mổ ghép mà ông ta bênh vực, đã trích dẫn câu Kinh Thánh “Lấy da đền da, phàm vật chi một người có, tất sẽ trao thế cho mạng sống mình”. Khi đọc bài tường thuật nầy trên nhật báo, tôi rất bất bình về cách ông ta dùng câu ấy, và khi xem lại, tôi phát giác ra rằng điều tôi nghi ngờ đã được xác nhận - ông ta đã trích dẫn câu nói của ma quỉ! Trong văn cảnh của nó, câu nầy là*: “Sa-tan thưa lại cùng Đức Giê-hô-va rằng: Lấy da đền da, phàm vật chi một người có, tất sẽ trao thế cho mạng sống mình”* (Gióp 2:4).

Ngoài việc đưa ra quan điểm của Đức Chúa Trời về các vấn đề, Kinh Thánh cũng ghi lại những điều mà nhiều người khác nói hay làm; một số việc là tốt, nhưng một số lại không được tốt. Nó nêu lên quan điểm của loài người, thậm chí của ma quỉ nữa, như vừa thấy trên đây.

Nếu chúng ta nghiên cứu kỹ sách Nhã Ca mà đa số các quyển Kinh Thánh xếp ngay sau sách Truyền đạo, chúng ta sẽ khám phá ra rằng thật ra đó là câu chuyện diễn ra giữa ít nhất cũng là ba người góp tiếng, tuy văn bản không nhận diện họ thật rõ ràng. Ta có thể nói đại khái như thế về sách Truyền đạo chăng? Các học giả đều nhìn nhận rằng đây là một quyển sách rất khó hiểu. Nhưng rõ ràng là trước giả được linh cảm của sách Truyền đạo đang giới thiệu những quan điểm tương phản nhau: quan điểm phàm tục, duy vật chống lại quan điểm tin kính đạo đức, thuộc linh. Quyển sách đọc lên nghe như một cuộc tranh luận đang diễn ra trong tâm trí trước giả. Tuy thế, cuối cùng thì quan điểm tin kính đạo đức thắng hơn, với lời răn bảo trong Truyền 12 “Trong buổi còn thơ ấu hãy tưởng nhớ Đấng Tạo Hóa ngươi... Chúng ta hãy nghe lời kết của lý thuyết nầy: Khá kính sợ Đức Chúa Trời và giữ các điều răn Ngài, ấy là trọn phận sự của ngươi” (c 1,13).

Nhưng về các phần trước đó thì sao? Mười câu đầu của Truyền đạo chương 9 dường như phản ảnh phương diện thế tục của cuộc đấu tranh. Chẳng những trong câu 5, trước giả bảo rằng kẻ chết chẳng biết chi hết, mà ông còn nói “họ chẳng hề còn có phần nào về mọi điều làm ra dưới mặt trời” (c 6). (Hãy hỏi các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va xem họ có tin rằng kẻ chết sẽ mất đi vĩnh viễn không. Người ấy sẽ trả lời là “không”, vì tin vào một sự sống lại trong tương lai trên đất, dưới ánh sáng mặt trời). Câu 2 diễn tả tư tưởng: “Mọi sự xảy đến cho mọi người như nhau: người công bình hay là kẻ hung ác, người hiền lành thanh sạch hay là người không thanh sạch” một ý niệm mâu thuẫn với toàn thể phần còn lại trong Kinh điển. (Hỏi họ xem người ấy có tin rằng mình sẽ cùng chung số phận với tất cả mọi người, cho dù người ấy có công chính hoặc gian ác, hay không). Chắc chắn người ấy sẽ trả lời “không").

Chúng ta có thể kết luận rằng câu 5 vốn nằm giữa một đoạn diễn tả quan điểm vô đạo, phàm tục - chứ không phải là quan điểm của Đức Chúa Trời. Thế quan điểm của Đức Chúa Trời là gì? Hiển nhiên là Đức Chúa Trời biết rõ kẻ chết có còn ý thức hay không. Và Ngài đã đưa vào Thánh Kinh một số đoạn chỉ cho thấy câu trả lời của Ngài. Hãy cùng đọc những câu ấy với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, rồi hỏi người ấy xem mỗi câu nói lên điều gì về tình trạng của người đã chết:

*“Khi Chiên Con mở ấn thứ năm, tôi thấy dưới bàn thờ có những linh hồn của kẻ đã chịu giết vì đạo Đức Chúa Trời và vì lời chứng của họ đã làm. Chúng đều kêu lớn tiếng rằng: Lạy Chúa là Đấng Thánh và chân thật Chúa trì hoãn xét đoán và chẳng vì huyết chúng tôi báo thù những kẻ ở trên đất cho đến chừng nào? Có kẻ bèn cho họ mỗi người một cái áo trắng dài, và có lời phán rằng phải ở yên ít lâu nữa, cho đến khi được đủ số người cùng làm việc và anh em mình phải bị giết như mình vậy.”* (Khải Huyền 6:9-11, bản Việt ngữ, TKH Saigon, giống bản NWT).

*“Tôi bị ép giữa hai bề, muốn đi ở với Đấng Christ, là điều tốt hơn, nhưng tôi cứ ở trong xác thịt, ấy là sự cần hơn cho anh em.”* (Phi-líp 1:23,24, bản Việt ngữ, TKH Saigon).  
*“Vả người nghèo chết, thiên sứ đem để vào lòng Áp-ra-ham, người giàu cũng chết, người ta đem chôn. Người giàu ở nơi Âm phủ đang bị đau đớn, ngước mắt lên...*” (Lu-ca 16:22,23, bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Ê-xê-chi-ên 18:4

*“Nầy, mọi linh hồn đều thuộc về ta, linh hồn của cha cũng như linh hồn của con đều thuộc về ta, linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết”* (Bản dịch Việt ngữ, TKH Saigon).

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va nói: “Phải rồi, linh hồn nào cũng phải chết cả. Câu nầy chứng minh rằng không còn đời sống có ý thức sau khi chết”. Có đúng như thế chăng? Không bao giờ! Trước hết, xin hãy đọc kỹ văn cảnh. Trước giả đang nói về vấn đề gì đây? Dân Y-sơ-ra-ên đang lằm bằm cùng Đức Chúa Trời bằng cách trích dẫn một câu tục ngữ nói rằng: *“Cha ăn trái nho chua, mà con ghê răng”* (c 2) - họ đang than phiền rằng sự hình phạt đáng lẽ tổ phụ họ phải chịu, lại được đem đổ lên đầu con cháu họ. Câu 4 là lời đáp của Đức Giê-hô-va: Ai làm tội, thì chính kẻ ấy phải chết. Bản dịch Living Bible đã dịch rất đúng là “Vì công việc xét đoán mọi linh hồn là phần của ta - linh hồn của cha cũng như linh hồn của con - mà luật của ta là: Người ta phải chết là vì chính các tội lỗi mình”. Thế thì, văn mạch cho thấy ở đây Lời được linh cảm không hề đề cập tình trạng của kẻ chết.

Xuyên suốt bộ Kinh điển, từ ngữ “linh hồn” được dùng theo rất nhiều nghĩa. Có khi nó ám chỉ đời sống của một người, có khi nó ám chỉ chính con người ấy (như trường hợp Ê-xê-chi-ên 18:4 ở đây), và có khi nó ám chỉ phần nội tâm của con người vẫn còn sống sau khi đã chết rồi. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va phủ nhận cách dùng từ ngữ linh hồn theo nghĩa sau cùng nầy. Họ bảo rằng sau khi chết, con người ta hoàn toàn thôi hiện hữu, rằng khi thân thể đã chết rồi, thì chẳng có gì còn lại cả. Nhưng có rất nhiều câu Kinh điển chứng minh rằng họ đã lầm.

Thí dụ hãy yêu cầu họ mở Lu-ca 12:4,5, chính bản dịch NWT của họ chép: “Đừng sợ những người muốn giết các con, họ chỉ có thể giết thể xác mà không giết được linh hồn. Vậy các con phải sợ ai? Phải sợ Đức Chúa Trời, vì Ngài có quyền sinh sát và ném vào hỏa ngục”. Do đó, thể xác của một người có thể bị giết đi, người ấy chết, nhưng sau khi người ấy đã chết rồi, có một việc còn có thể xảy ra cho người ấy nữa. Người ấy có thể bị ném vào hỏa ngục. Vậy, nếu như các Chứng nhân nói, sau khi thân xác một người đã chết rồi thì người ấy không còn hiện hữu nữa, thế thì có gì còn lại để người ấy bị ném vào hỏa ngục?  
Cũng vậy, trong II Cô-rinh-tô 5:1-21, sứ đồ Phao-lô viết, thân thể như “nhà (trại) bằng đất tạm thời của chúng ta” rồi thêm rằng thà “về nhà trên trời với Chúa là tốt hơn” và cảnh cáo tất cả chúng ta đều phải ra trước tòa án Chúa Cứu Thế, để Ngài thưởng phạt, mỗi người theo những việc tốt lành hay vô giá trị ta làm lúc còn trong thân xác” (c 1,8-10). Nếu các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va nói đúng, thì phần nào của Phao-lô lìa bỏ thân xác ông để về với Chúa?

Bạn cũng có thể yêu cầu các Chứng nhân đọc Khải Huyền 6:9-11 ngay trong quyển Kinh Thánh của họ. Đoạn nầy chép về “linh hồn những người bị giết” hỏi Đức Chúa Trời đến bao giờ thì Chúa mới xét xử và báo ứng đối với những kẻ đã sát hại họ. Đoạn sách ấy viết thêm: “Họ được cấp mỗi người một áo dài trắng, Chúa bảo họ cứ an nghỉ ít lâu cho tới lúc đông đủ các anh em và bạn đồng sự chịu giết như họ”. Vâng, các linh hồn ấy đã bị giết rồi, nhưng họ được tả vẽ là đang ở trước hiện diện của Đức Chúa Trời và trò chuyện với Ngài.

Lu-ca 23:43

*“Đức Chúa Jesus đáp rằng: Quả thật, ta nói cùng ngươi, hôm nay ngươi sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-đi”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Xin đối chiếu câu trên đây với cách dịch câu ấy từ bản NWT của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va: “Đức Chúa Jesus đáp rằng: *Quả thật ta nói cùng ngươi hôm nay, ngươi sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-đi”.*

Bạn có chú ý đến chỗ khác nhau không? Đó là một thay đổi rất nhỏ, nhưng rất có ý nghĩa. Các dịch giả của Hội Tháp Canh chỉ dời dấu phẩy trước chữ “hôm nay” để đặt ra sau chữ ấy, thế thôi. Việc làm nầy chuyển trạng từ “hôm nay” từ nửa phần câu thứ hai sang nửa phần câu thứ nhất. Vậy, thay vì “hôm nay” chỉ rõ thì giờ lúc kẻ làm ác biết ăn năn được ở với Chúa “trong nơi Ba-ra-đi” văn bản bị thay đổi đi, khiến “hôm nay” có vẻ như chỉ đơn giản chỉ thời gian lúc Chúa Jesus đang nói câu ấy mà thôi.

Đây là một trường hợp khác nữa, trong đó các lãnh tụ của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã sửa Kinh Thánh lại, cho phù hợp với các giáo thuyết của họ. Họ dạy rằng người trộm cướp đã quay lại với Chúa Cứu Thế Jesus trên thập tự giá và nói: “Hỡi Jesus, khi Ngài đến trong nước mình rồi, xin nhớ lấy tôi!” (c 42) đã không được vào thiên đàng với Chúa Jesus ngay ngày hôm đó. Trái lại, họ bảo rằng người ấy bị hư vô hóa khi chết, chẳng còn tồn tại bất kỳ nơi nào nữa cả từ gần hai ngàn năm rồi, và cuối cùng, sẽ chỉ được cho ở với Chúa trong thiên đàng một thời gian trong thiên hi niên tương lai mà thôi. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã gặp rất nhiều khó khăn khi muốn dạy giáo thuyết ấy căn cứ vào mấy lời Chúa Jesus đã nói với người trộm cướp biết ăn năn lúc đang hấp hối kia. Do đó, khi họ dịch lại bộ Kinh Thánh cho riêng mình, họ đã thay đổi lời lẽ của Ngài, hay ít nhất thì cũng thay đổi cách chấm câu, làm thay đổi luôn ý nghĩa của các lời lẽ trong đó.

Nếu bạn chất vấn các Chứng nhân về điểm nầy, có thể họ sẽ bào chữa cho việc thay đổi ấy bằng cách đọc một cước chú cho câu 43 của bản NWT có đối chiếu in năm 1984, ghi rằng: “Tuy WH (bản Hi văn của Westcott và Hort) đặt dấu phẩy trước chữ “hôm nay” trong bản Hi văn, các dấu phẩy vốn không được sử dụng trong các cổ bạn Hi văn được viết toàn bằng loại chữ hoa (Gr uncial mss). Để phù hợp với văn mạch, chúng tôi bỏ dấu phẩy trước chữ “hôm nay”. Tuy nhiên, điều mà thật ra các dịch giả của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va muốn nói là “để phù hợp với giáo thuyết của họ”, họ đã dời dấu phẩy đi. Tuy nhiên, vì họ đề cập văn mạch, thiết tưởng cần khảo sát phần còn lại của sách Lu-ca và ba sách Phúc âm khác. Chúa Jesus đã dùng thành ngữ “Quả thật, ta nòi cùng các ngươi” hay “Quả thật ta bảo với các ngươi” trong nhiều cơ hội khác nhau (cùng một từ ngữ Hi văn đã được dịch ra là “nói” hay “bảo"). Ủy ban Phiên dịch bản dịch NWT chấm câu như thế nào cho cùng một thành ngữ ấy trong tất cả những chỗ khác mà nó xuất hiện? Tất cả các dấu phẩy khác đều bị bỏ đi đâu mất cả?

Có một cách hết sức dễ dàng để tìm ra chúng. Hãy yêu cầu các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đang trò chuyện với bạn đưa ra cho bạn bộ Comprehensive Concordance mà Hội Tháp Canh đã cho xuất bản năm 1973, phù hợp với bản dịch NWT. Vì bộ phù dẫn nầy được sắp xếp theo thứ tự mẫu tự, hãy bảo các Chứng nhân lật xem chữ “quả thật” (truly). Ở đó, bạn sẽ gặp một bảng liệt kê thích hợp gồm sáu câu mà Chúa từng dùng cùng một thành ngữ ấy trong sách Phúc âm Lu-ca, cũng như tất cả 71 khúc sách khác mà Ngài đã dùng nó trong bốn sách Phúc Âm. Thêm vào các số chương và câu, bộ phù dẫn ấy còn vạch rõ những từ ngữ nằm trước và sau trạng từ “quả thật” trong từng văn bản nữa. Xin hãy nhìn qua bảng liệt kê ấy: tất cả các dấu phẩy đều nằm vào cùng một vị trí giống nhau, ngoại trừLu-ca 23:43. Đây là câu độc nhất được họ chấm câu khác hẳn, để bao gồm cả yếu tố thời gian vào nửa phần đầu của câu - một bằng cớ rõ ràng chứng minh rằng các dịch giả của Hội Tháp Canh đã sửa đổi câu nầy lại cho phù hợp với giáo thuyết của giáo phái họ.

Lu-ca 16:22-24,27,28

*“Rồi La-xa-rơ chết, được thiên sứ đem đặt vào lòng Áp-ra-ham. Người giàu cũng chết, người ta đem chôn. Chịu khổ hình dưới hỏa ngục, người giàu nhìn lên, thấy La-xa-rơ nơi xa với Áp-ra-ham, liền kêu xin: Lạy tổ Áp-ra-ham, xin thương xót con, sai La-xa-rơ nhúng đầu ngón tay vào nước, đến đây nhỏ vào lưỡi con cho mát, vì con bị đốt trong lò lửa nầy, đau đớn quá... Xin tổ làm ơn sai La-xa-rơ đến nhà cha con, cảnh cáo năm anh em con, để khi chết họ khỏi phải xuống nơi khổ hình nầy”* (Bản Diễn Ý, giống bản NWT).

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin lời truyền dạy của tổ chức họ rằng hades (âm phủ) chỉ là một phần mộ, và rằng không có đời sống có ý thức đối với người chết cho đến khi có sự sống lại trong tương lai. Nhưng vì lời lẽ của Chúa Jesus trong mấy câu trên đây có đề cập một đời sống có ý thức như thế, Hội Tháp Canh đã phải làm một việc gì đó để thủ tiêu các lời ấy đi. Thế là họ bảo rằng phần ký thuật trên đây chỉ là một ẩn dụ, hay một thí dụ để minh họa, và chỉ ứng dụng một ý nghĩa hoàn toàn có tính cách biểu trưng cho mọi điều trong câu chuyện ấy mà thôi.

Theo cách lý giải của Hội Tháp Canh, La-xa-rơ là hình ảnh của các môn đệ của Chúa Jesus, lão phú ông chỉ các lãnh tụ Do Thái giáo, Áp-ra-ham chỉ Giê-hô-va Đức Chúa Trời, sự chết của mỗi người chỉ một sự thay đổi tình trạng của mỗi nhóm người lúc hãy còn sống trên đất nầy, và những nỗi đau đớn mà người nhà giàu phải chịu chỉ việc lời truyền giảng của các sứ đồ đã vạch mặt các lãnh tụ Do Thái giáo. Do đó, theo Hội Tháp Canh, trong Luc 16, Chúa Jesus không thật sự đề cập tình trạng các kẻ chết.

Nói chung thì nhiều Cơ-đốc nhân cũng đồng ý rằng câu chuyện người nhà giàu và La-xa-rơ là một trong số nhiều ẩn dụ của Chúa Jesus. Nhưng khảo xét các ẩn dụ khác của Chúa, chúng ta thấy tất cả đều là những thí dụ minh họa có cơ sở là những hoàn cảnh sống thực tế. Thí dụ đưa con trai hoang đàng trở về nhà sau khi đã tiêu phí hết tiền bạc, một người tìm được của báu chôn ngoài đồng, lại giấu nó đi, rồi bán hết mọi điều mình có để mua cánh đồng; một nhà vua dọn tiệc cưới cho con trai; một chủ nô lệ xuất ngoại rồi trở về với các nô lệ mình, một người lập một vườn nho, cho những người khác thuê, nhưng gặp nhiều khó khăn trong việc thu góp những gỉ họ nợ mình, và vv... Các thanh niên quả thật hay bỏ nhà ra đi và tiêu phí hết gia tài mình, và Chúa Jesus đã lợi dụng việc các thính giả của mình vốn quen thuộc với những tình hình như thế để minh họa cho những điều có liên hệ đến Nước Trời. Quả thật thiên hạ có khi tìm thấy các của báu được chôn giấu, tổ chức tiệc cưới, giao việc cho các nô lệ khi chính mình xuất ngoại, cho thuê lại các vườn nho, và vv... nên Chúa Jesus đã lợi dụng việc những người nghe Ngài vốn quen thuộc với những tình hình như thế hầu minh họa những điều thuộc linh. Vậy, nếu câu chuyện về người nhà giàu và La-xa-rơ cũng giống như số các ẩn dụ còn lại của Chúa Jesus, nó cũng phải lợi dụng một tình hình có thật để minh họa những điều thuộc linh. Người ta chắc phải có một đời sống có ý thức sau khi đã chết, và một số trong đám họ chắc phải thật sự bị “hành hạ đau khổ”, phải ăn năn hối hận sâu xa về đời sống đã qua của họ. Bất chấp những gì ẩn dụ ấy minh họa, phần nền móng của câu chuyện phải được lấy ra từ đời sống thực tế cũng như các truyện tích khác mà Chúa Jesus đã kể.

Nên nhớ nhờ những gì Kinh Thánh mặc khải cho chúng ta về lòng nhân từ thương xót và yêu thương của Chúa Jesus, chúng ta được biết Đức Chúa Trời không phải là một nhân vật tàn bạo, vô cảm, thích hành hạ tra tấn người ta. Nếu chúng ta thật sự biết rõ Ngài, chúng ta sẽ nhận thức được rằng Ngài vốn có lòng nhân từ yêu thương hơn chúng ta nhiều. Do đó, nếu chúng ta không hòa giải được lòng nhân từ thiện hảo của Đức Chúa Trời với lời truyền dạy của Chúa Jesus về tình trạng của kẻ chết, vấn đề phải là do chúng ta, do sự lãnh hội giới hạn của chúng ta, chứ không phải là do Đức Chúa Trời. Áp-ra-ham từng trực diện với một vấn đề tương tự khi ông được biết Đức Chúa Trời sắp cho mưa diêm sinh giáng xuống hai thành phố Sô-đôm và Gô-mô-rơ. Thậm chí ông đã dám thắc mắc hỏi Đức Chúa Trời rằng: “Đấng Đoán xét toàn thế gian há lại không làm sự công bình sao?” (Sáng Thế Ký 18:25). Do đó, một người cảm thấy bất nhẫn khi nghe lời truyền dạy của Chúa Jesus, cần phải noi gương của Áp-ra-ham, là hãy đặt vấn đề với Đức Chúa Trời bằng cách cầu nguyện và xin Ngài giúp mình để biết trọn vẹn tin cậy Ngài, cả trong những vấn đề vượt qua tầm hiểu biết của loài người.

Nhưng giải pháp không thể tìm ra bằng cách phủ nhận những gì Kinh Thánh phán dạy hết sức rõ ràng. Tuy Chúa Cứu Thế Jesus vốn là con người giàu lòng yêu thương và nhân từ nhất trong số những con người từng sống trên đất nầy, Ngài cũng là người từng nói những điều chẳng có gì thích thú mà người ta phải gặp sau khi chết. Chẳng hạn, Ngài bảo*: “Con Người sẽ sai các thiên sứ Ngài thâu mọi gương xấu và những kẻ làm ác khỏi nước Ngài, và quăng những người đó vào lò lửa, là nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng”* (Ma-thi-ơ 13:41,42, Bản Việt ngữ TKH Saigon).

*“Chủ lại sẽ trả lời rằng: Ta nói cùng các ngươi, không biết các ngươi đến từ đâu, hết thảy những kẻ làm dữ kia, hãy lui ra khỏi ta! Khi ấy, các ngươi thấy Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp cùng hết thảy các đấng tiên tri đều ở trong nước Đức Chúa Trời, còn các ngươi sẽ bị quăng ra ngoài, là nơi có khóc lóc và nghiến răng”* (Lu-ca 13:27,28, Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

*“Đến ngày tận thế cũng như vầy: các thiên sứ sẽ đến và chia kẻ ác với người công bình ra, ném những kẻ ác vào lò lửa; ở đó sẽ có khóc lóc và nghiến răng”* (Ma-thi-ơ 13:49,50, Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

*“Vua bèn truyền cho đầy tớ rằng: Hãy trói tay chân nó lại, và quăng ra ngoài nơi tối tăm, là nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng”* (Ma-thi-ơ 22:13 Bản Việt ngữ, TKH Saigon).  
*“Chủ sẽ đến trong ngày nó không ngờ và giờ nó không biết. Chủ sẽ đánh xé xương và định phần nó đồng với kẻ giả hình. Đó là nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng”* (Ma-thi-ơ 24:50,51, Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

*“Chủ sẽ đến trong ngày nó không dè, và giờ nó không biết; lấy roi đánh xé da nó, và để cho nó đồng số phận với kẻ bất trung. Đầy tớ nầy đã biết ý chủ, mà không sửa soạn sẵn và không theo ý ấy, thì sẽ bị đòn nhiều. Song đầy tớ không biết ý chủ, mà làm việc đáng phạt, thì bị đòn ít...”* (Lu-ca 12:46-48, Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Hãy kết thúc bằng cách hỏi các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va: “Nếu một ai đó chẳng từng đọc các sách báo do Hội Tháp Canh xuất bản, nhưng chỉ đọc những lời nầy của Chúa Jesus mà thôi, thì người ấy sẽ tin gì về chủ đề nầy? Những người đọc Kinh Thánh nhiều thế kỷ trước khi Mục sư Russell là nhà sáng lập Hội Tháp Canh xuất hiện vào cuối những thập niên 1800 và truyền dạy giáo thuyết không có hỏa ngục của ông ta, đã tin gì?”  
Chúa Jesus đã lợi dụng ngôn ngữ theo nghĩa bóng - bóng tối, lửa, sự hành hạ tra tấn, việc đuổi ra ngoài - nhưng vấn đề thì thật là rõ ràng: Ngài dạy rằng nhân loại không vâng lời Đức Chúa Trời sẽ phải trực diện với một số phận vô phúc sau khi chết đi, và Ngài đã đến với tư cách Cứu Tinh để cứu vớt họ khỏi một số phận hẩm hiu như thế.

**13. Vấn đề dự Tiệc Thánh**

Ma-thi-ơ 26:37

*“Ngài lại lấy chén, tạ ơn rồi, đưa cho môn đồ mà rằng: Hết thảy hãy uống đi”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon).

Hội Tháp Canh dạy những người theo họ đừng vâng theo những lời chỉ giáo rõ ràng nầy của Chúa Cứu Thế Jesus. Khi các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va cử hành lễ Tiệc Thánh hằng năm của họ, ổ bánh (mì) và chén (rượu, nước nho) được chuyền từ tay người nầy sang tay người khác mà rất ít có ai dự phần. (Theo các bảng thống kê tường trình trong ngày 1.1.1986, tạp chí Watchtower cho thấy trong số 7.792.109 người dự lễ kỷ niệm nầy trong năm 1985, chỉ có 9051 dự phần (ăn bánh, uống chén) mà thôi. Như thế, phần lớn trong số 49716 hội chúng các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va trên toàn thế giới đã chẳng có ai dự phần với họ cả).

Do *“hết thảy hãy uống đi”* là lệnh truyền của Chúa Jesus đã không được thi hành, trái lại, các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va lại theo lời dạy của các lãnh tụ của họ rằng các tín hữu kể từ năm 1935 trở về sau không được dự phần Giao Ước Mới do Chúa Cứu Thế Jesus đứng trung gian (Hê-bơ-rơ 12:24) “Những người thuộc hạng “chiều khác” không nằm trong giao ước mới, do đó không được dự phần” (The Watchtower, 15.2.86, p 15).

Nhưng khi nói về giao ước cứu mạng mà bánh và chén Tiệc Thánh là tượng trưng, Chúa Jesus từng phán: *“Nếu các ngươi không ăn thịt của Con người, cũng không uống huyết Ngài, thì chẳng có sự sống trong các ngươi đâu”* (Giăng 6:53, TKH Saigon, giống bản NWT). Nếu các Chứng nhân tự loại mình ra khỏi Giao Ước Mới, tức là họ tự loại mình khỏi sự sống vĩnh hằng vậy.

Hãy yêu cầu một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va chỉ cho bạn một câu Kinh Thánh, trong đó Chúa Jesus định năm 1935 là niên đại mãn hạn cho những lời chỉ giáo liên hệ với Tiệc Thánh. Chẳng hề có câu nào như thế. Trái lại, Ngài đã phán: “Hãy làm sự nầy để nhớ đến Ta” (Lu-ca 12:19, bản Việt ngữ, TKH Saigon, giống bản NWT).

Lu-ca 22:19

*“Đoạn, Ngài cấm lấy bánh, tạ ơn xong, bẻ ra phân phát cho các môn đồ mà phán rằng: Nầy là thân thể ta, đã vì các ngươi mà phó cho, hãy làm sự nầy để nhớ đến ta”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon, giống bản NWT).

Tổ chức Tháp Canh dạy rằng những người mới ăn năn qui đạo từ 1935 trở về sau không được tham gia hội chúng Cơ-đốc nhân, tức là thân thể Chúa Cứu Thế, do đó, những người như thế “không được dự phần các biểu tượng” của Tiệc Thánh (chân lý dẫn đến sự sống vĩnh hằng, Hội Tháp Canh, 1968, tr 80). Vậy, tuy Kinh Thánh của chính họ dạy “hãy làm sự nầy” đại đa số các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã không tuân thủ.

Giăng 6:53 “*Chúa Jesus nhắc lại: Tôi nói quả quyết, nếu không ăn thịt và uống máu Chúa Cứu Thế, anh em không có sự sống thật”* Đây là một câu quan trọng cần đưa ra khi thảo luận với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va. Họ đã được truyền dạy, chẳng những khước từ việc dự Tiệc Thánh, mà còn phải từ chối sự sống mới sẽ đến với tất cả những ai đặt đức tin vào sự đổ máu và thân thể chịu đóng đinh vào thập tự giá của Chúa chúng ta. Họ tự loại mình ra khỏi Giao Ước Mới đã được máu của Chúa Cứu Thế phê chuẩn.

**14. Chúa Jesus sống lại trong thần linh**

Lu-ca 24:36-39

*“Môn đồ đương nói với nhau như vậy, chính Đức Chúa Jesus hiện ra giữa đó... Nhưng môn đồ đều sửng sốt rụng rời, tưởng thấy thần (linh). Ngài phán rằng: Sao các ngươi bối rối, và sao trong lòng các ngươi nghi làm vậy? Hãy xem tay chân ta, thật chính ta. Hãy rờ đến ta và hãy xem, thần (linh) thì không có thịt xương, mà các ngươi thấy ta có”* (Bản Việt ngữ, TKH Saigon, giống bản NWT).

Trái với mấy câu trên đây ngay trong quyển Kinh Thánh của chính họ, các lãnh tụ của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va dạy rằng Chúa Cứu Thế đã phục sinh là một thần linh, và rằng: “Thân thể là xác thịt loài người mà Chúa Cứu Thế Jesus đã dâng hiến vĩnh viễn để làm sinh tế chuộc tội đã được quyền năng của Đức Chúa Trời giải quyết, chứ không bị lửa thiêu hủy trên bàn thờ trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Xác thịt của một sinh tế luôn luôn được xử lý và khiến thôi tồn tại, do đó, không bị hư thối” (Sách Những điều mà Thiên Chúa không thể nói dối của Hội Tháp Canh, 1965, tr 354). Họ cũng bảo: “Sau khi sống lại, Chúa Jesus đã không còn xuất hiện bằng cùng một thân thể xác thịt như trước nữa (có lẽ nhằm củng cố cho tâm trí họ về sự kiện bấy giờ Ngài đã trở thành một thần linh)"(Sách Lý luận rút ra từ Kinh điển của Hội Tháp Canh, 1985, tr 335).

Rõ ràng là tổ chức các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va muốn chúng ta tin điều trái với những gì Kinh Thánh dạy về điểm nầy. Họ nhấn mạnh rằng thân thể Chúa Cứu Thế đã không sống lại mà đã bị xử lý (thủ tiêu) và Ngài đã trở thành một thần linh. Nếu điều ấy là đúng, thì những lời phát biểu của Ngài trong 24:26-19 là những lời nói dối, và việc Ngài đưa cho các môn đệ Ngài xem các dấu đinh trên đôi bàn tay, bàn chân Ngài, bảo họ hãy sờ vào đó để nhận biết Ngài vẫn có thịt, có xương, sẽ chỉ là một mưu mô ranh ma để lừa dối họ mà thôi.  
Ngoài phần thảo luận trên đây, bạn còn có thể bảo các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đọc mấy câu Kinh Thánh Chúa Jesus từng bảo trước cho họ về những gì sẽ xảy đến cho thân thể Ngài: “Chúa Jesus đáp: Cứ phá đền thờ này đi, trong ba ngày tôi sẽ xây lại! Người Do Thái chế nhạo: Người ta xây đền thờ mất bốn mươi sáu năm, còn Thầy chỉ xây cất trong ba ngày! Thật ra, Chúa ám chỉ Ngài là Đền thờ Đức Chúa Trời” (Giăng 2:19-21 như bản NWT).  
Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va phải chọn - hoặc là tin rằng Chúa Jesus đã nói về sự sống lại của thân thể Ngài, hoặc là tin những gì Hội Tháp Canh nói.

**15. Không cầu nguyện với Chúa Jesus**

Công Vụ Các Sứ Đồ 7:59,60

*“Đang khi bị ném đá tới tấp, Ê-tiên cầu nguyện: Lạy Chúa Jesus, xin tiếp nhận linh hồn con! Rồi ông quì xuống, kêu lớn tiếng: Lạy Chúa, xin đừng qui tội nầy cho họ...”*

Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va chẳng bao giờ dâng lời cầu nguyện lên cho Chúa Jesus. Họ được dạy phải chỉ dâng lời cầu nguyện của họ lên cho Đức Chúa Cha và họ phải gọi Ngài là “Đức Giê-hô-va” mà thôi. Nếu có ai nghe một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va cầu nguyện với Chúa Jesus, người cầu nguyện sẽ bị một ủy ban xét xử tra xét, và sẽ bị dứt phép thông công nếu không chịu ăn năn “tội” mình.

Nhưng khúc Kinh điển trên cho thấy rõ ràng Ê-tiên đang cầu nguyện với Chúa Cứu Thế Jesus, là Chúa đã phục sinh (Kinh Thánh của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đổi chữ “Chúa” trong câu 60 thành “Đức Giê-hô-va” nhưng câu 59 vẫn chép là “(Chúa) Jesus”.  
Một Chứng nhân có thể cố chống chế rằng Ê-tiên đã không cầu nguyện với Chúa Jesus, mà chỉ đối thoại mặt đối mặt với Ngài, vì ông được thấy Ngài trong một khải tượng. Gặp trường hợp nầy, hãy bảo các Chứng nhân ấy đọc lại văn cảnh. Khải tượng trong câu 56 xảy ra lúc Ê-tiên đang ở Giê-ru-sa-lem, đứng trước Hội đồng quốc gia Do Thái để chịu xét xử. Lúc ông bảo với người Do Thái rằng ông thấy một khải tượng là Chúa Cứu Thế đang ngự bên hữu Đức Chúa Cha ở trên trời, thì họ vô cùng giận dữ. Họ đã kết thúc việc xét xử, lôi Ê-tiên ra khỏi phòng xử án, kéo ông qua các đường phố, đưa ông ra ngoài thành phố (c 57) rồi ném đá. Lẽ tự nhiên, mọi việc nầy cần rất nhiều thì giờ, không hề có dấu chỉ nào cho thấy Ê-tiên lại có khải tượng một lần nữa ở ngoài thành phố, lúc ông bị ném đá. Trái lại, như Kinh điển vạch rõ, là ông đang cầu nguyện với Chúa Jesus.

**16. Uy quyền tối thượng của tổ chức Tháp Canh**

Ma-thi-ơ 24:45-47

*“Ai là người quản gia trung thành, khôn ngoan, được chủ ủy thác coi sóc người nhà và phân phát thực phẩm cho họ đúng giờ? Người ấy sẽ được khen ngợi khi chủ trở về thấy đang làm trọn bổn phận, chắc chắn chủ sẽ cho cai quản tất cả tài sản mình”*

Đây là văn bản then chốt của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va. Họ dụng công để lý giải ẩn dụ nầy thật độc đáo. Thay vì thấy đây là một lời răn bảo mỗi Cơ-đốc nhân phải là một “nô lệ” trung thành và chăm chỉ của Chúa Cứu Thế, họ tin rằng tổ chức của họ đại diện cho người nô lệ trung tín và khôn ngoan đó, đã được Đức Chúa Trời chỉ định để cấp phát “linh lương” cho cả nhà của đạo. Cách lý giải nầy khiến cho bộ tham mưu đầu não của Hội Tháp Canh có quyền năng và uy quyền phi thường dưới mắt các Chứng nhân trung bình.

Thí dụ, hãy chú ý xem tạp chí The Watchtower số 1, tháng 12, 1981 đã nâng tổ chức ấy lên cao hơn bộ Kinh Thánh và khiến việc được sống vĩnh hằng phải lệ thuộc việc đi theo Hội Tháp Canh như thế nào: Giê-hô-va Đức Chúa Trời cũng cung cấp tổ chức hữu hình của Ngài, “người nô lệ trung tín và khôn ngoan”, gồm những người được xức dầu thuộc linh, để giúp các Cơ-đốc nhân trong mọi dân mọi nước thông hiểu và ứng dụng Kinh Thánh thật đúng trong đời sống của họ. Trừ phi khi chúng ta bắt liên lạc với con kênh truyền thông mà Thiên Chúa đang lợi dụng nầy, chúng ta sẽ không thể tiến bộ được suốt con đường đời, cho dù chúng ta có đọc Kinh Thánh nhiều đến đâu đi chăng nữa (tr 27). Tất cả những ai đang phục vụ trung tín tổ chức của “người nô lệ trung tín và khôn ngoan” nầy, là đại diện hữu hình để giao lưu tiếp xúc với Đức Giê-hô-va thật được phước biết bao! Cách lựa chọn của họ là sự lựa chọn khôn ngoan vì đường họ đi dẫn đến mục tiêu quí báu của sự sống vĩnh hằng... (tr 31).

Có lẽ tôi phải viết ra đây như một phần riêng tư ghi ra bên lề, rằng mấy câu phát biểu trên đây, nhất là câu ở trang 27, đã nâng tổ chức Tháp Canh lên cao hơn Kinh Thánh, đã trở thành “cộng rơm cuối cùng làm gãy xương sống của con lạc đà” trong mối liên hệ giữa tôi với Hội Tháp Canh. Chỉ sau khi đọc câu ấy tôi mới bắt đầu lên tiếng, đặt vấn đề đối với nhũng lời rêu rao công khai của tổ chức tại những cuộc họp ở Kingdom Hall và bí mật cho xuất bản bức thư thông tin của tôi có tên là Comments from the Friends mà số đầu tiên đề cập phần trích dẫn trên đây (Xin xem chương 7 “Lời chứng của tác giả” để có thêm đầy đủ chi tiết). Tai hại thay, đại đa số các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vẫn bị lệ thuộc đến độ họ tán thành những câu phát biểu như thế và mù quáng đi theo Hội Tháp Canh, bất cứ hội ấy dẫn họ đi đâu.

Hồi nguyên thủy, chính Charles Taze Russell nhà sáng lập và là chủ tịch Hội Tháp Canh, chính bản thân và cá nhân ông ta, mới được xem là người “đầy tớ trung tín và khôn ngoan” củaMa-thi-ơ 24:45. Sau khi ông ta chết, có sự chia rẽ trong tổ chức, với số người hậu thuẫn cho vị chủ tịch mới là Joseph F.Rutherford cướp toàn quyền kiểm soát, còn các thành viên trung thành với Mục sư Russell thì ra đi để họp thành nhiều giáo phái khác, một số người vẫn tiếp tục tồn tại mãi đến ngày nay. Các nhóm theo Russell hiện đại nầy tiếp tục cho in các sách của ông và xem ông là vị sứ giả đặc biệt của Thiên Chúa phái đến với Hội Thánh. Vị “thẩm phán” của số người theo ông Rutherford nhấn mạnh rằng ông Russell đã chẳng bao giờ tự xưng là người “đầy tớ trung tín và khôn ngoan” nhưng tập đoàn là toàn thể tổ chức Tháp Canh mới là dụng cụ được chọn của Thiên Chúa.

Thật là khó khiến được cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va từ bỏ niềm tin nầy. Họ chấp nhận bất cứ điều gì Hội Tháp Canh nói với họ bởi vì Hội là con kênh thông thương giao lưu với Đức Chúa Trời, và ngược lại, họ tin bởi vì đó là tổ chức tôn giáo duy nhất trên đất nầy dạy chân lý - một kết luận mà họ bênh vực bởi vì họ chấp nhận mọi điều mà hội bảo với họ. Tuy đây là một lý luận lẩn quẩn, nhưng đó là cách mà các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va nghĩ. Tại một điểm nào đó sau phần gọi là học hỏi nghiên cứu Kinh Thánh hay chương trình dạy giáo lý là việc đầu tiên đưa một người vào tổ chức, diễn tiến lý luận của người ấy bị xuyên tạc và ráp nối phần đầu với phần đuôi lại với nhau, khiến các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va suy nghĩ lẩn quẩn theo những vòng tròn thay vì theo một đường thẳng. Chính vì thế mà bạn có thể cùng đi quanh quẩn với một Chứng nhân để chẳng đến đâu cả. Điều nầy có thể gọi là việc tẩy não.

Chìa khóa để đập tan chiếc vòng lẩn quẩn đó là đưa ra cho cá nhân ấy một số thông tin sẽ day động tâm trí của người ấy đủ để thoát được con đường mòn đã thành nếp thật rõ rệt mà người ấy được học tập để hoạt động trong đó. Đây có thể là một diễn trình lâu dài, chậm chạp. Chúng ta cần phải cầu nguyện nhiều và thật kiên trì. Nhưng đó là việc có thể làm được.

**17. Thập tự giá của Chúa Jesus.**

Giăng 20:25

*“Các môn đồ khác nói với người rằng: Chúng tôi đã thấy Chúa! Nhưng Thô-ma đáp: Nếu ta không thấy dấu đinh trên bàn tay Ngài, nếu ta không đặt ngón tay vào chổ dấu đinh, và nếu ta không đặt bàn tay nơi sườn Ngài, thì ta không tin”*

Các Cơ-đốc nhân nên thảo luận khúc sách nầy với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, là những người phủ nhận việc Chúa Jesus đã chịu chết trên thập tự giá.

Chúa Jesus đã không chết trên một thập tự giá là một giáo thuyết căn bản của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va. Thật vậy, các Chứng nhân xem bất cứ ai tin vào thập tự giá là “kẻ theo tà thuyết ngoại đạo”. Trái lại, Hội Tháp Canh dạy rằng Chúa Jesus đã bị đóng đinh vào một “trụ hành hình” - một cây cọc thẳng đứng như một cây cột cờ, không có thanh gỗ nằm ngang thành chữ thập nào cả. Hễ chỗ nào các quyển Kinh Thánh khác có chữ thập tự giá thì bản dịch NWT đều thay thế bằng thành ngữ trụ hành hình.

Những bức tranh minh họa Chúa chịu chết trong các sách của họ đều cho thấy đôi tay Chúa Jesus bị cột chặt lại với nhau ngay phía trên đầu Ngài, với chỉ một cây đinh đóng vào cả hai bàn tay, dính với cây trụ. Từ nhiều năm rồi, tất cả các sách báo của Hội Tháp Canh ấn hành đều tả vẽ Chúa Jesus chịu chết như thế - với chỉ một cây đinh đóng đôi tay Ngài vào một “cọc hành hình”. Nhưng Kinh điển chép thế nào? Phải chăng chỉ có một cây đinh đóng chặt đôi tay của Chúa Jesus phía trên đầu Ngài, hay là hai cây đinh đóng vào hai bàn tay Ngài tại hai đầu đối diện nhau của một thanh gỗ tạo thành hình thập tự giá? Ở Giăng 20:25, Kinh Thánh cho chúng ta biết như điều sứ đồ Thô-Ma vừa nói trên đây. Ngay trong quyển Kinh Thánh của Hội Tháp Canh, Thánh Thô-Ma đã nói về “các dấu đinh” (số nhiều) trên các bàn tay Chúa Jesus - chứ không phải chỉ có một dấu đinh mà thôi như trong các hình ảnh minh họa của Hội Tháp Canh.

Thế thì, tuy các lãnh tụ của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va có loại chữ “thập tự giá” ra khỏi quyển Kinh Thánh của họ, họ đã quên loại luôn cây đinh thứ hai khỏi đôi bàn tay của Chúa Jesus, do đó, cũng còn giữ lại cái chứng cứ hiển nhiên rằng Ngài đã chết vì bị đóng đinh vào thập tự giá chứ không phải, vào cây trụ hành hình tưởng tượng mà họ truyền dạy.

**E. Các kỹ thuật để trình bày Phúc Âm cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va**

“Tôi đã nạp đạn sẵn vào súng của mình chờ các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tiếp theo bước lên tam cấp cửa nhà tôi. Ngay khi hắn ta đến, tôi sẽ bắn một câu Kinh Thánh nầy tiếp sau một câu khác vào anh ta. Bạn sẽ thấy anh ta phải nhảy tưng tưng như thế nào! Rồi tôi đưa ngay Giăng 1:1 vào tận mắt anh ta và đuổi anh ta đi!” Bạn có biết ai từng đối đầu như thế với một Chứng nhân không? Nếu có, rất có thể người ấy đã thắng được trận đánh ấy, nhưng lại bị thua trong cuộc chiến tranh toàn diện.

Sau một trận nổ súng bằng Kinh điển như thế, các Chứng nhân bị thương và đổ máu kia sẽ chạy trở về với các “trưởng lão” của mình để được bảo vệ, an ủi. Họ sẽ băng bó cho anh ta bằng cách giải nghĩa cho xuôi những câu Kinh Thánh đã gây tổn thất rồi cảnh cáo anh ta đừng thèm nghe lời những tay chủ nhà “hay lý sự” kia nữa, trong công tác đi truyền giảng từ nhà nọ sang nhà kia của mình. Và anh ta sẽ đáp lại: “Xin đừng bận tâm! Tôi sẽ chẳng bao giờ gặp chuyện như thế nữa đâu!”

Quyển sách nầy đã có đầy đủ súng ống, đạn dược để bạn tham gia cuộc chiến tranh thuộc linh chống lại thành lũy của Hội Tháp Canh. Nhưng nếu chiến sĩ là Cơ-đốc nhân dồn một Chứng nhân vào tường, nã vào anh ta cả hai thùng đạn súng máy liên tục, thì hậu quả rất có thể sẽ là đáng thất vọng. Vì các lãnh tụ của các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vốn biết rõ rằng tâm trí con người ta chỉ có thể hấp thu chừng đó thông tin mỗi lần mà thôi, cho nên họ đã dạy cho các Chứng nhân phải có một kế hoạch ít nhất là sáu tháng, để cùng “nghiên cứu” với người mà họ muốn cải giáo. Chỉ có các Chứng nhân thiếu từng trải mới oanh tạc một ông chủ nhà bằng một bài giảng từ A-đam đến trận Hạt-ma-ghê-đôn ngay lần đến thăm đầu tiên. Các Chứng nhân đã làm đúng về mặt kỹ thuật, và đó là một trong nhiều lý do khiến tổ chức của họ có được sự tăng trưởng phi thường. Cho nên, chúng ta cần phải học tập họ - lẽ dĩ nhiên không phải là học các giáo thuyết sai lầm, nhưng là học các phương pháp kiến hiệu của họ.

Tuy nhiên, thí dụ hay nhất chúng ta có thể nhờ cậy về phương diện kỹ thuật, là Chúa Cứu Thế Jesus của chúng ta. Là vị Giáo sư bậc thầy, Ngài đã sử dụng cách chọn lời lẽ thật đúng cũng như các phép lạ để kéo thiên hạ đến với mình. Vì Ngài đã phải truyền dạy một số ý niệm có phần nào gây kinh ngạc cho những người Do Thái đã trở thành môn đệ Ngài, chúng ta có thể học tập rất nhiều từ tấm gương của Ngài trong nỗ lực nhằm chia xẻ Phúc Âm chân chính cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va.

Chúa Jesus vốn biết rõ những người nghe Ngài có thể hấp thu được bao nhiêu mỗi một lần, cho nên Ngài không hề đút cho họ ăn đến nỗi bị bội thực. Thậm chí sau khi đã dành nhiều tháng sống chung với các sứ đồ, Ngài đã bảo họ: “Ta còn nhiều điều muốn nói với các con, nhưng hiện giờ các con chưa hiểu nổi” (Giăng 16:12). Phúc Âm vốn gồm cả “sữa” lẫn “thức ăn đặc” (Hê-bơ-rơ 5:12-14). Nếu bạn cho một hài nhi ăn đặc quá sớm, nó sẽ bị sặc và ói thức ăn ấy ra. Do nhận thức phải mất bao lâu thời gian để giải trừ các giáo thuyết sai lầm của Hội Tháp Canh mà một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã hấp thu hầu học trở lại chân lý của Kinh Thánh, chúng ta không nên bắt buộc người ấy phải tiêu hóa quá nhiều cùng một lần.  
Sở dĩ Chúa Jesus đã để lại nhiều điều Ngài cần phải nói mãi đến về sau nầy là vì Ngài biết Đức Thánh Linh sẽ tiếp tục dạy dỗ các môn đệ Ngài - rằng “Khi Thần chân lý đến, Ngài sẽ dạy các con biết chân lý toàn diện...” (Giăng 16:13). Chúng ta cũng phải tin rằng Đức Thánh Linh sẽ dạy dỗ cho các tín hữu mới hiện nay nữa, cũng y như hồi thế kỷ thứ nhất vậy. Chúng ta không cần phải lo tự mình sửa sai tất cả các khái niệm mà một Chứng nhân đã có trong đầu người ấy. Đức Thánh Linh sẽ nhận lấy trách nhiệm ấy ngay tại điểm mà chúng ta để nó lại.

Hơn nữa, Chúa Jesus vốn là một người chăn chiến - không phải là người chăn bò. Ngài không cỡi trên lưng chiên để chăn chúng, không bắn súng và vụt roi da như những tay chăn bò khi lùa bầy thú của mình đi. Không đâu! Ngài lặng lẽ đi trước bầy chiên, Chúa Jesus gọi, thì chiên Ngài nghe tiếng Ngài và theo Ngài. Chúng ta có thể làm như thế bằng cách ôn tồn trình bày Phúc âm từ Lời Đức Chúa Trời, tin chắc rằng con chiên sẽ nghe và đi theo mà khỏi cần phải xô đẩy hối thúc nó. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va vốn quen bị các trưởng lão của họ thúc ép, chúng ta phải có thái độ trái hẳn lại.

Cũng cần lưu ý đến các phương pháp dạy dỗ Chúa Jesus đã dùng. Chỉ cần liếc nhanh qua bất cứ một phần ký thuật nào trong bốn sách Phúc Âm, bạn đều có thể nhận thấy rằng nhiều câu nói của Ngài đều có một dấu hỏi ở phần cuối. Các dấu hỏi vốn có hình dáng giống những chiếc lưỡi câu - và chúng cũng có chức năng giống như chiếc lưỡi câu. Khi móc những câu trả lời và kéo chúng ra khỏi miệng một người khác. Chúa Jesus vốn có biệt tài sử dụng những chiếc lưỡi câu cá ấy. Thay vì đổ các thông tin tới tấp như mưa rào xuống trên những kẻ nghe mình, Ngài dùng các câu hỏi để móc những câu trả lời ra khỏi miệng họ. Một người có thể bịt tai lại đối với các sự kiện mình chẳng muốn nghe, nhưng nếu có một câu hỏi sắc sảo khiến người ấy phải nghĩ ra một câu trả lời trong tâm trí mình, người ấy sẽ không thể nào thoát được câu kết luận - bởi vì đó là câu kết luận mà chính người ấy tự đạt đến.  
Về một mặt, nếu chính chúng ta đưa ra câu trả lời, thì kết quả sẽ khác hẳn. Thí dụ, chúng ta có thể nói với một Chứng nhân “Bạn đã bị lường gạt rồi!”, “Tổ chức Tháp Canh là một tiên tri giả!”, “Bạn cần phải được cứu rỗi”. Nhưng nếu các Chứng nhân chưa tự mình đạt đến những kết luận ấy trong chính tâm trí mình, thì rất có thể là người ấy cảm thấy mình bị xúc phạm và chối bỏ bất cứ điều gì khác nữa mà chúng ta cần phải nói. Cho nên, nếu chúng ta muốn chính người ấy đạt đến những kết luận ấy, chúng ta phải hướng dẫn tư tưởng của người ấy đi vào chiều hướng đó. Thay vì bảo rằng “Hãy đọc xem câu nầy nói gì. Câu nầy bảo Chúa Jesus là Đức Chúa Trời!” ta có thể yêu cầu chính các Chứng nhân đọc to tiến lên rồi sau đó sẽ hỏi người ấy “Theo ý bạn, thì trước giả muốn nói gì trong câu nầy? Trước giả nói gì về Chúa Jesus?” và vv... Rất có thể người ấy sẽ không trả lời lớn tiếng thật đúng, nhưng bạn sẽ thấy sắc mặt của người ấy biến đổi khi nhận thức được vấn đề.  
Tự đặt mình vào địa vị người khác là điều hết sức quan trọng khi chúng ta muốn đến với những người đã bị hướng dẫn đi sai như thế. Hãy cố nghĩ xem chính bạn muốn cho người khác nói với mình như thế nào, nếu bạn là người đã bị kẻ khác chỉ dẫn sai lầm như vậy. Rồi cũng nên nhớ rằng “Hãy làm cho người khác điều các con muốn người ta làm cho mình” (Ma-thi-ơ 7:12). Sứ đồ Phao-lô từng chứng minh cách suy bụng ta ra bụng người trong bài giảng của ông cho người A-then (Công Cụ 17:16-34). Kinh điển cho chúng ta biết “Phao-lô nhận thấy thành phố đầy dẫy thần tượng, nên tinh thần bị xúc động” (c 16). Nhưng thay vì để cho những xúc cảm ấy thoát ra bằng những lời quở trách nặng nề những kẻ thờ thần tượng như thế, ông đã tự kìm chế và tìm một lập trường chung để ôn tồn kêu gọi họ, ông nói: “Thưa quí thính giả A-then, tôi nhận thấy quí vị có tinh thần tín ngưỡng cao độ trong mọi lĩnh vực. Khi đi dạo xem, những nơi thờ phượng khắp thủ đô, tôi thấy một bàn thờ khắc dòng chữ “thờ Thần không biết”. Thần quí vị không biết mà vẫn thờ kính đó chính là Thần tôi đang truyền giảng...” (c 22,23). Chúng ta cũng có thể làm như thế bằng cách thú nhận với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va rằng chúng ta tán thưởng nhiệt tâm và ý tốt muốn phục vụ Đức Chúa Trời của người ấy.

Mấy năm trước đây, có hai giáo sĩ Mormon tiếp xúc với nhà tôi, bà hẹn họ đến thăm chúng tôi. Trong buổi thảo luận tối hôm ấy, tôi đã “lật ngửa các con bài của mình lên bàn” và mạnh dạn thách thức họ về tính cách chân thực của quyển sách Mormon. Lúc từ giã, rõ ràng là họ đã bị rúng động, nhưng chúng tôi chẳng còn nghe tin tức gì về họ nữa. Gần đây hơn, có hai thanh niên Mormon khác tiếp xúc với chúng tôi, và chúng tôi thu xếp một cái hẹn khác. Nhưng lần nầy, tôi đã áp dụng một số nguyên tắc đã được phác họa trong chương sách nầy, nghĩa là ôn tồn cung cấp thông tin cho họ, mỗi lần chỉ chút ít mà thôi. Kết quả là chúng tôi được họ đến thăm nhiều lần, tạo cơ hội cho chúng tôi gieo được nhiều hột giống đạo hơn, mà chúng tôi tưới nước bằng lời cầu nguyện và mong sẽ được mọc lên cũng như tăng trưởng theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 3:6,7).

Phương pháp tiếp cận thành công hơn lần thứ hai của chúng tôi với những người chung quanh nhắc tôi nhớ lại câu chuyện về một cậu bé bị nhiều người láng giềng khác chọc ghẹo, gọi là chậm tiến. Vì biết cậu bé thật ra cũng thông minh, một ông cụ trong xóm hỏi các cậu bé khác tại sao lại chọc ghẹo cậu ta như thế. Một em nói: “Ồ, chúng tôi trêu cậu ta vì cậu ta khờ lắm. Nếu cụ cầm một đồng xu trong tay nầy và một đồng hào trong tay kia và đưa cả hai cho cậu ta, cậu ta sẽ lấy đồng xu, vì nó có vẻ to hơn. Cậu ta luôn luôn làm như thế”. Sau đó, ông cụ gọi cậu bé “chậm tiến” đến và hỏi tại sao cậu ta lại lấy đồng xu. Cậu bé đáp: “Dễ quá mà! Nếu tôi lấy đồng xu, sau vài tuần tôi sẽ được đầy túi xu. Nhưng nếu tôi lấy đồng hào, thì trò chơi sẽ kết thúc ngay!”.

Cho nên, dù là vấn đề từ từ góp nhặt từng xu, hay tìm một lập trường chung, hay dùng một câu hỏi thăm dò, hoặc dành một số luận điểm lại cho một lần khác - hoặc thậm chí là kết hợp tất cả các kỹ thuật trên khi cần - chúng ta đều phải vừa suy nghĩ vừa cầu nguyện cho phương pháp tiếp cận của mình, sao cho chúng ta tìm được một cách trình bày bức thông điệp của mình thật êm ái, hầu chinh phục được tấm lòng và tâm trí của những người nghe mình.  
Và trên hết mọi sự, hi vọng thành công của chúng ta phải dựa vào Chúa, chứ không phải là vào chính chúng ta, cho dù chúng ta có chuẩn bị và nghiên cứu công phu đến đâu đi chăng nữa. Khí giới chiến đấu của chúng tôi không do loài người chế tạo, nhưng là vũ khí vô địch của Đức Chúa Trời để san bằng mọi chiến lũy kiên cố, chiến thắng mọi lý luận, mọi tư tưởng tự cao cản trở sự hiểu biết Đức Chúa Trời, và bắt mọi mưu lược phải đầu hàng Chúa Jesus” (II Cô-rinh-tô 10:4,5).

**F. Lời làm chứng của tác giả**

Phần đào tạo về tôn giáo thuở ấu thời của tôi, là trong một nhà thờ lớn, sơn trắng, của Hội Thánh Thống Nhất (Unitarian Church) tại miền quê hương New England, ngay phía Nam Boston. Tôi vẫn còn nhớ cái thời mà bằng sự ngây thơ trẻ con, tôi đã thố lộ với vị mục sư niềm tin của tôi rằng Đức Chúa Trời đã thật sự làm rẽ nước Biển Đỏ cho Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên đi qua. Ông ta đã quay sang vị mục sư phụ tá và vừa nói vừa cười to: “Cậu bé nầy còn phải học hỏi rất nhiều điều nữa!” Thật vậy, càng lớn lên, tôi đã phải học hỏi những gì mà hội thánh ấy dạy. Gặp quyển sách nhỏ của họ nhan đề “Người của Hội Thánh Thống Nhất tin gì” tôi đọc thấy: “Một số tín hữu Thống Nhất tin vào Đức Chúa Trời, và một số thì không tin” - nên nhận biết ngay rằng hai vị mục sư kia chắc thuộc số người chẳng tin.  
Năm lên 14 tuổi, tôi đã tự mình đi đến chỗ kết luận rằng tôn giáo là “thuốc phiện của nhân dân”, một tư tưởng phù hợp với một thiếu niên vốn thích đừng có Đức Chúa Trời cứ luôn luôn dòm ngó, theo dõi mình. Rồi khi tôi vào Trường Đại Học Harvard, tôi nhận thấy vô thần chủ nghĩa và bất khả tri luận thuyết cũng đang phổ biến ở đây. Cho nên, giữa Hội Thánh Thống Nhất và giai đoạn đi học, tôi ít khi gặp một áp lực gì mạnh mẽ, thúc đẩy mình phải tin vào Đức Chúa Trời cả.

Tuy nhiên, vào năm tôi 22 tuổi, tôi có suy nghĩ theo thuyết tiến hóa vô thần về cứu cánh tối hậu của nó: một cuộc đời vô mục đích, tiếp theo đó là cái chết. Dù sao, nếu loài người vốn chẳng phải gì khác hơn là loạt cuối cùng trong những chuỗi sự việc ngẫu nhiên của sự sinh hóa thì bất kỳ một ý nghĩa hay chủ định gì chúng ta có thể cố tìm cho đời sống, sẽ chỉ là một điều tưởng tượng ra để tự lừa dối mình, nẩy sinh trong chính tâm trí của chúng ta mà thôi. Tôi sẽ chẳng bao giờ thật sự có liên hệ gì với cái thực tại thô cứng, lạnh lùng của một vũ trụ trong đó chẳng có gì thật sự có ý nghĩa cả. Do đó, tôi cảm thấy mình phải trực diện với hai sự lựa chọn: hoặc là Đức Chúa Trời, hoặc là tự sát. Vì tự sát sẽ là một lối thoát quá dễ dàng cho tôi (tôi tin rằng chết là hết, sau khi chết sẽ chẳng còn gì nữa cả) nhưng sẽ để lại sự đau đớn cho những người đã quan tâm chăm sóc lo lắng cho tôi, nên tôi bắt đầu suy nghĩ về Đức Chúa Trời.

Do ngẫu nhiên (?) một Chứng nhân của Đức Giê-hô-va được sắp xếp làm việc bên cạnh tôi. Vì tâm trí tôi đang suy nghĩ về Đức Chúa trời, tôi bắt đầu hỏi người ấy về niềm tin của anh ta. Những câu trả lời của anh ta khiến tôi vô cùng kinh ngạc. Đây là lần đầu tiên tôi được nghe các tư tưởng tôn giáo được trình bày mạch lạc, ăn khớp chặt chẽ với nhau về mặt luận lý. Mọi điều anh ta nói đều khớp đúng vào nhau. vì anh ta trả lời tất cả các câu hỏi của tôi, tôi cứ đặt thêm càng nhiều những câu hỏi với anh ta. Chẳng bao lâu, tôi được hướng dẫn để đến với một lớp học hai lần mỗi tuần để nghiên cứu quyển sách mới của Hội Tháp Canh nhan đề “Chân lý dẫn tôi đến sự sống vĩnh hằng” (1968).

Chẳng mấy chốc mà tôi đã trở thành một Chứng nhân hết sức nhiệt thành. Sau khi học phần giáo lý bước đầu; tôi chịu phép báp-tem, và phục vụ với tư cách “mục sư tiên phong” (pioneer minister) làm việc trọn vẹn thì giờ. Công tác nầy đòi hỏi tôi phải dành ít nhất một trăm giờ mỗi tháng để truyền giảng từ nhà nầy sang nhà khác, và hướng dẫn các lớp học Kinh Thánh tư gia - thật ra nó đòi hỏi đến hơn một trăm giờ vì thời gian di chuyển không được kể vào bản báo cáo công tác hằng tháng. Tôi cứ làm “nhà tiên phong” cho đến năm 1971 khi cưới nhà tôi là Penni, vốn được trưởng dưỡng trong tổ chức, và cũng là một “nhà tiên phong”.

Nhiệt tâm của tôi đối với Đức Giê-hô-va và tài năng truyền giảng của tôi đã được tưởng thưởng sau vài năm bằng việc bổ nhiệm tôi làm trưởng lão. Với chức vị nầy, tôi dã dạy cho hơn 150 người trong hội chúng tại gia của mình thật đều đặn và thường xuyên đi thăm nhiều hội chúng khác với tư cách một diễn giả vào sáng Chúa nhật. Thỉnh thoảng, tôi cũng được giao nhiệm vụ truyền giảng cho những đám cử tọa trong số mấy ngàn hội chúng các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va.

Trong số những trách nhiệm khác mà tôi phụ trách, gồm có việc chủ tọa các buổi họp của các trưởng lão địa phương và tại trụ sở của Hội ở Brooklyn. (Tôi được quyền dứt phép thông công những người vi phạm nhiều “tội” khác nhau, như bán ma túy tại Kingdom Hall, hút thuốc lá, đổi vợ, hoặc có một vật trang hoàng cho ngày lễ Giáng sinh nào đó trong nhà,...)  
Tuy chúng tôi không còn có thể cứ tiếp tục làm những “nhà tiên phong” sau khi đã lập gia đình nữa, bà Penni với tôi vẫn còn rất nhiệt thành với công tác truyền giảng. Hai chúng tôi cùng hướng dẫn những lớp học Kinh Thánh tư gia với hàng chục học viên, và đưa hơn hai chục người trong đám họ vào trong tổ chức với tư cách các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va đã chịu phép báp tem. Chúng tôi cũng đặt “Nước Trời” lên hàng đầu trong đời sống riêng tư bằng cách chỉ làm công việc ngoài đời với số thời gian tối thiểu và sống trong một ngôi nhà ba phòng không đắt tiền để có thể dành càng nhiều thì giờ hơn cho hoạt động truyền giảng từ nhà nầy sang nhà khác.

Điều gì đã làm gián đoạn cuộc đời hoàn toàn cống hiến cho tổ chức Tháp Canh ấy, và khiến chúng tôi vào một nẻo đường dẫn chúng tôi ra khỏi đó? Tóm một lời, đó chính là Chúa Jesus, tôi xin được giải thích:

Lúc vợ chồng chúng tôi đang dự một đại hội của các Chứng nhân, chúng tôi thấy một nhóm ít người chống đối biểu tình ở phía ngoài. Một trong số các biểu ngữ có một dấu hiệu viết rằng: HÃY ĐỌC THÁNH KINH, ĐỪNG ĐỌC SÁCH BÁO CỦA TỔ CHỨC THÁP CANH. Chúng tôi vốn không có thiện cảm với đám người biểu tình đó, nhưng cảm thấy dấu hiệu nầy rất đáng tin vì biết rằng mình đã đọc rất nhiều sách báo do Hội Tháp Canh xuất bản, mà lại loại quyển Kinh Thánh ra ngoài (về sau, chúng tôi đích thân đếm lại tất cả số tài liệu mà tổ chức muốn cho các Chứng nhân đọc: Các sách, tạp chí, bài học và vv... thêm vào một số hơn 3000 trang mỗi năm, so với chưa đầy 200 trang Kinh Thánh mà chúng tôi được bảo là nên đọc - mà phần lớn lại ở trong Cựu Ước. Phần đông các Chứng nhân đều đã bị sa lầy bởi ba ngàn trang sách báo, bài học của tổ chức rồi nên chẳng bao giờ còn rãnh rổi để đọc Kinh Thánh nữa).

Sau khi thấy dấu hiệu của đám người biểu tình, nhà tôi đã quay sang tôi và nói: “Chúng ta phải đọc Kinh Thánh và tài liệu của Hội Tháp Canh”. Tôi đồng ý và chúng tôi bắt đầu thực hiện đều đặn việc tự đọc Kinh Thánh.

Đó cũng là lúc chúng tôi bắt đầu suy nghĩ về Chúa Jesus. Không phải là chúng tôi bắt đầu thắc mắc đặt vấn đề về lời truyền dạy của Hội Tháp Canh rằng Chúa Cứu Thế chính là thiên sứ trưởng Mi-ca-ên khoác lấy thân xác con người - chúng tôi đã chẳng bao giờ thắc mắc về vấn đề ấy. Nhưng chúng tôi có ấn tượng thật sự về việc Chúa Jesus vốn là một con người: những lời Ngài nói, những việc Ngài làm cách Ngài đối xử với mọi người. Chúng tôi muốn noi theo Ngài, nhất là chúng tôi vô cùng kinh ngạc về cách Chúa Jesus đã đối đáp với các lãnh tụ tôn giáo đạo đức giả vào thời của Ngài, là bọn thầy dạy luật và người Pha-ri-si. Tôi nhớ mình cứ đọc đi đọc lại nhiều lần những phần ký thuật về cách bọn Pha-ri-si đã phản đối Chúa Jesus khi Ngài chữa bệnh trong ngày sa-bát, việc các môn đệ Ngài không rửa tay trước khi ăn, và nhiều chi tiết khác nữa về cách ăn ở ứng xử vi phạm các truyền thống của họ. Tôi vô cùng yêu thích câu trả lời của Chúa Jesus: “Các ông là những kẻ đạo đức giả. Nhà tiên tri Ê-sai đã nói tiên tri thật đúng về các ông khi bảo rằng: Dân nầy chỉ tôn kính Ta bằng đầu môi chót lưỡi, nhưng lòng họ thì rất xa Ta. Việc họ thờ phượng Ta thật vô ích, vì họ truyền dạy các mệnh lệnh của loài người mà bảo rằng đó là giáo lý” (Ma-thi-ơ 15:7-9. NWT). Truyền dạy các mệnh lệnh của loài người mà bảo là giáo lý! Cái tư tưởng nầy đánh mạnh vào tâm trí tôi, và tôi bắt đầu nhận thức ra rằng trong lúc thủ vai trưởng lão của mình, tôi đã hành động giống hệt một tên Pha-ri-si hơn là một người theo Chúa Jesus! Thí dụ, các trưởng lão là những người áp đặt đủ thứ luật lệ lẩm cẩm về ăn mặc. Chúng tôi bảo “các chị em” phải mặc áo dài đến đây, bảo “các anh em” phải chải tóc như thế nào, cạo tóc mai làm sao, mặc quần loại ống rộng hẹp như thế nào. Chúng tôi thật sự dạy người ta rằng nếu họ không chịu răm rắp tuân theo thì không thể làm vui lòng Đức Chúa Trời. Điều đó nhắc tôi về bọn người Pha-ri-si đã lên án các môn đệ của Chúa Jesus vì họ không rửa tay trước khi ăn.

Chính y phục và cách ăn mặc của tôi thì hoàn toàn rập khuôn từng li từng tí. Nhưng tôi gặp vấn đề với các phụ nữ trẻ mới chú ý đến tổ chức được tôi đưa đến Kingdom Hall. Thay vì bảo họ mua một áo sơ-mi trắng tay ngắn, áo khoác kiểu thể thao và cắt tóc ngắn, tôi lại bảo họ “Xin các cô chớ có thắc mắc nếu thiên hạ ở Kingdom Hall có phần nào theo kiểu xưa. Các cô cứ tiếp tục theo cách các cô thích. Đức Chúa Trời chẳng phê phán người ta theo cách họ cắt tóc hay ăn mặc đâu”. Nhưng làm như thế thì không ổn, sẽ có một ai đó bảo họ phải cắt tóc ngắn hoặc tặng họ một áo sơ-mi trắng ngắn tay - nếu không, họ sẽ đơn giản cảm thấy mình đã vào nhầm chỗ và bỏ đi, để chẳng bao giờ còn trở lại nữa.

Điều nầy khiến tôi hoang mang, vì tôi tin rằng cuộc đời họ tùy thuộc vào việc họ phải gia nhập “tổ chức của Đức Giê-hô-va”. Nếu các Chứng nhân hành động giống như bọn Pha-ri-si đến độ xua đuổi các thanh niên thanh nữ khỏi con đường cứu rỗi, thì máu vô tội của họ sẽ đổ lên đầu chúng tôi. Nói chuyện ấy với các trưởng lão khác, thì chẳng giúp ích được gì. Họ cảm thấy các kiểu cách cũ tự chúng vốn phải lẽ. Nhưng gương của Chúa Jesus lại đến với tâm trí tôi:

Chúa Jesus đến hội trường, gặp một người bị teo bàn tay. Người ta hỏi Chúa: Chữa bệnh trong ngày thứ bảy có hợp pháp không? Họ muốn gài bẫy để tố cáo Ngài. Chúa Jesus đáp: Nếu chiên của các ông bị rơi xuống hố trong ngày lễ, các ông có tìm cách cứu nó lên ngay hôm ấy không? Con người còn quí trọng hơn chiên biết bao. Phải, làm việc thiện trong ngày lễ là hợp pháp. Rồi Chúa bảo người teo tay: Con xòe bàn tay ra!...” (Ma-thi-ơ 12:9-17).  
Nếu quả thật là tôi theo Chúa Jesus chứ không phải theo người ta, tôi chỉ thấy có một con đường mở ra trước mặt mình. Bản thân tôi đã vi phạm truyền thống của các trưởng lão bằng cách để tóc dài hơn cả phân tây phía trên lỗ tai. Cách lý luận của tôi là: Làm thế nào họ có thể gây áp lực trên một người mới đến, bảo phải cắt tóc ngắn, nếu giờ đây, có một trưởng lão cũng để tóc theo kiểu giống anh ta?

Thế là các trưởng lão đã phản ứng y như bọn Pha-ri-si từng làm khi Chúa Jesus truyền cho người teo tay hãy xòe bàn tay ra. Kinh điển chép “Các thầy Pha-ri-si bỏ về, họp nhau để tìm mưu giết Chúa” (Ma-thi-ơ 12:14). Họ đã phản ứng lại tôi một thời gian, nhưng rồi đã thật sự đưa tôi ra xét xử, gọi người làm chứng, và dành ra mấy chục giờ để thảo luận về vấn đề để tóc dài đến mấy phân tây của tôi.

Tuy nhiên, ăn mặc không phải là vấn đề đích thực. Với tôi, thì vấn đề là tôi là môn đệ của ai. Tôi là người theo Chúa Jesus hay chỉ là một tên đầy tớ trung thành với một tổ chức có tôn ti trật tự của loài người? Các trưởng lão đem tôi ra xét xử cũng biết rằng đó mới chính là vấn đề đích thực. Họ cứ chất vấn “Ông có tin rằng Hội Tháp Canh là tổ chức của Đức Chúa Trời hay không? Ông có tin rằng Hội là phát ngôn nhân của Đức Giê-hô-va không?” Lúc ấy, tôi đã trả lời “có” vì tôi vẫn còn tin rằng đó chính là tổ chức của Đức Chúa Trời - nhưng bảo rằng nó đã bị băng hoại rồi, như hệ thống Do Thái giáo vào thời Chúa Jesus bị bọn Pha-ri-si chống đối vậy.

Chính những gì tôi nói tại các buổi họp của hội chúng đã thật sự gây rắc rối cho tôi, vì tôi vẫn còn là một trưởng lão, cho nên khi được giao nhiệm vụ nói chuyện khoảng 15 phút về sách Xa-cha-ri vào buổi họp tối thứ Năm của Trường Theo-cratic Ministry, tôi đã lợi dụng cơ hội ấy để khuyến khích đám cử tọa hãy đọc Kinh Thánh. Thật vậy, tôi đã bảo họ nếu số thì giờ của họ bị hạn chế và họ phải chọn giữa việc đọc Kinh Thánh với việc đọc tạp chí Tháp Canh, thì họ phải chọn quyển Kinh Thánh, vì đó là Lời linh cảm của Đức Chúa Trời, trong khi tạp chí Tháp Canh vốn không được linh cảm, mà thường thường còn truyền dạy những điều sai lầm mà về sau, phải sửa lại.

Chẳng có gì để ngạc nhiên cả, khi đó là lần cuối cùng họ cho phép tôi được nói. Nhưng tôi vẫn còn được nói khi ngồi tại chiếc ghế dành riêng cho mình trong những giai đoạn hỏi-đáp của các buổi họp. Mọi người chúng tôi đều được trông mong trả lời bằng chính những lời lẽ của mình, nhưng không phải là theo những gì mình suy nghĩ. Bạn phải đưa ra phần tư tưởng được tìm thấy trong phân đoạn của bài học đã được thảo luận. Nhưng sau khi tôi nói ra vài điều họ không thích, thì họ thôi không đưa máy vi-âm cho tôi nữa.

Với cách nhìn mới mẻ tôi có được nhờ đọc Kinh Thánh, tôi hoang mang khi thấy tổ chức tự nâng mình lên cao hơn Kinh Thánh, và nó đã làm việc ấy khi vào ngày 1.12.81, tạp chí The Watchtower viết: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời cũng cung cấp tổ chức hữu hình của Ngài... Trừ phi khi chúng ta bắt liên lạc để tiếp xúc với con kênh để giao thông mà Đức Chúa Trời đang dùng nầy, chúng ta sẽ không tiến bộ được trên con đường sự sống, cho dù chúng ta có đọc Kinh Thánh nhiều đến đâu đi chăng nữa” (tr. 24, q. 4). Tôi thật tình bối rối khi thấy những con người nầy dám tự đưa mình lên cao hơn Lời Đức Chúa Trời. Vì tôi không còn có thể lên tiếng trước các buổi họp nữa, tôi quyết định thử viết xem sao.

Đó là lúc tôi bắt đầu cho viết bản bức thư thông tin “Lời bình luận từ những người bạn” (Comments from the Friends). Tôi viết nhiều bài, thắc mắc đặt vấn đề những gì tổ chức đang truyền dạy và ký bút hiệu là “Bill Tyndale Jr” - ngụ ý ám chỉ nhà phiên dịch Kinh Thánh người Anh hồi thế kỷ thứ 16 là William Tyndale, đã bị trói vào một cây cọc để thiêu sống vì những gì ông đã viết. Để tránh bị bắt gặp, vợ chồng chúng tôi phải lái xe trên quốc lộ ban đêm để đến một bưu cục ngoài tiểu bang, và gởi các bài báo đi trong những phong bì không có địa chỉ người gởi. Chúng tôi gởi chúng cho các Chứng nhân tại địa phương, cũng gởi cho mấy trăm người của Kingdom Hall trên toàn quốc mà chúng tôi tìm được địa chỉ trên các sách niên giám điện thoại trong thư viện thành phố.

Vợ chồng chúng tôi biết rằng chúng tôi phải từ bỏ tổ chức các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va. Nhưng với chúng tôi, nó tương tự vấn đề phải làm gì trong một tòa cao ốc đang bị hỏa hoạn. Có nên thoát thân bằng lối ra gần nhất hay không? Hay trước hết phải đập vào tất cả các cửa, đánh thức những người láng giềng dậy, và giúp họ thoát thân nữa? Chúng tôi cảm thấy bị bó buộc phải giúp những người khác thoát nạn - nhất là những người trong các gia đình của chúng tôi, và các “học viên” mà chúng tôi đã đưa vào trong tổ chức. Nếu chúng tôi chỉ đơn giản ra đi mà thôi, các gia đình mà chúng tôi để lại sau lưng chắc sẽ bị cấm liên hệ tiếp xúc với chúng tôi.

Nhưng sau vài tuần lễ, một người bạn đã phát giác được và tố cáo chúng tôi. Cho nên, một đêm nọ, lúc vợ chồng chúng tôi trở về nhà sau một buổi hướng dẫn một lớp học Kinh Thánh, hai trưởng lão từ một chiếc ô-tô đậu sẵn bước ra chận chúng tôi lại ngay trên dường phố, và chất vấn chúng tôi về bức thư thông tin. Họ muốn đưa chúng tôi ra xét xử vì đã cho xuất bản nó, nhưng chúng tôi chỉ phản ứng đơn giản là thôi không đến Kingdom Hall nữa. Bấy giờ, hầu hết các bạn cũ của chúng tôi đều tỏ ra thù ghét chúng tôi. Một thanh niên gọi điện thoại dọa “ra tay và giải quyết” với tôi, nếu anh ta còn nhận được một bức thư thông tin của chúng tôi nữa. Một Chứng nhân khác còn thật sự để lại hai lời đe dọa giết chết chúng tôi, trong máy trả lời điện thoại của chúng tôi. Các trưởng lão thì đã đi bước trước bằng cách xử vắng mặt và dứt phép thông công chúng tôi.

Tuy thoát được chiếc ách áp bức của tổ chức ấy là điều khiến chúng tôi cảm thấy nhẹ nhõm, bấy giờ chúng tôi đã phải trực diện với sự thách đố cận tiếp là phải đi đâu và tin tưởng gì. Tôi dành ít thì giờ để suy nghĩ lại toàn thể nhân sinh quan tôn giáo của mình. Trước khi từ bỏ Hội Tháp Canh, chúng tôi phải chối bỏ những lời rêu rao rằng tổ chức ấy là “con kênh truyền thông” của Đức Chúa Trời, rằng Chúa Jesus đã tái lâm một cách vô hình hồi năm 1914, và “đám đông người” gồm các tín hữu, lể từ 1935 trở đi, không được dự phần bánh và chén trong Tiệc Thánh. Nhưng chúng tôi chỉ mới bắt đầu xét lại các giáo thuyết khác nữa mà thôi và chúng tôi cũng chưa bước vào sự giao hảo (thông công) với các Cơ-đốc nhân ngoài tổ chức các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va.

Cả hai vợ chồng chúng tôi đều biết rằng chúng tôi phải đi theo Chúa Jesus, và rằng Kinh Thánh có đủ mọi thông tin mà chúng tôi cần đến. Cho nên chúng tôi đã thật lòng dâng mình để đọc Kinh Thánh và cầu nguyện. Chúng tôi cũng mời các gia đình chúng tôi và những bạn thân còn lại cùng nhóm lại tại nhà tôi vào các sáng Chúa nhật. Trong khi các Chứng nhân đều nhóm lại tại Kingdom Hall để nghe một bài thuyết giảng và nghiên cứu tạp chí Watchtower, thì chúng tôi họp lại để đọc Kinh Thánh. Có khoảng 15 người chúng tôi nhóm lại - phần đông là người trong gia đình nhưng cũng có vài bạn thân nữa.

Chúng tôi vô cùng kinh ngạc về những gì mình đã tìm được khi vừa đọc Tân Ước vừa cầu nguyện nhiều lần - những điều mà chúng tôi chẳng bao giờ nhận thấy trước đây, như mối liên hệ mật thiết giữa các môn đệ nguyên thủy với Chúa đã phục sinh, hoạt động của Đức Thánh Linh trên hội thánh nguyên thủy, và những gì Chúa Jesus truyền dạy về vấn đề “phải tái sinh”.

Suốt những năm làm các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, tổ chức Tháp Canh đã hướng dẫn chúng tôi đi dạo một vòng xuyên suốt bộ Thánh Kinh. Chúng tôi biết được khá nhiều về Cựu Ước, có thể trích dẫn nhiều câu Kinh điển, nhưng chẳng bao giờ được nghe Phúc Âm về sự cứu rỗi trong Chúa Cứu Thế. Chúng tôi chẳng bao giờ học biết được là phải nhờ cậy vào Chúa Jesus để được cứu rỗi và phải xem chính Ngài là Chúa mình. Mọi sự đều bị tập trung chung quanh chương trình công tác của tổ chức Tháp Canh, và người ta chỉ trông mong mọi người đến với Giê-hô-va Đức Chúa Trời qua trung gian của tổ chức ấy.

Sau khi nhờ đọc thư La-mã chương 8 và Giăng chương 3, tôi nhận thức được rằng mình cần được “sinh ra bởi Thánh Linh”, thoạt đầu tôi rất lo sợ. Các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va tin rằng những người được tái sinh, tự xưng họ có Đức Thánh Linh, thật ra là những kẻ bị quỉ ám. Cho nên tôi sợ nếu mình lớn tiếng cầu nguyện, dâng cuộc đời mình cho Chúa Cứu Thế Jesus, thì một con quỉ nào đó có thể nghe thấy, và nó có thể nhảy xổ vào để ám ảnh mình, tự xưng rằng nó chính là Đức Thánh Linh (nhiều Chứng nhân vẫn sống với nỗi lo sợ thường xuyên các ma quỉ. Thậm chí nhiều bạn bè của chúng tôi sẵn sàng vất bỏ các thiết bị và quần áo, sợ rằng qua các vật dụng ấy, ma quỉ có thể xâm nhập nhà họ). Nhưng rồi tôi được đọc lời Chúa Jesus ởLu-ca 11:9-13, trong một văn cảnh lúc Ngài đang truyền dạy về sự cầu nguyện và đuổi các tà linh, Chúa Jesus đã phán: *“Ta quả quyết với các con... Hãy xin sẽ được, hãy tìm sẽ gặp, hãy gõ cửa, cửa sẽ mở ra. Vì bất kỳ ai xin sẽ được, ai tìm sẽ gặp và cửa sẽ mở cho người nào gõ*. *Có người cha nào khi con mình xin bánh mà cho đá, xin cá mà cho rắn, hay xin trứng, lại cho bò cạp không? Các con vốn là người xấu còn biết cho con mình vật tốt, huống chi Cha các con ở trên trời, chẳng ban Thánh Linh cho người cầu xin Ngài sao?”*

Sau khi đọc mấy câu nầy, tôi biết là mình có thể cầu xin được Thánh Linh của Chúa Cứu Thế và được an toàn (Rô-ma 8:9), chẳng cần phải lo sợ mình sẽ nhận được một con quỉ. Cho nên, một sáng sớm nọ khi chỉ có một mình tôi trong nhà bếp, tôi bắt đầu xưng nhận sự cần thiết được cứu rỗi của mình, và dâng cuộc đời tôi cho Chúa Jesus.

Khoảng nửa giờ sau, lúc tôi đang ở trên đường đi làm việc, và lúc ấy, tôi lại cầu nguyện một lần nữa. Từ nhiều năm rồi, tôi vốn đã tập thành thói quen bắt đầu bài cầu nguyện của mình bằng cách nói rằng: “(Lạy) Giê-hô-va là Đức Chúa Trời...” Nhưng lần nầy, khi tôi mở miệng ra để cầu nguyện tôi lại bắt đầu nói: “(Lạy) Cha...”. Sự việc vốn không phải lẽ vì tôi đã lý luận về chủ đề ấy để đi đến kết luận là mình phải ngỏ lời với Đức Chúa Trời khác đi, mà tiếng “Cha” chỉ bỗng nhiên vọt ra, trong khi tôi chẳng hề nghĩ gì đến việc ấy cả. Tôi tức khắc hiểu ngay tại sao: “Đức Chúa Trời ... đã sai Thánh Linh của Chúa Jesus ngự vào lòng chúng ta, giúp chúng ta gọi Đức Chúa Trời bằng Cha” (Ga-la-ti 4:6). Tôi vui mừng đến rơi lệ vì biết Đức Chúa Trời đã xác nhận mối liên hệ mới mẻ và mật thiết hơn nầy giữa tôi với Ngài.  
Chẳng bao lâu, vợ chồng chúng tôi muốn thờ phượng và ca ngợi tán tụng Chúa trong một hội chúng các tín hữu và được lợi ích nhờ có các Cơ-đốc nhân khôn ngoan và trưởng thành. Từ ngày một nhóm nhỏ các cựu Chứng nhân vẫn nhóm lại tại nhà riêng chúng tôi vào những sáng Chúa nhật để đọc Kinh Thánh, và phần đông họ đều sẵn sàng gia nhập một Hội Thánh, chúng tôi bắt đầu đi thăm các Hội Thánh có những giờ nhóm lại vào buổi tối. Có một Hội Thánh chúng tôi đến viếng lại có nếp sống quá gò bó theo luật pháp đến mức chúng tôi cảm thấy như mình đang quay trở lại Kingdom Hall vậy. Một hội thánh khác nữa lại quá tự do, đến nỗi bài giảng dường như luôn luôn bàn về triết học hay chính trị thay vì chú trọng vào Chúa Jesus. Tuy vậy, cuối cùng, Chúa cũng đưa chúng tôi đến một Hội Thánh nơi chúng tôi cảm thấy thoải mái, nơi mọi việc đều được tập trung vào Chúa Cứu Thế Jesus và Phúc Âm của Ngài, chứ không phải là những vấn đề bên cạnh đó.

Nhà tôi hiện dạy lớp Năm trong một trường học Cơ-đốc giáo, có học sinh đến từ khoảng 17 hội thánh khác nhau. Bà thật sự vui vẻ về điều ấy, vì có thể căn cứ vào Kinh Thánh để thảo luận về đủ loại chủ đề. Và ngoài công việc làm ngoài đời của mình, tôi vẫn tiếp tục xuất bản “Lời bình luận từ những người bạn” như một bức thư thông tin ra mỗi ba tháng, một số nhằm mục đích đem Phúc Âm đến cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va và giúp các Cơ-đốc nhân về phương pháp nói chuyện với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va. Tạp chí ấy cũng có những bài viết đặc biệt lý thú cho các Chứng nhân. Số độc giả ghi tên mua báo gồm một chục nơi ngoài nước, cũng như sinh sống khắp nơi tại Hoa Kỳ và Canada. Ngoài việc viết về đề tài nầy, thỉnh thoảng tôi còn nói chuyện với nhiều nhóm người trong các Hội Thánh quan tâm muốn học hỏi cách trả lời với các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va để đưa họ về với Chúa Cứu Thế Jesus.

Hằng tuần, chúng tôi cung cấp một băng ghi âm bài giảng cho các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, suốt 24 giờ trong ngày. Các Chứng nhân có thể gọi số 508-584-4467 và được nghe một bức thông điệp ngắn, hướng dẫn họ đến với Kinh Thánh và giúp họ bài bác những lời truyền dạy của Hội Tháp Canh. Thậm chí vẫn có những Chứng nhân gọi điện thoại cho chúng tôi lúc nửa đêm, để khỏi bị người trong gia đình chú ý và tố cáo với các trưởng lão. Cho đến nay, chúng tôi đã nhận được trên sáu ngàn lần gọi. Ở phần cuối của mỗi bài giảng, người gọi được mời để lại tên và địa chỉ hầu có thể nhận được sách báo miễn phí theo đường bưu điện - và nhiều người đã làm như thế.

Trọng tâm của chức vụ đến với người ngoài của chúng tôi là nhằm giúp các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va được giải thoát khỏi sự lừa dối, và đặt đức tin vào Phúc Âm nguyên thủy của Chúa Cứu Thế như đã được trình bày trong Kinh Thánh. Bài học quan trọng mà vợ chồng chúng tôi đã nhận được từ khi từ bỏ tổ chức các Chứng nhân của Đức Giê-hô-va, ấy là Chúa Jesus không phải chỉ là một nhân vật lịch sử chúng ta đọc thấy trong sách báo mà thôi. Ngài hiện vẫn còn sống và đang tích cực cùng tham gia hoạt động với các Cơ-đốc nhân ngày nay, như Ngài từng làm như thế hồi thế kỷ thứ 1 vậy. Chính Ngài đích thân cứu rỗi, dạy dỗ và lãnh đạo chúng ta. Mối liên hệ riêng tư với Đức Chúa Trời qua trung gian Con Ngài là Chúa Cứu Thế Jesus, quả là kỳ diệu, tuyệt vời. Cá nhân nào nhận biết Chúa Jesus và bước theo Ngài sẽ chẳng còn nghĩ đến việc phải đi theo bất cứ ai khác nữa.

*“Chiên Ta nghe tiếng Ta, Ta quen nó và nó theo Ta. Ta ban cho nó sự sống đời đời; nó chẳng chết mất bao giờ, và chẳng ai cướp nó khỏi tay Ta.”* (Giăng 10:27,28)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*